

UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

----- ∞ -----

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

MÃ SỐ: 13 - UBCK - 2001

Chủ nhiệm đề tài: Th.S Nguyễn Quang Việt
Trưởng Phòng Pháp chế

Thư ký đề tài : Bùi Thanh Nga

Những người phối hợp:

1. Th.S Phạm Hồng Giang
2. Th.S Phạm Thị Giang Thu
3. Thành viên thuộc Phòng Pháp chế

HÀ NỘI - 2001

4450

22/7/02

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	
1.1 Khái niệm	7
1.1.1 Thị trường chứng khoán và sự cần thiết của việc giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.....	7
1.1.2 Khái niệm về giải quyết tranh chấp	11
1.1.2.1 Khái niệm về tranh chấp và các loại tranh chấp	11
1.1.2.2 Khái niệm giải quyết tranh chấp.....	12
1.1.2.3 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	13
1.1.2.4 Hình thức giải quyết tranh chấp.....	17
1.1.3 Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.....	21
1.1.3.1 Chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp.....	21
1.1.3.2 Các loại tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán.....	25
1.1.3.3 Tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.....	30
1.1.3.4 Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật về tranh chấp	33
1.1.3.5 Quyền và nghĩa vụ các bên.....	34
1.1.3.6 Hậu quả pháp lí.....	37
1.2 Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.....	38

1.2.1 Yêu cầu của việc điều chỉnh bằng pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán Việt Nam.....	38
1.2.2 Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.....	40
1.2.2.1 Nâng cao hiệu lực của quản lí Nhà nước về thị trường chứng khoán.....	40
1.2.2.2 Đảm bảo sự tuân thủ nghiêm pháp luật của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.....	41

CHƯƠNG 2: KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 43

2.1 Kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp trên TTCK ở một số quốc gia trên thế giới	43
2.1.1 Hình thức và hệ thống cơ quan giải quyết tranh chấp	43
2.1.2 Quy trình và các vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp	48
2.1.3 Các biện pháp đảm bảo thực hiện phán quyết giải quyết tranh chấp.....	58
2.2 Nội dung, thực trạng của pháp luật về giải quyết tranh chấp trên TTCK Việt Nam.....	60
2.2.1 Cơ sở pháp lí của việc giải quyết tranh chấp.....	60
2.2.1.1 Các qui định chung của pháp luật về giải quyết tranh chấp	60
2.2.1.2 Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán.....	63
2.2.2 Thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp.....	69
2.2.2.1 Hình thức thương lượng.....	69
2.2.2.2 Hình thức hoà giải	71
2.2.2.3 Hình thức Trọng tài	72

2.2.2.4 Hình thức Tòa án.....	75
2.2.3 Qui trình giải quyết tranh chấp.....	78
2.2.3.1 Qui trình giải quyết tranh chấp bằng hoà giải.....	78
2.2.3.2 Qui trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.....	79
2.2.3.3 Qui trình giải quyết tranh chấp bằng Tòa án.....	81
2.2.4 Hình thức phán quyết và biện pháp xử lí của cơ quan có thẩm quyền.....	83

**CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG
KHOÁN VIỆT NAM.....87**

**3.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp
.....87**

**3.2 Một số kiến nghị cụ thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật
về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán Việt Nam 92**

3.2.1 Xây dựng pháp luật đồng bộ về chứng khoán và thị trường chứng
khoán..... 92

3.2.2 Xác định rõ thế nào là tranh chấp trên thị trường chứng khoán
97

3.2.3 Xác định thời điểm phát sinh tranh chấp và thời hiệu khởi kiện
tranh chấp trên thị trường chứng khoán..... 101

3.2.4 Xác định rõ thời điểm hình thành, chấm dứt quyền sở hữu chứng
khoán và các quyền có liên quan đến chứng khoán 103

3.2.5 Mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp về chứng khoán..... 104

3.2.6 Ban hành, sửa đổi văn bản pháp luật theo xu hướng qui định rõ
trình tự giải quyết tranh chấp tại thị trường, trong đó nhấn mạnh vai trò
của hoà giải và vai trò của cán bộ pháp luật, phòng chức năng trong
lĩnh vực pháp luật..... 106

3.2.7 Tăng cường sự tham gia của toà án vào quá trình giải quyết tranh chấp bằng hoà giải, trọng tài	110
3.2.8 Vấn đề về giải quyết tranh chấp chứng khoán có yếu tố nước ngoài.....	111
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

PHÂN MỞ ĐẦU

Xây dựng thị trường chứng khoán phù hợp với định hướng đổi mới và phát triển nền kinh tế đất nước là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm tạo một kênh huy động vốn dài hạn cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Định hướng này đã được tiếp tục khẳng định trong văn kiện Đại hội IX của Đảng là: *"Tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Phát triển thị trường vốn và tiền tệ, nhất là thị trường vốn trung và dài hạn. Tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, từng bước mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động kể cả việc thu hút vốn nước ngoài"*.

Để đảm bảo cho thị trường chứng khoán vận hành được an toàn, có hiệu quả, công khai, công bằng, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của người đầu tư và duy trì được sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường thì mọi quan hệ phát sinh trong lĩnh vực này đều cần phải có sự điều chỉnh của pháp luật, hay nói cách khác là phải có một khung pháp lý đồng bộ cho hoạt động của thị trường.

Trong những năm qua Chính phủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng khung pháp lý đồng bộ cho hoạt động thị trường. Bên cạnh việc xây dựng các văn bản pháp quy để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trên các lĩnh vực phát hành, kinh doanh, dịch vụ chứng khoán v.v. thì việc kịp thời ban hành các quy định về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán là một tất yếu khách quan. Hoạt động quản lý phát hành, kinh doanh, dịch vụ chứng khoán chỉ thực sự có hiệu quả và thị trường chứng khoán chỉ hoạt động an toàn, công

bằng và bảo vệ được người đầu tư khi những tranh chấp, những vi phạm các quy định về quản lý trên thị trường chứng khoán được giải quyết kịp thời.

Thực tiễn cho thấy có rất nhiều vấn đề có thể nảy sinh tranh chấp trong hoạt động chứng khoán như: việc thực hiện hợp đồng đã cam kết giữa công ty chứng khoán với người đầu tư về hoạt động môi giới; các hoạt động về cầm cố, thế chấp với thành viên lưu ký; hoạt động uỷ quyền giữa người đầu tư với công ty chứng khoán hoặc giữa người đầu tư với nhau.v.v.

Hiện nay pháp luật nói chung về giải quyết tranh chấp còn chưa thực sự hoàn thiện, pháp luật về trọng tài, về hội đồng hoà giải cũng còn nhiều bất cập. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán mới chỉ đặt ra những quy định chung nhất. Do vậy, việc tìm ra giải pháp cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp nói chung và tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng là một nhiệm vụ tương đối quan trọng cho cả trước mắt và lâu dài trong quá trình phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam. Mặt khác, nó còn góp phần vào việc xây dựng, hoàn thiện Luật (Pháp lệnh) Chứng khoán sau này.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1.1 Khái niệm

1.1.1 Thị trường chứng khoán và sự cần thiết của việc giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán hay thị trường vốn là một bộ phận rất quan trọng của thị trường tài chính, là nơi trao đổi, mua bán các loại chứng khoán dài hạn bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư và các loại chứng khoán khác. Thị trường chứng khoán còn là thị trường huy động vốn dài hạn chủ yếu thông qua phát hành chứng khoán được coi là thị trường huy động vốn trực tiếp không qua trung gian, là kênh huy động vốn trung và dài hạn chủ yếu phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển nền kinh tế, nó đóng vai trò thiết yếu trong việc huy động, phân phối và kiểm soát vốn một cách có hiệu quả trong nền kinh tế hiện đại.

Đây là thị trường phức tạp, hoạt động mang tính riêng biệt với các quy luật chi phối khá khác nghiệt so với các thị trường khác. Hoạt động của thị trường có thể ảnh hưởng toàn diện đến tình hình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia và tùy thuộc vào trình độ phát triển nền kinh tế thị trường của mỗi nước sẽ có tác động, ảnh hưởng đến môi trường và thị trường quốc tế.

Những ưu việt của thị trường chứng khoán là thông qua thị trường chứng khoán, Chính phủ, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế có thể

phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn cho sản xuất kinh doanh, cho đầu tư phát triển, cho các nhu cầu khác của ngân sách nhà nước, khuyến khích tiết kiệm và đầu tư, phát triển thông qua thu nhập, lợi tức và giá cả cổ phiếu, trái phiếu. Thông qua thị trường chứng khoán, người đầu tư chứng khoán lựa chọn đầu tư khoản tiền tiết kiệm của mình vào những lĩnh vực kinh tế, những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Thị trường chứng khoán cũng thúc đẩy, khuyến khích cạnh tranh phát triển thông qua giá cả cổ phiếu, trái phiếu, từ đó, doanh nghiệp tự điều chỉnh lại sản xuất kinh doanh. Chỉ số chứng khoán, sự tăng giảm giá cổ phiếu, trái phiếu, phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh và thực trạng nền kinh tế. Thị trường chứng khoán là công cụ để tham gia hội nhập có hiệu quả vào nền kinh tế thế giới.

Bên cạnh những ưu việt nêu trên, thị trường chứng khoán cũng có những mặt trái của nó. Vì vậy, các nhà quản lý thị trường cần phải có biện pháp ngăn ngừa và hạn chế những khuyết tật, rủi ro của thị trường chứng khoán nhằm mục đích đảm bảo cho thị trường hoạt động an toàn, công bằng, minh bạch và giảm thiểu rủi ro hệ thống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Thời gian qua cho thấy ngay thị trường chứng khoán thế giới cũng có lúc chao đảo như đợt tấn công vào đồng Baht Thái Lan tháng 7/1997. Hiện tượng là người đầu cơ thực hiện một cuộc bán khống rất lớn hoặc mua bảo chứng, nếu giá chứng khoán giảm thì họ thu được lợi lớn nhưng nếu giá chứng khoán tăng liên tục thì người đầu cơ sẽ bị phá sản dẫn đến làm mất ổn định thị trường. Trước đây, Luật Chứng khoán Nhật Bản cho phép hoạt động bán khống chứng khoán. Đến năm 1997, nền kinh tế Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ của Châu Á. Năm 1998, Nhật Bản đã cấm các hoạt động bán khống trên thị trường chứng khoán (mặc dù đây là biện pháp tình thế).

Do thị trường chứng khoán là một thể chế tài chính bậc cao, rất nhạy cảm của nền kinh tế thị trường, luôn tiềm ẩn rủi ro và bất ổn định nên mỗi hành vi vi phạm trong thị trường chứng khoán hay mỗi tranh chấp về quyền và lợi ích của các nhà đầu tư nếu không được xử lý và giải quyết kịp thời sẽ góp phần làm mất ổn định thị trường dẫn đến thị trường bị chao đảo và sụp đổ.

Tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán là một trong những loại tranh chấp về kinh tế chỉ xuất hiện khi thị trường chứng khoán ra đời và các tranh chấp này rất đa dạng như: tranh chấp giữa công ti chứng khoán với khách hàng, giữa các công ti chứng khoán thành viên với nhau, tranh chấp giữa công ti chứng khoán với tổ chức phát hành, giữa công ti chứng khoán với cá nhân, tổ chức nước ngoài.v.v. Các tranh chấp này liên quan đến rất nhiều lĩnh vực như phát hành, kinh doanh, giao dịch chứng khoán. Trong mỗi loại tranh chấp này lại được biểu hiện dưới các hình thức khác nhau. Ví dụ như: Trong tranh chấp giữa công ti chứng khoán với khách hàng có các tranh chấp về việc không tách bạch nguồn tiền và chứng khoán của khách hàng với tài sản của công ti, không ưu tiên thực hiện lệnh mua, bán của khách hàng trước lệnh mua, bán của công ti.v.v.

Vấn đề giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực chứng khoán đã được Luật Chứng khoán một số nước qui định và đưa ra các hình thức, căn cứ giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán như: Luật Chứng khoán (1933) và Luật giao dịch chứng khoán (1934), Luật Chứng khoán Chính phủ (1986), Luật Công ti, Luật bảo vệ nhà đầu tư của Mỹ; Luật Chứng khoán và Kinh doanh Chứng khoán (1947), Luật Tín thác đầu tư (1957), Luật Công ti (1971), Luật Quản lý tư vấn đầu tư chứng khoán (1986) của Nhật; Luật Chứng khoán (1999) và Luật Trọng tài (1995) của Trung Quốc; Luật Chứng khoán của Thái Lan; Luật Chứng khoán của Hàn

Quốc.v.v. Các Luật này là cơ sở giải quyết tranh chấp trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ về chứng khoán.

Ở Việt Nam, vấn đề giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh tế được quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, trong đó vấn đề giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực chứng khoán được quy định tại Khoản 3, Điều 12 Pháp lệnh này và Điều 79, Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng quy định việc giải quyết tranh chấp về chứng khoán trên thị trường tập trung. Những văn bản quy phạm pháp luật này chỉ mới dừng lại ở những qui định mang tính nguyên tắc, chung chung chưa rõ ràng, cụ thể.

Thực tế các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực chứng khoán rất hay xảy ra và việc giải quyết các tranh chấp này ở các nước có thị trường chứng khoán thường gặp không ít khó khăn do tính chất đặc thù của các loại tranh chấp đó. Nói chung, việc giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán đòi hỏi phải được tiến hành nhanh gọn, kịp thời với thủ tục đơn giản, chặt chẽ, và được tiến hành bởi một cơ quan có chuyên môn cao về thị trường chứng khoán. Vì vậy, việc tiến hành giải quyết các tranh chấp này nếu theo trình tự, thủ tục và cơ quan giải quyết tranh chấp như đối với các tranh chấp thông thường khác thì sẽ không đáp ứng được yêu cầu.

Các nước thường có những qui định rất cụ thể về việc hoà giải giữa các bên khi xảy ra tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và giao dịch chứng khoán, và nếu việc hoà giải không đạt được kết quả thì tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua một tổ chức (thường là do Sở giao dịch chứng khoán, Hiệp hội chứng khoán hoặc có thể là một đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán đứng ra giải quyết).

Tóm lại, để tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán hoạt động công bằng, minh bạch, và bảo vệ nhà đầu tư, việc đặt ra những qui định cụ thể về

giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và giải quyết nhanh chóng, kịp thời các tranh chấp này trên thị trường chứng khoán sẽ góp phần vào sự ổn định và phát triển của thị trường chứng khoán. Đó là yêu cầu cần thiết và cấp bách trong thực tế hiện nay.

1.1.2 Khái niệm về giải quyết tranh chấp

1.1.2.1 Khái niệm về tranh chấp và các loại tranh chấp

Tranh chấp có thể được hiểu là những bất đồng về vấn đề quyền lợi giữa hai bên.

Tranh chấp có rất nhiều loại như: các tranh chấp về dân sự, kinh tế, lao động, thương mại, đầu tư, tranh chấp có yếu tố nước ngoài.v.v.

Tranh chấp dân sự là tranh chấp phát sinh từ những quan hệ dân sự, đó là các quan hệ về tài sản hoặc quan hệ nhân thân phi tài sản. Tranh chấp dân sự thường xảy ra trong các lĩnh vực như: mua bán tài sản, thừa kế, tặng cho, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.v.v.

Tranh chấp kinh tế còn gọi là tranh chấp trong kinh doanh, là tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh doanh. Những tranh chấp trong kinh doanh là những tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa pháp nhân với pháp nhân, giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh, các tranh chấp giữa công ti với các thành viên của công ti, giữa các thành viên của công ti với nhau, tranh chấp liên quan đến thành lập, hoạt động và giải thể công ti, các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các tranh chấp kinh tế khác theo qui định của pháp luật.

Tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng trong hoạt động thương mại, bao gồm: các hợp đồng mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại.v.v.

Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác về thực hiện

hợp đồng lao động, thoả ước tập thể và trong quá trình học nghề. Tranh chấp lao động bao gồm tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động và tranh chấp tập thể giữa tập thể lao động với người sử dụng lao động.

Tranh chấp liên quan đến đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm: tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc trong doanh nghiệp liên doanh, tranh chấp giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với nhau hoặc với tổ chức kinh tế Việt Nam, tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng BOT, BTO, BT, tranh chấp phát sinh từ các Hiệp định bảo hộ và khuyến khích đầu tư giữa Việt Nam và các Quốc gia khác.

Các tranh chấp trong hoạt động chứng khoán, bao gồm: các tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực phát hành, kinh doanh, giao dịch chứng khoán.v.v. Đó là các tranh chấp giữa công ti chứng khoán với khách hàng, giữa các công ti thành viên, các tổ chức niêm yết, các công ti quản lí quỹ, đăng ký, thanh toán bù trừ và lưu ký chứng khoán, các tranh chấp trong việc xác nhận sở hữu, chuyển quyền sở hữu chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động bán khống (Luật một số nước cho phép bán khống), mở tài khoản cầm cố, thực hiện lệnh khách hàng.v.v.

1.1.2.2 Khái niệm giải quyết tranh chấp

Giải quyết tranh chấp là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền đứng ra làm trung gian để giải quyết sự bất đồng quan điểm của các bên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ.

Giải quyết tranh chấp khác với việc xử lí các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm hành chính. Giải quyết tranh chấp là việc một cơ quan hay tổ chức có thẩm quyền đứng ra làm trung gian giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể hoàn toàn bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, các chủ thể có

quyền thoả thuận, lựa chọn hình thức cũng như cơ quan giải quyết tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp thường thông qua hình thức thương lượng, trung gian hoà giải, Trọng tài và Toà án.

Xử lý vi phạm thường thể hiện một quan hệ bất bình đẳng giữa một bên là Nhà nước và một bên là cá nhân, tổ chức vi phạm. Xử lý vi phạm có thể là xử lý hành chính hay xử lý hình sự tùy theo mức độ vi phạm và các đối tượng vi phạm phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử lý. Cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật hình sự bị áp dụng các hình thức cưỡng chế được qui định tại Bộ luật Hình sự, còn nếu vi phạm hành chính bị áp dụng các hình thức xử lý hành chính được qui định tại Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Giải quyết tranh chấp cũng khác với việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo. Giải quyết khiếu nại là việc xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết của người giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại (Khoản 1 và Khoản 13, Điều 2 Luật khiếu nại, tố cáo). Giải quyết tố cáo là việc xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và việc quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức (Khoản 2 và Khoản 14, Điều 2 Luật khiếu nại, tố cáo).

1.1.2.3 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

Nguyên tắc giải quyết tranh chấp là những tư tưởng chỉ đạo được qui định nhằm thống nhất việc giải quyết tranh chấp với mong muốn đạt được hiệu quả cao trong quá trình giải quyết tranh chấp. Điều này có nghĩa, các tranh chấp khi được đưa vào quá trình giải quyết phải tuân thủ những nguyên tắc mà pháp luật qui định.

Thông thường việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo những nguyên tắc sau:

Thứ nhất, nguyên tắc tự định đoạt. Đây là nguyên tắc rất cơ bản của giải quyết tranh chấp. Đây không chỉ đơn thuần là nguyên tắc giải quyết tranh chấp mà còn là cơ sở để thực hiện tự do kinh doanh, tự do hợp đồng theo pháp luật. Nội dung của nguyên tắc này trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp được hiểu các bên tự lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp thích hợp; có thể tự mình hoặc yêu cầu người khác thay mặt mình đứng ra giải quyết tranh chấp; tự quyết định nội dung cần giải quyết tranh chấp. Nguyên tắc tự định đoạt không những được thể hiện đối với hình thức giải quyết ngoài toà án mà còn được thể hiện rất rõ ràng ngay trong quá trình giải quyết tranh chấp tại toà án. Pháp luật qui định đối với tranh chấp đã yêu cầu toà án đứng ra giải quyết, các bên vẫn có thể rút đơn kiện, hoà giải trước toà.

Thứ hai, nguyên tắc hoà giải. Xuất phát từ nguyên nhân phát sinh tranh chấp là hợp đồng và thực hiện hợp đồng nên các bên có liên quan tự do quyết định phương án giải quyết tốt nhất. Nội dung của nguyên tắc hoà giải là khi có tranh chấp xảy ra các bên tự tiến hành hoà giải với nhau, nhằm đạt được những lợi ích cho các bên trên cơ sở không trái pháp luật. Nguyên tắc hoà giải xuyên suốt các hình thức giải quyết tranh chấp và bản thân nó cũng là một hình thức giải quyết tranh chấp. Hoà giải nếu xét như một phương thức giải quyết tranh chấp thì đây là quá trình về bản chất là tự nguyện, riêng tư, không chính thức. Đối với các phương thức giải quyết khác, nguyên tắc hoà giải được thể hiện trước và trong quá trình giải quyết tranh chấp. Chẳng hạn, đối với giải quyết tranh chấp tại toà án, các bên có thể tiến hành hoà giải với sự hướng dẫn, công nhận của toà án; ngay cả trong phiên toà, thẩm phán cũng cố gắng để hai bên đạt được sự hoà giải với nhau.

Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật. Quyền bình đẳng trước pháp luật được ghi nhận tại Hiến pháp 1992, đã được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật và cũng là một nguyên tắc của giải quyết tranh chấp. Nói đến tranh chấp là nói tới sự bất đồng về lợi ích của các bên phát sinh trực tiếp từ hợp đồng, thể hiện sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các bên. Nội dung của nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật thể hiện ở sự không phân biệt các bên tham gia thuộc thành phần kinh tế nào; các bên đều có quyền và nghĩa vụ theo các qui định của trình tự giải quyết tranh chấp.

Trên đây là những nguyên tắc chung nhất áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp. Ngoài những nguyên tắc chung, việc giải quyết tranh chấp còn phải tuân thủ những nguyên tắc khác, tùy vào hình thức giải quyết được lựa chọn, được áp dụng hay tùy vào chủ thể có liên quan đến tranh chấp.

Giải quyết tranh chấp bằng con đường Trọng tài và Tòa án phải tuân theo thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp của Trọng tài và thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp của Tòa án. Ngoài các nguyên tắc chung, tùy theo từng phương thức phải đảm bảo nguyên tắc giải quyết tranh chấp trên cơ sở quyền tự định đoạt của đương sự, nguyên tắc bình đẳng, xét xử công khai, giải quyết nhanh chóng và dứt điểm, Tòa không tiến hành điều tra mà chỉ xác minh thu thập chứng cứ.

Giải quyết tranh chấp có liên quan tới bên nước ngoài thì Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có quy định: các tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc giữa các bên liên doanh cũng như các tranh chấp giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp Việt Nam, trước hết, phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp các bên không hoà giải được thì vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết tại tổ chức Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam theo pháp luật Việt Nam. Đối với

tranh chấp giữa các bên tham gia doanh nghiệp liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên có thể thoả thuận trong hợp đồng việc lựa chọn một tổ chức Trọng tài khác để tổ chức giải quyết vụ tranh chấp.

Điều 102, Nghị định số 12-CP ngày 12/8/1997 qui định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam làm rõ thêm qui định tại Điều 24 của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau:

Tranh chấp giữa các bên tham gia doanh nghiệp liên doanh, hợp đồng, hợp tác kinh doanh với nhau trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng và hoà giải giữa các bên. Trong trường hợp hoà giải không thành, các bên tranh chấp có thể thoả thuận lựa chọn phương thức trọng tài hoặc toà án.

Tranh chấp giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với nhau hoặc giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên nước ngoài hợp doanh với các tổ chức kinh tế Việt Nam được giải quyết tại tổ chức Trọng tài hoặc Toà án Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

Ngoài các qui định trên, một số văn bản pháp luật khác cũng qui định về việc giải quyết tranh chấp như: Điều 239, Luật Thương mại (1997); Điều 109, Luật Hàng không (1991); Điều 23, Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1998); Điều 12, Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam.v.v. Các văn bản pháp luật này cũng bao hàm qui định về giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp tương tự.

Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế được giải quyết theo qui tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài quốc Việt Nam (bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam).

Đối với hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, Luật chứng khoán các nước có qui định cụ thể về nguyên tắc hoà giải giữa các bên khi

xảy ra tranh chấp, nếu các bên hoà giải không thành thì thông qua một tổ chức trung gian, thường là Sở giao dịch chứng khoán, Hiệp hội chứng khoán hoặc một đơn vị thuộc cơ quan quản lí nhà nước về thị trường chứng khoán đứng ra giải quyết. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong hoạt động chứng khoán của Việt Nam được quy định tại Điều 79, Nghị định 48/1998/NĐ-CP, theo đó các tranh chấp có thể được giải quyết bằng các hình thức thương lượng, hoà giải, trọng tài và toà án.

1.1.2.4 Hình thức giải quyết tranh chấp

Mặc dù tranh chấp có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng thông thường được giải quyết theo các hình thức sau:

Hình thức đầu tiên các bên có thể lựa chọn là thương lượng. Có thể nói, thương lượng là hình thức giải quyết tất cả các tranh chấp phát sinh từ mọi mặt đời sống xã hội, không chỉ riêng cho những tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán. Bản chất của hình thức này là các bên có tranh chấp cùng nhau bàn bạc và đi đến thoả thuận một cách thức giải quyết tranh chấp mà không cần tới sự tác động hay giúp đỡ của bên thứ ba.

Ưu điểm của việc giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, tự hoà giải là đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng và hiệu quả cao, không tốn kém về thời gian và chi phí. Việc hoà giải thành công sẽ tháo gỡ được sự căng thẳng trong quan hệ giữa các bên, không làm phương hại đến quan hệ vốn có và trong những chừng mực nhất định còn củng cố, phát triển các quan hệ này. Tuy nhiên, hình thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng chỉ thích hợp trong việc giải quyết các tranh chấp có giá trị tương đối nhỏ, phát sinh giữa các bên có thiện chí, hiểu biết về pháp luật.

Hình thức hoà giải. Trung gian hoà giải là hình thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của bên thứ ba, đóng vai trò làm trung gian để hỗ trợ, thuyết phục các bên tranh chấp tìm ra giải pháp để chấm dứt tranh chấp.

Giống như hình thức giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, việc giải quyết bằng hình thức trung gian hoà giải hoàn toàn xuất phát từ sự tự nguyện của các bên tranh chấp. Người đưa ra quyết định cuối cùng là các bên có tranh chấp mà không phải là người trung gian hoà giải, trên cơ sở thoả thuận, thống nhất ý chí giữa các bên.

Hoà giải là một quá trình có giá trị xã hội cao để điều chỉnh quan hệ giữa các bên có tranh chấp ngay cả khi các tranh chấp đó liên quan đến quyền và nghĩa vụ pháp lí, là phương pháp để tăng cường sự hoà hợp và hiểu biết lẫn nhau chứ không làm tăng thêm sự căng thẳng, đối đầu giữa họ. Vì vậy, hoà giải là một phương pháp truyền thống và phổ biến để giải quyết tranh chấp được nhà nước công nhận và khuyến khích.

Mục tiêu của hoà giải là để giải quyết tranh chấp một cách thân thiện nhằm tiếp tục giữ gìn và phát triển các quan hệ lâu dài vì lợi ích chung của cả hai bên, hạn chế tối đa sự hao phí thời gian và tiền của vào các vấn đề mang tính chất hình thức tố tụng và bằng hoà giải để tăng cường sự tham gia trực tiếp và khả năng kiểm soát của các bên tranh chấp trong phạm vi bảo vệ bí mật kinh doanh - một yếu tố nhạy cảm đối với các doanh nghiệp.

Trường hợp các bên không lựa chọn hoặc không giải quyết được tranh chấp bằng các hình thức nêu trên có thể lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp thông qua Trọng tài hoặc thông qua Tòa án:

Hình thức trọng tài. Trọng tài là một hình thức giải quyết tranh chấp, theo đó các bên có tranh chấp thoả thuận đưa tranh chấp ra một tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và tổ chức này sau khi xem xét vụ việc sẽ đưa ra phán quyết có giá trị ràng buộc các bên tranh chấp.

Ưu điểm của hình thức giải quyết bằng trọng tài là rất thích hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể thuộc mọi hình thức sở hữu, đặc biệt là các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có khả năng giải quyết chính xác, dứt điểm, nhanh

chóng các tranh chấp vì thủ tục của nó ít rườm rà hơn so với tố tụng toà án, hạn chế sự tiết lộ bí mật kinh doanh và giữ được uy tín cho các bên tranh chấp, tiết kiệm được thời gian, chi phí cho các bên. Ngoài ra, các bên có thể chọn những trọng tài viên có kiến thức chuyên môn đặc biệt phù hợp với mình để giải quyết, điều này đặc biệt quan trọng trong những vụ tranh chấp liên quan đến những vấn đề có tính chuyên môn kỹ thuật cao như các tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

Theo pháp luật và thực tiễn của các nước, Trọng tài được thành lập để giải quyết các tranh chấp dân sự nhất định, chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Quyết định của Trọng tài là quyết định chung thẩm, tức là không có kháng cáo, kháng nghị. Trọng tài xét xử không công khai, quyết định của Trọng tài chỉ được thông báo rộng rãi khi được các bên đương sự đồng ý.

Ngoài ra, Trọng tài chỉ có thẩm quyền xét xử khi các bên đương sự thoả thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài theo khuôn khổ do pháp luật qui định.

Trọng tài là một cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài khuôn khổ Toà án tư pháp, ngoài hệ thống quyền lực công, do các bên lựa chọn đưa vụ tranh chấp cho người thứ ba trung lập giải quyết. Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp, là Toà án tư (Private Court), không phải thiết chế Chính phủ, do các cá nhân tự nguyện lập ra, Trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp khi chính bản thân các bên có liên quan tôn trọng và thừa nhận quyền phán quyết của nó.

Trọng tài có nhiều loại. Luật Trọng tài Trung Quốc (1995) qui định có 2 loại Trọng tài là: Trọng tài nội địa (có chức năng chủ yếu là giải quyết các tranh chấp nội địa) và Trọng tài quốc tế (có chức năng chủ yếu là giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài). Mỗi Trung tâm Trọng tài đều

có qui tắc tố tụng riêng. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của các Trung tâm Trọng tài theo lãnh thổ và theo vụ việc.

Trọng tài Thương mại Quốc tế theo định nghĩa tại Điều 2, Luật mẫu của UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế qui định, thường có hai loại Trọng tài: một loại có tính chất thường trực, có quy chế (Institutional Arbitration), loại này hoạt động thường xuyên, có điều lệ thành lập và có qui tắc xét xử tố tụng riêng (Arbitration Rules). Một loại khác gọi là Trọng tài Ad-hoc: loại này chỉ được thành lập để giải quyết một vụ việc, sau đó giải tán.

Trọng tài kinh tế Việt Nam được qui định tại Điều 1, Nghị định 116/CP ngày 5/9/1994 về tổ chức hoạt động của Trọng tài kinh tế phi chính phủ, theo đó "Trọng tài kinh tế là một tổ chức xã hội nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế, các tranh chấp giữa các công ti với thành viên công ti, giữa các thành viên công ti với nhau, tranh chấp liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ti, các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu."

Bên cạnh các tổ chức Trọng tài trong nước, Việt Nam cũng thành lập Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam là một tổ chức phi Chính phủ được thành lập bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến các tranh chấp thương mại quốc tế.

Toà án là cơ quan giải quyết tranh chấp sau khi các bên không thể giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hoà giải và Trọng tài.

Việt Nam có hai hình thức giải quyết tranh chấp kinh tế là Trọng tài kinh tế và Toà án kinh tế có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế. Khi có tranh chấp trong kinh doanh thì các nhà kinh doanh có quyền lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp nào mà họ thấy thuận tiện cho họ.

1.1.3 Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

1.1.3.1 Chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp

Trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán các chủ thể tham gia hoạt động trên thị trường rất đa dạng. Bên cạnh những chủ thể là các cơ quan quản lý Nhà nước còn có những chủ thể là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài như: Người đầu tư, công ti phát hành, công ti chứng khoán, công ti quản lý quỹ đầu tư, các công ti liên doanh.v.v.Tuy nhiên, chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tranh chấp chỉ là những cá nhân tổ chức trong và ngoài nước tham gia trên thị trường, cụ thể là:

Thứ nhất, nhóm chủ thể là người đầu tư:

Theo Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán thì người đầu tư là "người sở hữu chứng khoán, người mua hoặc dự kiến mua chứng khoán cho mình". Nghị định này còn đưa ra khái niệm người nắm giữ chứng khoán là "cá nhân, tổ chức đang kiểm soát chứng khoán. Người nắm giữ có thể là chủ sở hữu chứng khoán hoặc là người đại diện cho chủ sở hữu".

Như vậy, theo những khái niệm nêu trên thì người đầu tư có thể được hiểu đó là các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài. Tùy theo đối tượng đầu tư mà pháp luật qui định chế độ pháp lý khác nhau cho phù hợp để đảm bảo sự quản lý của Nhà nước và sự an toàn, bình đẳng của thị trường chứng khoán.

Đối với cá nhân:

Tư cách pháp lý của cá nhân trong nước có thể tham gia quan hệ mua, bán chứng khoán hiện nay pháp luật không qui định cụ thể. Nhưng theo qui định của Bộ luật Dân sự, người đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân

sự đầy đủ, có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật. Ngoài ra, pháp luật còn qui định trường hợp với người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, có tài sản riêng đủ để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ, thì có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà không đòi hỏi phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Như vậy, theo qui định của Bộ luật Dân sự thì đương nhiên người đủ 18 tuổi có quyền tham gia vào các giao dịch chứng khoán, còn người từ 15 đến 18 tuổi nếu có tài sản riêng đảm bảo thì cũng có thể tham gia vào các quan hệ này.

Tư cách pháp lí của cá nhân nước ngoài tham gia vào các quan hệ pháp luật dân sự hiện nay luật cũng chưa có qui định cụ thể (trừ một số Hiệp định về tương trợ tư pháp được ký kết giữa Việt Nam và một số nước). Vì vậy, việc xác định cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam cũng chưa được qui định rõ. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động của thị trường, cá nhân muốn tham gia trước hết họ phải có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi theo pháp luật của nước sở tại. Pháp luật của Việt Nam chỉ qui định khống chế tỷ lệ tham gia của các cá nhân nước ngoài cụ thể là: cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 3% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành, chứng chỉ Quỹ đầu tư của một Quỹ đầu tư chứng khoán và chỉ được nắm giữ tối đa 5% tổng số trái phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành.

Đối với tổ chức:

Tổ chức trong nước tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán trước hết phải là pháp nhân (theo qui định của Luật dân sự, hoặc Luật kinh tế). Theo qui định của Bộ luật Dân sự để được công nhận là pháp nhân phải có đủ 4 điều kiện:

Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận;

Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;

Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;

Nhận danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Theo qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán thì tất cả các pháp nhân đều có quyền tham gia giao dịch trên thị trường (trừ một số pháp nhân đặc biệt mà pháp luật có qui định khác)

Với tổ chức nước ngoài tham gia hoạt động trên thị trường chứng khoán, trước hết phải là một pháp nhân theo qui định của Luật dân sự Việt Nam. Ngoài ra, theo pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán thì một tổ chức nước ngoài chỉ được nắm giữ tối đa 7% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành, chứng chỉ quỹ đầu tư của một quỹ đầu tư chứng khoán và chỉ được nắm giữ tối đa 10% tổng số trái phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành.

Thứ hai, nhóm chủ thể là công ti chứng khoán, công ti quản lí quỹ đầu tư chứng khoán:

Theo qui định của Nghị định 48/1998/NĐ- CP ngày 11/7/1998, công ti chứng khoán phải là công ti cổ phần hoặc công ti trách nhiệm hữu hạn có đủ vốn pháp định theo từng loại hình kinh doanh. Các tổ chức tín dụng, công ti bảo hiểm hoặc các tổng công ti muốn tham gia kinh doanh chứng khoán phải thành lập công ti chứng khoán độc lập. Công ti chứng khoán có thể thực hiện một, hoặc một số loại hình kinh doanh: môi giới; tự doanh; quản lí danh mục đầu tư; bảo lãnh phát hành; tư vấn đầu tư chứng khoán. Các hoạt động này của công ti chứng khoán chỉ có thể được thực hiện thông qua các hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân liên quan. Vì vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng có thể xảy ra các tranh chấp như: tranh chấp giữa công ti chứng khoán với khách hàng về hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán; tranh chấp giữa công ti chứng khoán với công ti phát

hành về hợp đồng bảo lãnh phát hành; tranh chấp về hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán.v.v.

Công ty quản lý quỹ là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có mức vốn pháp định là 5 tỷ đồng trở lên. Công ty có thể là chủ thể trong các tranh chấp liên quan đến người đầu tư, đến hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán.

Thứ ba, nhóm chủ thể là tổ chức phát hành:

Tổ chức phát hành chứng khoán là một pháp nhân được phát hành chứng khoán ra công chúng theo qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tổ chức này có thể là doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hoá, quỹ đầu tư chứng khoán (do công ty quản lý quỹ đại diện phát hành). Hiện nay có quan điểm cho rằng công ty trách nhiệm hữu hạn có thể là chủ thể phát hành chứng khoán (trái phiếu). Nhưng cũng có quan điểm cho rằng công ty chỉ được làm những gì mà luật cho phép (Luật Doanh nghiệp không qui định công ty trách nhiệm hữu hạn được phép phát hành trái phiếu). Theo quan điểm của chúng tôi nên tạo sự thông thoáng cho các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động trên thị trường (quan điểm này cũng phù hợp khi xây dựng Luật Doanh nghiệp, những gì luật không qui định nên để công ty được phép làm). Do vậy, công ty trách nhiệm hữu hạn cũng nên được phép phát hành trái phiếu.

Tổ chức phát hành là chủ thể trong một quan hệ tranh chấp khi có những vướng mắc trong việc thực hiện hợp đồng bảo lãnh phát hành, hay đại lý phát hành. Tổ chức phát hành cũng có thể là chủ thể trong một quan hệ với người đầu tư chứng khoán khi thực hiện quyền mua cổ phiếu của họ. Ngoài ra, tranh chấp liên quan tới việc thực hiện quan hệ mua bán chứng khoán đã đăng ký mua với nhà đầu tư; tranh chấp về việc thực hiện lợi ích của người đầu tư cũng có nhiều khả năng xảy ra.

Thứ tư, nhóm các tổ chức trung gian khác:

Các tổ chức trung gian khác tham gia thị trường như tổ chức lưu ký, ngân hàng, giám sát... cũng có thể là chủ thể trong các quan hệ tranh chấp khi các tổ chức này thực hiện các dịch vụ theo uỷ quyền của khách hàng có chứng khoán lưu ký. Ví dụ: dịch vụ cầm cố và nhận cầm cố.v.v.

1.1.3.2 Các loại tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán

Hoạt động chứng khoán diễn ra trên rất nhiều lĩnh vực như phát hành, kinh doanh, giao dịch chứng khoán. Để những hoạt động này đạt hiệu quả, đòi hỏi các chủ thể tham gia phải thực hiện tốt các cam kết trong hợp đồng. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng như vậy, nếu một trong hai bên vì lý do khách quan hay chủ quan đã không thực hiện đúng hợp đồng, khi đó tranh chấp sẽ xảy ra. Tranh chấp về hoạt động chứng khoán có rất nhiều loại:

Thứ nhất, tranh chấp giữa người đầu tư với các tổ chức có liên quan

Do tính chất đa dạng trong các quan hệ được thiết lập giữa người đầu tư với các tổ chức có liên quan nên cũng có nhiều loại tranh chấp nảy sinh.

Tranh chấp về hợp đồng mở tài khoản giữa công ti chứng khoán và khách hàng

Đây là loại tranh chấp chủ yếu phát sinh giữa công ti chứng khoán và người đầu tư về việc thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng. Theo qui định của pháp luật trước khi tham gia kinh doanh, đầu tư chứng khoán, khách hàng không phân biệt tổ chức, cá nhân, phải ký hợp đồng mở tài khoản với công ti chứng khoán mà khách hàng lựa chọn. Theo đó, khách hàng và công ti chứng khoán phải thực hiện những quyền và nghĩa vụ nhất định như: khách hàng phải thanh toán phí giao dịch, thanh toán tiền mua chứng khoán, giao chứng khoán đúng thời hạn.v.v.Công ti chứng khoán thực hiện các giao dịch cho khách hàng đúng theo qui định, không sử dụng

tiền chứng khoán của khách hàng khi chưa có lệnh, giữ bí mật cho khách hàng.v.v.Quá trình thực hiện hợp đồng nếu một trong hai bên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ có khả năng phát sinh tranh chấp.

Tranh chấp về hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Quản lý danh mục đầu tư là việc công ti chứng khoán thay mặt nhà đầu tư, đầu tư vào các loại chứng khoán theo một tỷ lệ đầu tư và mức lợi nhuận mà hai bên thoả thuận. Cơ sở pháp lý của hoạt động này là hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết giữa khách hàng uỷ thác đầu tư và công ti chứng khoán. Để thực hiện hợp đồng, pháp luật quy định rõ quyền và nghĩa vụ các bên như: khách hàng có quyền nhận lợi nhuận, kiểm tra giám sát việc đầu tư, được bồi thường thiệt hại nếu công ti chứng khoán vi phạm hợp đồng. Khách hàng cũng phải thực hiện một số nghĩa vụ như chuyển tiền vào tài khoản uỷ thác của công ti, thông báo bằng văn bản cho công ti trong trường hợp muốn thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư và giới hạn biến động giá được phép đầu tư.v.v.Công ti chứng khoán có quyền quyết định mua, bán chứng khoán theo danh mục và giá đã thoả thuận với khách hàng, hưởng phí quản lý.v.v. và công ti cũng có nghĩa vụ báo cáo cho khách hàng về tình hình hoạt động đầu tư, những biến động bất thường của thị trường, giữ bí mật các thông tin cho khách hàng.v.v. Quá trình thực hiện hợp đồng này tiềm ẩn nhiều tranh chấp khi một trong hai bên vi phạm những điều đã cam kết. Thực tế có những cam kết hợp đồng cụ thể không làm rõ nội dung, yêu cầu nên tranh chấp có thể xảy ra.

Ví dụ như: thế nào là biến động bất thường? Thuật ngữ này nếu không được giải thích và giới hạn phạm vi cụ thể sẽ dẫn tới tình trạng các bên giải thích thuật ngữ theo hướng có lợi cho mình và đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp.

Tranh chấp về hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán

Tranh chấp này chủ yếu phát sinh giữa công ti chứng khoán, công ti quản lí quỹ về việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư với khách hàng. Hiện nay, nghiệp vụ này chưa được triển khai nhiều, các qui định của pháp luật cũng chưa qui định chi tiết. Tuy nhiên có nhiều vấn đề có thể phát sinh khi thực hiện nghiệp vụ này. Đó là quyền hạn và trách nhiệm của các bên khi thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư như thế nào? Nếu hoạt động tư vấn đầu tư không khách quan, hay do trình độ non kém của tổ chức tư vấn đầu tư dẫn đến việc gây thiệt hại cho người đầu tư thì bên cạnh việc uy tín của tổ chức tư vấn đầu tư giảm sút, trách nhiệm có đặt ra đối với tổ chức này? Đây cũng là vấn đề mà pháp luật còn đang bỏ ngỏ.

Tranh chấp về cầm cố chứng khoán

Cầm cố chứng khoán thực chất cũng là cầm cố tài sản, theo qui định của Bộ luật Dân sự, cầm cố tài sản là việc bên có nghĩa vụ giao tài sản là động sản thuộc sở hữu của mình cho bên có quyền để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự. Hình thức cầm cố phải được lập thành văn bản, có thể lập riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Theo qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán thì việc cầm cố chứng khoán phải được thực hiện thông qua hợp đồng cầm cố chứng khoán, trong đó thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của các bên như: việc chuyển giao chứng khoán, việc xử lí chứng khoán bị cầm cố, việc giữ gìn bảo quản chứng khoán cầm cố và các giấy tờ có liên quan, các vấn đề về phí.v.v. Tất cả những vấn đề này đều có thể phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, với lĩnh vực chứng khoán, pháp luật còn qui định để thực hiện việc cầm cố chứng khoán, bên cầm cố và bên nhận cầm cố đều phải uỷ quyền cho thành viên lưu ký của Trung tâm giao dịch chứng khoán (dưới hình thức hợp đồng uỷ quyền hoặc giấy uỷ quyền) thực hiện việc cầm cố.

Thứ hai, loại tranh chấp giữa tổ chức phát hành với các tổ chức khác

Tranh chấp về việc thực hiện cam kết bảo lãnh phát hành

Theo qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hoạt động phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu có thể tiến hành thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tự phát hành. Tuy nhiên, do yêu cầu về vốn, do phương thức phát hành nên phát hành thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành thường được lựa chọn. Tổ chức bảo lãnh thường là các công ti chứng khoán có giấy phép hoạt động bảo lãnh phát hành. Để bảo lãnh phát hành, tổ chức phát hành và công ti chứng khoán phải ký một cam kết về bảo lãnh phát hành trong đó qui định rõ quyền và nghĩa vụ của hai bên. Quá trình thực hiện cam kết có thể xảy ra các vi phạm về kế hoạch, tiến độ phân phối đã cam kết, vi phạm các qui định về phí liên quan đến việc phân phối, phí bảo lãnh.v.v. từ đó phát sinh các tranh chấp.

Tranh chấp liên quan đến tư vấn phát hành chứng khoán

Theo qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tổ chức phát hành muốn phát hành chứng khoán ra công chúng thì ít nhất phải được một công ti chứng khoán tham gia tư vấn việc phát hành và chịu trách nhiệm trong phạm vi tư vấn. Để thực hiện công việc tư vấn các bên phải thoả thuận ký kết hợp đồng qui định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhiều vấn đề phát sinh có thể nảy ra tranh chấp về trách nhiệm của đơn vị tư vấn; phạm vi tư vấn; hiệu quả của hoạt động tư vấn.v.v.

Thứ ba, các loại tranh chấp khác

Tranh chấp về hợp đồng giữa tổ chức phát hành trái phiếu với đại diện người sở hữu trái phiếu

Đại diện người sở hữu trái phiếu theo qui định của pháp luật có thể là ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính được cấp giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán, hoạt động kinh doanh có hiệu quả và tình hình tài chính lành mạnh. Tranh chấp có thể xảy ra khi các bên vi phạm quyền và nghĩa vụ

đã cam kết trong hợp đồng, vi phạm các qui định về việc bổ sung, sửa đổi bản qui định về quyền và nghĩa vụ của đại diện người sở hữu trái phiếu.v.v.

Tranh chấp về hợp đồng mở tài khoản giữa thành viên lưu ký là ngân hàng và khách hàng

Theo hợp đồng này khách hàng là tổ chức hay cá nhân có thể đề nghị bên thành viên lưu ký là ngân hàng mở tài khoản lưu ký chứng khoán và tài khoản tiền đứng tên khách hàng để lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho khách hàng thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán. Tranh chấp về hợp đồng có thể phát sinh khi quyền và nghĩa vụ hai bên đã cam kết bị vi phạm như: vấn đề về phí, về thanh toán tiền mua chứng khoán, vấn đề về bí mật thông tin, việc sử dụng tiền chứng khoán của khách hàng, thực hiện giao dịch cho khách hàng .v.v.

Tranh chấp về các hợp đồng mà một bên tham gia là các tổ chức, cá nhân nước ngoài

Đó có thể là các tranh chấp phát sinh từ những hợp đồng về mở tài khoản giao dịch chứng khoán, hợp đồng tư vấn đầu tư, hợp đồng cầm cố chứng khoán.v.v. Ngoài ra, với tổ chức nước ngoài thì có thể còn là hợp đồng đầu tư và liên doanh. Hiện nay, việc giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài chưa được pháp luật qui định cụ thể. Nghị định 48/1998/NĐ-CP mới chỉ qui định nếu các bên không thoả thuận được hoặc tranh chấp không được giải quyết theo qui định trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia thì tranh chấp được giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể phát sinh những tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Đó thường là những thiệt hại do người của các pháp nhân gây ra trong khi thực hiện

nhiệm vụ được giao. Về nguyên tắc thì sau khi pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây ra thiệt hại phải hoàn trả số tiền mà pháp nhân đã bồi thường cho người bị thiệt hại. Thực tế việc thực hiện nghĩa vụ này có thể phát sinh các tranh chấp.

1.1.3.3 Tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Việc giải quyết tranh chấp hiện nay chưa được pháp luật qui định rõ ràng, nhưng theo thông lệ chung thì việc giải quyết tranh chấp có thể thông qua các hình thức như: thương lượng, hoà giải, trọng tài và toà án. Việc thương lượng trong giải quyết tranh chấp chủ yếu do hai bên tự thương lượng, nhưng hoạt động hoà giải thì vai trò của cơ quan trung gian rất quan trọng, nhất là các cơ quan quản lí. Vì vậy, các tổ chức có thẩm quyền tham gia giải quyết tranh chấp có thể là cơ quan Nhà nước, trọng tài, toà án. Tuy nhiên, trong hoạt động chứng khoán còn có đặc thù riêng đó là vai trò của Hiệp hội chứng khoán trong hoạt động hoà giải.

Cơ quan nhà nước

Trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về giải quyết tranh chấp hầu như chưa có qui định cụ thể. Theo Nghị định 48/1998/NĐ-CP thì các tranh chấp phát sinh trong hoạt động phát hành, kinh doanh và giao dịch chứng khoán trước hết phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng, hoà giải. Trung tâm giao dịch Chứng khoán, Sở giao dịch Chứng khoán, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước có thể đứng ra làm trung gian hoà giải các tranh chấp phát sinh. Trường hợp hoà giải không thành, các bên có thể đưa tranh chấp ra cơ quan Trọng tài hoặc Toà án để xét xử. Như vậy, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là:

+ Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm giao dịch chứng khoán là những đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động hoà giải được thông qua Ban hoà

giải (được thành lập theo quyết định của Giám đốc) có chức năng hoà giải các tranh chấp phát sinh trong hoạt động giao dịch chứng khoán theo đề nghị của các bên tranh chấp. Việc hoà giải của tổ chức này hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào qui định cụ thể và những tranh chấp nào thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung Tâm giao dịch hay Sở giao dịch đều chưa được phân định rõ.

+ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ủy ban là cơ quan quản lý Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thực tế, đây có thể hiểu là hình thức giải quyết tranh chấp bằng con đường hành chính, nó được áp dụng khá phổ biến và ở một góc độ nào đó nó đã đem lại hiệu quả nhất định. Khi tranh chấp xảy ra các tổ chức kinh tế thường nhờ sự can thiệp của cơ quan quản lý chuyên ngành. Các cơ quan này sẽ tiến hành hoà giải theo một thủ tục nhất định (do cơ quan đó soạn thảo) và đưa ra những phán quyết để các đơn vị tự nguyện thi hành. Nếu tranh chấp liên quan nhiều ngành thì được giải quyết qua Hội nghị liên ngành. Theo Nghị định 48/1998/NĐ-CP, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng có chức năng hoà giải các tranh chấp, nhưng thủ tục như thế nào? Các tranh chấp nào Ủy ban sẽ đứng ra làm trung gian hoà giải thì chưa có qui định cụ thể.

Hiệp hội chứng khoán

Vai trò hoà giải trong giải quyết tranh chấp của Hiệp hội chứng khoán tuy pháp luật của Việt Nam chưa đề cập đến nhưng trong rất nhiều văn bản luật của nước ngoài đã qui định trách nhiệm của Hiệp hội trong việc giải quyết tranh chấp. Thông thường Hiệp hội chứng khoán là một tổ chức tự quản, là một pháp nhân đoàn thể xã hội và thành viên thường là các công ti chứng khoán. Luật Chứng khoán của Trung Quốc qui định Hiệp hội chứng khoán có chức năng "hoà giải mâu thuẫn giữa các thành viên, giữa thành viên và khách hàng". Như vậy, theo thông lệ về giải quyết tranh chấp

của Hiệp hội thì đã có sự không rõ ràng trong việc phân định lĩnh vực giải quyết tranh chấp giữa các cơ quan Nhà nước như Ủy ban Chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và hiệp hội chứng khoán.

Trọng tài

Trọng tài là một hình thức giải quyết tranh chấp được các nhà kinh doanh trong nền kinh tế thị trường ưa chuộng. Ở Việt Nam, từ những năm 1960 đã có tổ chức Trọng tài kinh tế Nhà nước được thành lập để giám sát và giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế nhằm mục đích là bảo vệ lợi ích của Nhà nước và bảo vệ việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Các phán quyết của Trọng tài kinh tế Nhà nước có hiệu lực pháp lí cao và nếu các bên không thực hiện sẽ bị cưỡng chế thi hành. Tuy nhiên, vai trò của tổ chức này chỉ phù hợp trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung. Trong cơ chế thị trường, hình thức trọng tài phi Chính phủ đã được hình thành. Đây là loại hình giải quyết tranh chấp còn non trẻ và cũng còn nhiều bất cập. Theo qui định hiện hành về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế thì:

Trọng tài kinh tế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; các tranh chấp giữa công ti với các thành viên của công ti, giữa các thành viên của công ti với nhau, liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ti; các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu.

Ngoài ra, theo Quyết định số 204/TTg ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ qui định: Trung tâm Trọng tài quốc tế là một tổ chức phi Chính phủ được thành lập bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Trung tâm có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế như các hợp đồng mua bán ngoại thương, hợp đồng đầu tư, du lịch, vận tải và bảo hiểm quốc tế, chuyển giao công nghệ, tín dụng và thanh toán quốc tế.v.v. Theo Quyết định số 114/TTg ngày 16/02/1996 của

Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thẩm quyền giải quyết tranh chấp của của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam thì Trung tâm được mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh doanh trong nước.

Toà án

Theo Luật tổ chức Toà án nhân dân bổ sung sửa đổi ngày 2/12/1993 thì Toà án nhân dân được giao thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế, thành lập toà kinh tế trong Toà án nhân dân. Vì vậy có sự phân biệt giữa Toà kinh tế và Toà dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp về tài sản. Toà kinh tế được tổ chức ở Toà án nhân dân tối cao và Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Toà án nhân dân cấp huyện không có Toà kinh tế mà chỉ có thẩm phán kinh tế kiêm nhiệm. Toà án cấp huyện có thẩm quyền sơ thẩm các vụ án kinh tế có giá trị tranh chấp dưới 50 triệu đồng, trừ các tranh chấp có nhân tố nước ngoài. Như vậy, Toà án huyện chỉ có thẩm quyền rất hẹp trong giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế (dựa vào giá trị tranh chấp), trong khi đó lại có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự liên quan đến tài sản có giá trị nhiều tỷ đồng.

1.1.3.4 Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật về tranh chấp

Quan hệ pháp luật nói chung không phải là một hiện tượng bất biến mà luôn thay đổi, xuất hiện hoặc chấm dứt. Sự xuất hiện, thay đổi, chấm dứt của quan hệ pháp luật chỉ xảy ra khi có những sự kiện pháp lí nhất định. Trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, quan hệ pháp luật về tranh chấp chỉ phát sinh khi một trong hai bên chủ thể của hợp đồng không thực hiện đúng cam kết đã thoả thuận. Việc không thực hiện đúng cam kết có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau. Nó có thể là những nguyên nhân khách quan không phụ thuộc vào ý chí con người như: thiên tai, điều kiện thị trường thay đổi.v.v. Nó cũng có thể là hành vi chủ quan

của con người, hành vi đó có thể là cố tình không thực hiện đúng những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng hoặc không thực hiện những điều đã cam kết.

Ví dụ như: trong một hợp đồng về mở tài khoản kinh doanh chứng khoán, quan hệ pháp luật về tranh chấp có thể phát sinh khi khách hàng vi phạm các điều khoản như không thanh toán phí giao dịch, không thanh toán tiền mua chứng khoán.v.v. cho công ti chứng khoán đúng thời hạn, hay công ti chứng khoán vi phạm qui định về việc sử dụng tiền và chứng khoán của khách hàng khi chưa có lệnh của khách hàng.v.v.

Quan hệ pháp luật về tranh chấp chỉ chấm dứt khi các bên có tranh chấp tự hoà giải được với nhau về cách thức giải quyết và thực hiện nghiêm chỉnh cách thức đó. Tuy nhiên, trong quan hệ này, các bên có thể yêu cầu cơ quan thứ 3 có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, cơ quan đó có thể là: Cơ quan quản lí Nhà nước, Trọng tài, Toà án. Thông thường khi giải quyết, các cơ quan này (trừ Toà án) sẽ đưa ra một phán quyết để các bên tự nguyện thi hành và nếu các bên đã thi hành xong thì quan hệ pháp luật về tranh chấp mới chấm dứt. Riêng với Toà án, nếu các bên nhất trí yêu cầu Toà án giải quyết thì phán quyết của toà có tính bắt buộc phải thi hành, nếu hai bên không tự nguyện thi hành thì sẽ bị cưỡng chế và cũng chỉ khi phán quyết được chấp hành xong thì quan hệ pháp luật về tranh chấp mới chấm dứt.

1.1.3.5 Quyền và nghĩa vụ các bên

Tùy theo cách thức các bên lựa chọn giải quyết tranh chấp mà pháp luật qui định quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong thương lượng, hai bên hoàn toàn tự nguyện, đây là hình thức giải quyết không chính thức, không cần bất cứ sự can thiệp của tổ chức, cá nhân nào. Các bên tự do thoả thuận, tự do hợp đồng, tự do định đoạt, sau đó tự đưa ra giải pháp và thoả hiệp với nhau để giải quyết bất đồng mà không theo một thủ tục bắt buộc nào.

Quyền và nghĩa vụ của các bên chủ yếu xuất phát từ quyền tự do hợp đồng và tự do đình đọat đã được Hiến pháp và pháp luật qui định.

Trong hoạt động hoà giải quyền và nghĩa vụ của các bên nói chung chưa được pháp luật qui định cụ thể, trong lĩnh vực chứng khoán vấn đề này cũng chỉ được ghi nhận trong văn bản (không phải là văn bản pháp qui) để hướng dẫn thi hành. Theo Qui trình nghiệp vụ hoà giải tranh chấp tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thì các bên tranh chấp có quyền và nghĩa vụ sau:

Với nguyên đơn: nguyên đơn có các quyền như: đệ đơn yêu cầu Trung tâm giải quyết các tranh chấp thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Trung tâm; rút đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp; uỷ quyền cho người khác tham gia phiên hoà giải; yêu cầu cung cấp biên bản công nhận hoà giải thành hay không thành.v.v.

Nguyên đơn có nghĩa vụ như: gửi đơn theo đúng nội dung qui định; cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của ban hoà giải; có mặt theo giấy triệu tập; tham dự phiên hoà giải; thực hiện các nội dung đã đạt được trong biên bản công nhận hoà giải thành.v.v.

Với bị đơn: bị đơn cũng có các quyền như: được nhận bản sao đơn đề nghị hoà giải; chấp nhận hay không chấp nhận cơ quan làm trung gian hoà giải; uỷ quyền cho người khác tham dự phiên hoà giải; được nhận biên bản công nhận hoà giải thành hoặc không thành.v.v.

Bị đơn có nghĩa vụ như: cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của ban hoà giải; có mặt theo giấy triệu tập; tham dự phiên hoà giải; thực hiện các nội dung đã đạt được trong biên bản công nhận hoà giải thành.

Việc giải quyết tranh chấp thông qua hình thức Trọng tài đã được ghi nhận tại các văn bản như Quyết định số 204/TTg ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ chức Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam hay

Nghị định số 116/CP ngày 5/9/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế. Theo qui định này thì quyền và nghĩa vụ của các bên có tranh chấp như sau:

Với nguyên đơn: nguyên đơn có các quyền như: lựa chọn Trung tâm Trọng tài để giải quyết tranh chấp cho mình; lựa chọn Trọng tài viên hoặc khước trừ nếu có căn cứ cho thấy Trọng tài viên không vô tư trong việc giải quyết tranh chấp; cử người đại diện hợp pháp tham gia giải quyết; mời luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình; yêu cầu Trọng tài xác nhận sự thoả thuận nếu các bên đạt được bằng thương lượng; yêu cầu toà án giải quyết nếu quyết định trọng tài không được bên kia chấp hành.

Nguyên đơn có nghĩa vụ như: phải thương lượng, hoà giải trước khi gửi đơn; phải gửi đơn đến đúng tổ chức Trọng tài có thẩm quyền giải quyết; nộp tiền tạm ứng lệ phí trọng tài; cung cấp các chứng cứ và tài liệu có liên quan.

Với bị đơn: bị đơn có các quyền sau: thoả thuận với nguyên đơn lựa chọn Trung tâm Trọng tài giải quyết vụ việc; lựa chọn Trọng tài viên hoặc khước trừ nếu có căn cứ cho thấy Trọng tài viên không vô tư trong việc giải quyết tranh chấp; cử người đại diện hợp pháp tham gia giải quyết; mời luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình; yêu cầu toà án giải quyết nếu bên kia không chấp hành quyết định trọng tài.

Bị đơn cũng có các nghĩa vụ như: gửi văn bản trả lời cho Trọng tài về việc chọn Trung tâm trọng tài và trọng tài viên; cung cấp các chứng cứ tài liệu liên quan; nộp tiền lệ phí trọng tài nếu thua kiện.

Việc giải quyết tranh chấp kinh tế thông qua Toà án được pháp luật ghi nhận trong "Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế", theo đó quyền và nghĩa vụ các bên được qui định cụ thể như sau:

Nguyên đơn có quyền đệ đơn yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Bị đơn có quyền phản bác yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề đạt yêu cầu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền: đưa ra chứng cứ, được biết về các chứng cứ mà đương sự khác đưa ra; yêu cầu toà áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; tham gia phiên toà yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, kiểm sát viên, thư ký toà, người giám định người phiên dịch; hoà giải với nhau; tranh luận tại phiên toà; kháng cáo bản án quyết định của toà; yêu cầu người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ như: tiến hành thương lượng trước khi yêu cầu toà án giải quyết; cung cấp đầy đủ, kịp thời những chứng cứ cần thiết liên quan đến yêu cầu của mình; phải có mặt theo giấy triệu tập của Toà án; chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của phiên toà; nộp án phí; thực hiện các bản án, quyết định của Toà án nếu không có kháng cáo, kháng nghị.

1.1.3.6 Hậu quả pháp lý

Thông thường khi tranh chấp được giải quyết qua thương lượng, hoà giải hoặc trọng tài thì hai bên tự nguyện thực hiện những cam kết đã thoả thuận. Cam kết đó có thể là cố gắng khắc phục những hậu quả bất lợi đã gây cho phía bên kia, bồi thường thiệt hại đã xảy ra, thực hiện đúng những điều đã cam kết trong hợp đồng, không vi phạm những điều mà hợp đồng đã cam kết .v.v. Tuy nhiên nếu hai bên đã chọn toà án là tổ chức giải quyết tranh chấp thì sau khi có phán quyết của Toà nếu một trong hai bên không tự nguyện thi hành và khi có đơn yêu cầu của bên được thi hành án, Toà án có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế như:

- Kê biên và bán đấu giá tài sản
- Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án

- Trừ vào tài sản của người phải thi hành án đang do người khác giữ
- Cường chế giao đồ vật
- Cường chế trả nhà
- Cường chế chấm dứt hành vi trái pháp luật.

1.2 Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

1.2.1 Yêu cầu của việc điều chỉnh bằng pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Tiền đề về kinh tế: Như chúng tôi đã phân tích ở trên, việc hình thành thị trường chứng khoán là một tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường để huy động nguồn vốn dài hạn, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho việc thực hiện chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bên cạnh việc xây dựng thị trường, hoạt động quản lý để duy trì tính ổn định của thị trường, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, ngăn ngừa các hành vi vi phạm tạo điều kiện để công chúng đầu tư yên tâm tham gia hoạt động trên thị trường là vô cùng quan trọng. Vì vậy, cùng với việc xây dựng khung pháp luật về phát hành, kinh doanh, giao dịch chứng khoán thì việc xây dựng pháp luật để giải quyết tranh chấp về lĩnh vực này là rất cần thiết.

Tiền đề về pháp lý: Một trong những định hướng chính mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra là xây dựng là Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Để thực hiện định hướng này, việc thể chế hoá đường lối chính sách của Đảng thành các qui định của pháp luật là rất cần thiết. Vì vậy, trong những năm gần đây, Nhà nước ta đã rất chú trọng vào công tác soạn thảo văn bản pháp luật để điều chỉnh các mặt hoạt động trong đời sống xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, Đảng ta đã chủ trương tiến hành sự nghiệp đổi mới, chuyển đổi cơ

cấu kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường và tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện chủ trương này thì bên cạnh việc chuẩn bị các điều kiện vật chất, việc ban hành các văn bản Luật, Pháp lệnh, Nghị định...v.v. là rất quan trọng. Thực tế, Nhà nước đã ban hành rất nhiều văn bản pháp luật kinh tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường, nhiều lĩnh vực còn thiếu thực tế, kinh nghiệm chưa có nên pháp luật còn qui định chung chung, chưa chặt chẽ, còn mâu thuẫn, chồng chéo. Mặt khác, nhiều lĩnh vực pháp luật còn bỏ sót chưa đề cập nên cần phải có sự điều chỉnh, bổ sung thường xuyên và cần phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán, đây là lĩnh vực hoàn toàn mới nên yêu cầu xây dựng khung pháp lí nói chung và pháp luật về giải quyết tranh chấp nói riêng có thể coi là yếu tố thiết yếu đầu tiên tạo điều kiện để thiết lập thị trường chứng khoán Việt Nam.

Yêu cầu xây dựng thị trường hoạt động công khai công bằng, bảo vệ người đầu tư:

Kinh nghiệm cho thấy việc giải quyết tranh chấp càng được coi trọng thì càng có cơ sở ngăn chặn các hành vi vi phạm, hạn chế tiêu cực phát sinh, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động trên thị trường nhanh chóng thực hiện được các cam kết của mình.v.v.Từ đó tạo cho thị trường hoạt động sôi nổi và có hiệu quả. Một số nước đã ban hành qui trình rất cụ thể về giải quyết các tranh chấp phát sinh trên thị trường như Hàn Quốc, có nước còn đề cao vai trò của Hiệp hội Chứng khoán trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến công ti chứng khoán. Ở Việt Nam, lĩnh vực này còn mới lạ, sự hiểu biết của công chúng về vấn đề này còn rất hạn chế. Vì vậy, việc nâng cao vai trò của các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tranh chấp là rất cần thiết, có như vậy mới đảm bảo xây dựng thị trường chứng khoán hoạt động công khai, công bằng và bảo vệ

được người đầu tư. Từ đó tạo điều kiện để phát triển thị trường, tăng lòng tin của công chúng đầu tư vào lĩnh vực này.

1.2.2 Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

1.2.2.1 *Nâng cao hiệu lực của quản lí Nhà nước về thị trường chứng khoán*

Để hiểu rõ vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp trong việc nâng cao hiệu quả của quản lí Nhà nước chúng ta cần tìm hiểu khái niệm quản lí là gì?

Quản lí có thể hiểu là sự tác động của các quá trình xã hội vào hành vi của con người để hướng nó vào mục tiêu hoạt động của cơ quan và nhà quản lí đặt ra sao cho nó có kết quả, hiệu quả cao nhất.

Vậy quản lí Nhà nước là gì? Quản lí Nhà nước là sự tác động bằng tổ chức quyền lực Nhà nước nhằm hướng quá trình xã hội và hành vi con người vào đúng mục tiêu, mục đích của Nhà nước, cơ quan Nhà nước và người quản lí sao cho có hiệu lực, hiệu quả, kết quả cao nhất.

Trong hoạt động quản lí Nhà nước, các cơ quan quản lí kinh tế thực hiện chức năng quản lí của mình thông qua việc đề ra những biện pháp kinh tế, hành chính, tổ chức giáo dục, pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi và khung pháp luật cho hoạt động kinh doanh. Các cơ quan này sẽ định ra các chiến lược, quy hoạch, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và một cơ chế quản lí có cơ sở pháp lí ổn định; định ra chính sách thống nhất và phương hướng phát triển, các chế độ, chỉ tiêu, tiêu chuẩn.v.v. nhằm hướng hoạt động của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo định hướng đó.

Để cho các biện pháp và định hướng nêu trên được thực hiện theo đúng mục tiêu mà cơ quan quản lí đã đề ra thì điều quan trọng là phải giải

quyết kịp thời các vướng mắc các tranh chấp liên quan đến hoạt động quản lí, đến các qui định của pháp luật. Việc giải quyết kịp thời các tranh chấp không những nâng cao hiệu quả trong quản lí của cơ quan Nhà nước với đơn vị trực thuộc mà nó còn góp phần phát hiện và sửa chữa những sai sót, những điều không phù hợp trong hoạt động của cơ quan quản lí. Mặt khác nó còn góp phần thúc đẩy hoạt động của thị trường củng cố niềm tin của các tổ chức cá nhân tham gia.

Đặc biệt trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán thì vai trò của hoạt động giải quyết tranh chấp lại càng quan trọng. Các nước khi xây dựng thị trường chứng khoán đã rất quan tâm đến hoạt động này vì đó là một trong những yếu tố thiết yếu để ổn định thị trường, bảo vệ người đầu tư, tránh được nguy cơ khủng hoảng. Xây dựng thị trường chứng khoán Việt nam là một đòi hỏi tất yếu, khách quan trong nền kinh tế thị trường. Qua kinh nghiệm thực tế của các nước, ngay từ khi thành lập, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đã thấy rõ vai trò của hoạt động giải quyết tranh chấp về chứng khoán và thị trường chứng khoán và coi đó là một trong những yếu tố để tăng cường hiệu quả của công tác quản lí Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hoạt động này giúp cho thị trường luôn công khai, công bằng, có hiệu quả, bảo vệ được người đầu tư. Hơn nữa, hoạt động này còn góp phần ngăn ngừa các hành vi vi phạm như: mua bán nội gián, lũng đoạn thị trường.v.v. và xử lí kịp thời các vi phạm đó.

1.2.2.2 Đảm bảo sự tuân thủ nghiêm pháp luật của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Việc hình thành, phát triển của thị trường chứng khoán là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường và cũng là một trong những công cụ quan trọng phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Như phân trên chúng tôi đã phân tích, các chủ thể tham gia hoạt động trên thị trường rất đa dạng và có rất nhiều lĩnh vực có thể xảy ra tranh chấp.

Tranh chấp xảy ra có thể do nhiều nguyên nhân như: pháp luật chưa hoàn thiện; các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường chưa hiểu rõ về lĩnh vực này có những tranh chấp về quyền lợi và nghĩa vụ trái với qui định của pháp luật; một trong hai bên vì quyền lợi của mình đã cố tình không thực hiện đúng cam kết đã thoả thuận trong hợp đồng.v.v.

Ngoài ra, còn có những nguyên nhân khách quan như: điều kiện kinh tế xã hội, tình hình thị trường trong và ngoài nước.v.v. Tất cả các tranh chấp này nếu được nghiên cứu và xử lý kịp thời thì sẽ ngăn ngừa được vi phạm pháp luật. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, cơ quan giải quyết trong phạm vi thẩm quyền của mình còn có thể xử lý nếu phát hiện vi phạm. Điều này có tác dụng rất lớn trong việc đảm bảo sự tuân thủ nghiêm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường.

Mặt khác, chính trong quá trình giải quyết tranh chấp, cơ quan quản lý có điều kiện để xem lại những qui định về quản lý đã phù hợp với thực tế hay không để chỉnh sửa. Khi pháp luật đã hoàn thiện khi những tranh chấp được xem xét giải quyết kịp thời thì đó chính là những yếu tố đảm bảo sự tuân thủ nghiêm pháp luật về thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 2

KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

2.1 Kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp trên TTCK ở một số quốc gia trên thế giới

2.1.1 Hình thức và hệ thống cơ quan giải quyết tranh chấp

Chúng ta đã biết phần lớn các hoạt động diễn ra trên thị trường chứng khoán được kết thúc một cách tốt đẹp, tuy nhiên điều này không loại trừ một số tranh chấp có thể phát sinh và do đó cần phải có cơ chế cũng như các cơ quan giải quyết tranh chấp. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia về trình độ dân trí, phong tục tập quán, hệ thống pháp luật mà cơ chế giải quyết tranh chấp, hệ thống các cơ quan giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán của các quốc gia có khác nhau về hình thức tổ chức và thẩm quyền giải quyết. Nhưng nhìn chung, xuất phát từ việc đảm bảo các yêu cầu của các bên tranh chấp như phải giải quyết các tranh chấp nhanh, thuận lợi; đảm bảo dân chủ trong qua trình giải quyết tranh chấp; bảo vệ uy tín của các bên trên thương trường; đảm bảo các yếu tố bí mật trong kinh doanh; đạt hiệu quả thi hành án cao nhằm bảo vệ một cách có hiệu quả lợi ích hợp pháp của các bên, ta thấy các tranh chấp trên thị trường chứng khoán thường được giải quyết bằng các hình thức chủ yếu sau:

- Thương lượng,
- Trung gian hoà giải,
- Trọng tài,
- Toà án.

Thương lượng

Pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới thường khuyến khích hoặc qui định việc các bên có tranh chấp tự thương lượng là điều kiện bắt buộc trước khi các bên áp dụng các hình thức giải quyết tranh chấp khác:

Điều 202, khoản 2.2 Luật về chứng khoán và giao dịch chứng khoán của Hàn Quốc có qui định khi nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp của các bên liên quan đến việc mua, bán hoặc các giao dịch chứng khoán khác thì Trưởng ban giám sát của Uỷ ban chứng khoán Hàn Quốc có thể thông báo cho các bên liên quan về việc yêu cầu tự thương lượng, hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ khi có yêu cầu này.

Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Kuala Lumpur (Malayxia) qui định khi Sở giao dịch chấp nhận giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan đến chứng khoán thì các bên phải tự hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo chấp thuận giải quyết tranh chấp của Sở giao dịch. Chỉ sau khi các bên không thể thoả thuận được về giải quyết tranh chấp thì Sở giao dịch chứng khoán mới quyết định chỉ định trọng tài viên để giải quyết.

Trung gian hoà giải

Trung gian hoà giải là hình thức giải quyết tranh chấp hết sức quan trọng ở nhiều quốc gia, đây là hình thức giải quyết tranh chấp rất hiệu quả, thể hiện nhiều ưu điểm trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp cũng như tạo môi trường pháp lí thuận lợi để các chủ thể này thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Sự khác biệt với hình thức thương lượng là hình thức trung gian hoà giải có người thứ ba tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp. Người trung gian này có vai trò trợ giúp, phân tích nguyên nhân, diễn biến của quá trình phát sinh tranh chấp để các bên tranh chấp tự nhận thấy cái lợi của việc hoà giải để đi đến thống nhất phương án loại bỏ tranh chấp.

Người trung gian hoà giải có thể là cá nhân hoặc tổ chức, đối với các tranh chấp trên thị trường chứng khoán thì người trung gian hoà giải thường là các chuyên gia, luật sư có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực chứng khoán, có uy tín, phẩm chất tạo được độ tin cậy cho các bên tranh chấp hoặc các tổ chức hoạt động trên thị trường chứng khoán như các tổ chức tự quản (Trung tâm giao dịch, Sở giao dịch) hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước trên thị trường chứng khoán như Uỷ ban Chứng khoán. Tại Hàn Quốc, Uỷ ban Chứng khoán Hàn Quốc thành lập một Vụ có tên là Vụ Hoà giải các tranh chấp với nhiệm vụ giúp các bên hoà giải các tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán.

Trọng tài

Thông thường, các tổ chức Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp trên thị trường chứng khoán tại các quốc gia trên thế giới tồn tại dưới hai hình thức là Trọng tài vụ việc và Trọng tài quy chế (Trọng tài phi chính phủ).

Trọng tài vụ việc là trọng tài được các bên tranh chấp hoặc cơ quan quản lý về thị trường chứng khoán đề cử ra để giải quyết một vụ việc cụ thể. Trọng tài sẽ tự giải thể sau khi đã giải quyết vụ tranh chấp đó.

Trọng tài thường trực có tính chất chính quy, được thành lập dưới sự bảo trợ của Nhà nước hoặc các tổ chức tự quản trên thị trường chứng khoán. Tại Thụy Điển, tổ chức trọng tài thường trực do các Phòng thương mại thành lập. Tại Mỹ đã thành lập Hiệp hội Trọng tài Hoa kỳ (A.A.A) có trụ sở chính ở New York, với hơn 42 chi nhánh trên toàn nước Mỹ, với gần 400 nhân viên chuyên trách, hơn 60.000 Trọng tài viên. Tại Nhật Bản, Hiệp hội Trọng tài là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp có nhiều chi nhánh ở các địa phương. Hiệp hội có danh sách Trọng tài viên niêm yết công khai tại các chi nhánh để các bên tranh chấp lựa chọn.

Ngoài ra, với đặc điểm riêng biệt của thị trường chứng khoán các cơ quan quản lý Nhà nước về chứng khoán hoặc tổ chức tự quản trên thị trường chứng khoán tại các quốc gia trên thế giới đều có vai trò của một cơ quan trọng tài giải quyết các tranh chấp. Tại Pháp, Ủy ban về các hoạt động của thị trường Chứng khoán (La Commission du operations de bourse) COB còn có vai trò của một tổ chức Trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp và trong một chừng mực nhất định theo qui định COB còn có vai trò gần như một cơ quan xét xử. Tại Mỹ, các Sở giao dịch chứng khoán đều có vai trò là cơ quan trọng tài giải quyết các tranh chấp phát sinh trên Sở giao dịch của mình. Còn Ủy ban chứng khoán có trách nhiệm giám sát quá trình giải quyết tranh chấp, tuy nhiên, Ủy ban chứng khoán không được trực tiếp can thiệp vào quá trình giải quyết tranh chấp này.

Như trên đã phân tích, giải quyết tranh chấp thông qua hình thức trọng tài có rất nhiều ưu điểm, chính vì vậy, pháp luật của nhiều quốc gia cho phép, khuyến khích các bên có tranh chấp lựa chọn hình thức giải quyết qua con đường trọng tài và phán quyết của Trọng tài được coi là chung thẩm, có hiệu lực bắt buộc thi hành. Việc các bên có thoả thuận giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài cần phải chấp nhận rằng họ đã từ bỏ quyền giải quyết tranh chấp bằng hình thức toà án, việc xem xét lại phán quyết của Trọng tài bằng thủ tục tố tụng toà án chỉ được phép trong những trường hợp rất hãn hữu khi có chứng cứ cho rằng việc giải quyết của trọng tài đã diễn ra sự lừa dối hoặc hối lộ.

Tại Hoa Kỳ, các toà án sẵn sàng chấp nhận việc các bên có tranh chấp bỏ qua biện pháp bảo vệ thể hiện trong qui định về tố tụng toà án để đổi lấy tính hiệu quả kinh tế trong việc giải quyết tranh chấp bằng thủ tục trọng tài. Nguyên tắc của giải quyết bằng trọng tài tại Hoa Kỳ là các bên đã lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp với những điều kiện ưu đãi, hiệu quả hơn thì cũng phải chấp nhận những rủi ro gắn liền với hình thức này.

Theo pháp luật về trọng tài của Nhật Bản, các phán quyết của Trọng tài có hiệu lực như một bản án chung thẩm, có giá trị giải quyết dứt điểm vụ tranh chấp và các bên không được kiện nhau về vấn đề tranh chấp nữa. Tuy nhiên, Toà án có thẩm quyền xem xét đối với các phán quyết của Trọng tài và phán quyết đó có thể bị huỷ bỏ trong các trường hợp sau:

- Khi Trọng tài không có thẩm quyền giải quyết,
- Khi phán quyết của Trọng tài bắt một bên phải thực hiện hành vi bị pháp luật cấm,
- Khi trong quá trình tố tụng, các bên không có đại diện theo pháp luật,
- Khi trọng tài vi phạm các thủ tục tố tụng,
- Khi phán quyết của Trọng tài không chỉ ra được căn cứ áp dụng.

Toà án

Ngoài các hình thức giải quyết tranh chấp nêu trên, các tranh chấp trên thị trường chứng khoán còn được giải quyết bằng một hình thức khác đó là thông qua Toà án.

Ở các quốc gia không có sự phân biệt về tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế hoặc tranh chấp thương mại thì các tranh chấp trên thị trường chứng khoán đều được giải quyết tại Toà án dân sự thẩm quyền chung, ví dụ như ở Mỹ.

Có những nước thành lập hẳn hệ thống Toà án độc lập để giải quyết các tranh chấp về kinh tế như Liên bang Nga với hệ thống Toà án trọng tài được thành lập năm 1992.

Ở các quốc gia theo dân luật (Pháp, Đức), do có sự phân biệt giữa hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại nên có tổ chức những Toà án đặc biệt trong hệ thống cơ quan tư pháp (Toà thương mại) để giải quyết các

tranh chấp về thương mại với thủ tục được rút gọn. Tuy nhiên, các toà án này chỉ xét xử sơ thẩm các tranh chấp thương mại, nếu có kháng cáo thì xét xử theo thủ tục chung như xét xử các tranh chấp dân sự. Ví dụ như Toà án thương mại Pháp được thành lập từ rất sớm (1804), và chỉ được thành lập ở những khu vực kinh tế lớn, mỗi một Toà án thương mại có một Chánh án và một số thẩm phán, thẩm phán dự khuyết được bầu từ những thương nhân có uy tín của địa phương. Toà án thương mại có thẩm quyền xét xử những tranh chấp liên quan đến những cam kết và giao dịch giữa các thương nhân và hàng loạt các tranh chấp khác. Tuy nhiên, chỉ có Toà án thương mại thẩm quyền rộng Paris mới có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

Nhìn chung, việc tổ chức một toà án chuyên trách để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh trong đó có tranh chấp trên thị trường chứng khoán thể hiện nhiều lợi thế:

- Thủ tục giải quyết tranh chấp tại Toà án thương mại đơn giản, gọn nhẹ, hạn chế sự gián đoạn trong hoạt động kinh doanh.

Thẩm phán là những người có nhiều kiến thức pháp luật, kinh nghiệm kinh doanh, giải quyết tranh chấp đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan cao.

2.1.2 Qui trình và các vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp

Trong nội dung này, chúng tôi sẽ chú trọng trình bày qui trình và một số vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp của các hình thức giải quyết tranh chấp là thương lượng, trung gian hoà giải và Trọng tài.

Thương lượng

Với ưu điểm của hình thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, pháp luật của các quốc gia trên thế giới thường qui định nguyên tắc các bên

tự thương lượng để giải quyết tranh chấp trước khi đưa tranh chấp ra giải quyết tại một cơ quan có thẩm quyền như Trọng tài hoặc Toà án. Thương lượng có thể thực hiện dưới nhiều hình thức như các bên trực tiếp gặp gỡ, bàn bạc để thống nhất hướng giải quyết tranh chấp hoặc bằng cách trao đổi công văn, tài liệu thể hiện quan điểm của mình và yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng các điều đã cam kết.

Trong các trường hợp cụ thể, nếu các bên có thoả thuận giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hoà giải thì đây là thủ tục bắt buộc trước khi được đưa đơn xin giải quyết tại Trọng tài hoặc Toà án. Và như vậy, chỉ sau khi thương lượng (tự hoà giải) không thành công thì cơ quan Trọng tài hoặc Toà án mới đưa vụ tranh chấp ra giải quyết.

Trung gian hoà giải

Trung gian hoà giải có hai hình thức, đó là hoà giải ngoài tổ tụng và hoà giải trong tổ tụng.

Hoà giải ngoài tổ tụng:

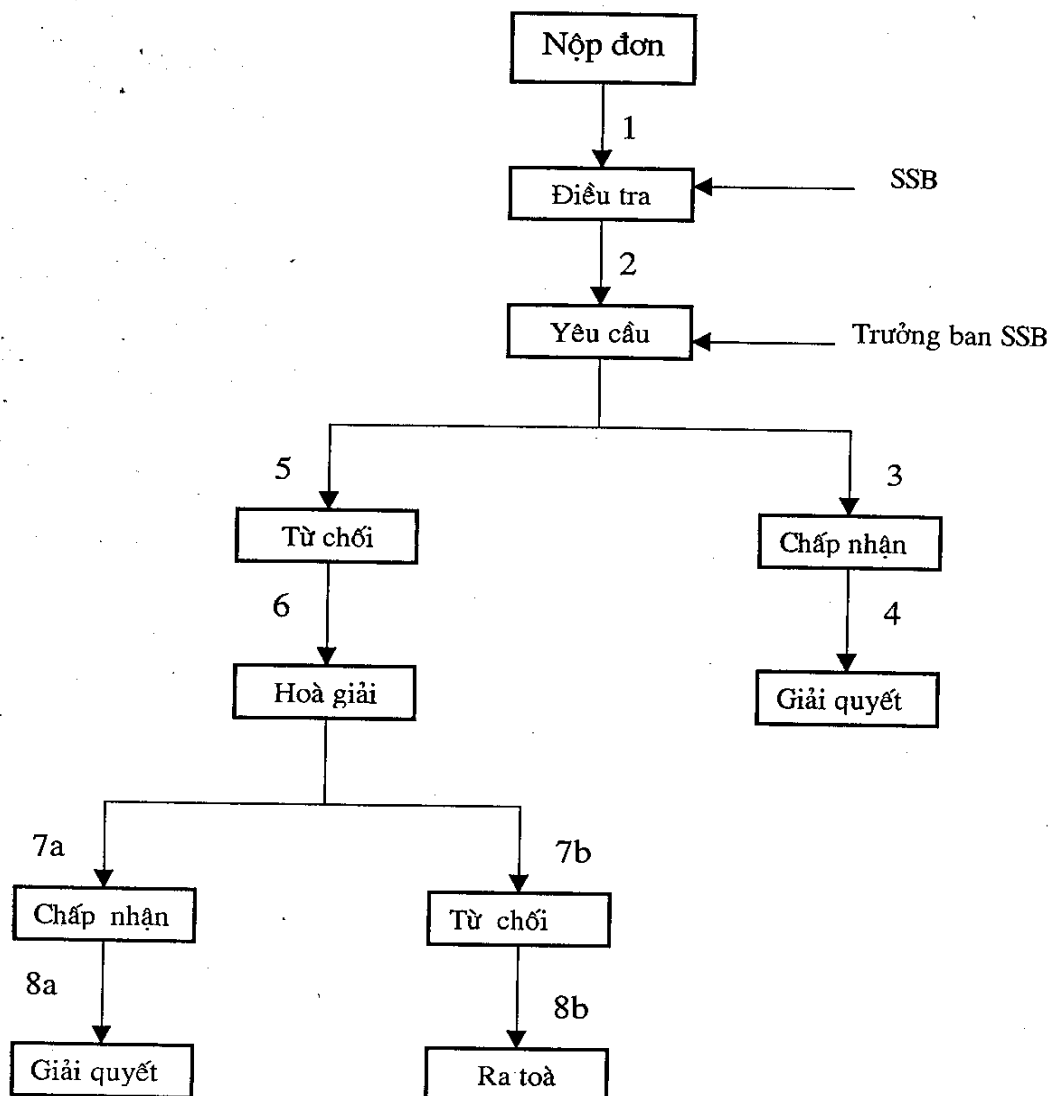
Là hình thức hoà giải qua trung gian giữa các bên tranh chấp trước khi đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại Toà án hoặc Trọng tài. Khi thống nhất được phương thức giải quyết tranh chấp, các bên phải tự nguyện và thiện chí thực hiện theo phương án đã thoả thuận. Nếu một trong hai bên không nghiêm túc thực hiện thì bên kia có quyền đưa vụ tranh chấp ra Trọng tài hoặc Toà án để giải quyết. Tuy nhiên với hình thức hoà giải ngoài tổ tụng thì thoả thuận của các bên có tranh chấp không phải là điều kiện bắt buộc để các bên phải tuân theo và không phải là cơ sở để Trọng tài hoặc Toà ra phán quyết thực hiện.

Hoà giải trong tổ tụng:

Là hình thức hoà giải được tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp như Trọng tài, Toà án hoặc Tổ chức tự quản trên thị trường

chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán), cơ quan quản lí nhà nước về thị trường chứng khoán được pháp luật của từng nước qui định có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán. Khi các bên tranh chấp thoả thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp thì Trọng tài hoặc Toà án lập biên bản hoà giải thành và ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các bên có tranh chấp và quyết định này có hiệu lực thi hành ngay. Đây chính là sự khác biệt giữa hoà giải ngoài tố tụng và hoà giải trong tố tụng. Vấn đề này đã được Luật chứng khoán và giao dịch chứng khoán Hàn Quốc qui định tại Điều 202, khoản 2.3, đó là Uỷ ban hoà giải có quyền đề xuất phương án giải quyết tranh chấp và kiến nghị các bên có tranh chấp chấp nhận phương án này, khi các bên tranh chấp chấp nhận về phương án hoà giải thì phương án đó có hiệu lực pháp lí và bắt buộc các bên thi hành. Tại Hàn Quốc, việc giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán theo hình thức trung gian hoà giải được thực hiện theo mô hình sau:

**Mô hình các thủ tục hoà giải tranh chấp
tại Ủy ban Chứng khoán Hàn Quốc**



1: Các bên có tranh chấp nộp đơn đề nghị giải quyết lên Ủy ban Chứng khoán. Ủy ban Chứng khoán (Thông qua Ban Giám sát SSB) tiến hành xem xét đơn của các đương sự và quyết định có đứng ra làm trung gian hoà giải hay không.

2: Nếu quyết định đứng ra làm trung gian giải quyết tranh chấp, Ủy ban Chứng khoán Hàn Quốc có quyền yêu cầu các bên tự hoà giải.

3,4: Nếu các bên tự hoà giải thành công, việc yêu cầu giải quyết sẽ được huỷ bỏ, các bên thực hiện theo phương án đã chấp thuận.

5,6: Nếu các bên tranh chấp không tự hoà giải được, Ủy ban chứng khoán Hàn Quốc sẽ làm trung gian hoà giải giữa các bên và đưa ra phương án giải quyết tranh chấp.

7a,8a: Nếu các bên chấp nhận phương án của Ủy ban chứng khoán thì tranh chấp của các bên sẽ kết thúc và phương án giải quyết của Ủy ban có hiệu lực thi hành như quyết định của Tòa án.

7b, 8b: Nếu các bên không chấp nhận thì vụ tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua con đường Tòa án.

Như vậy, để có thể tiến hành thành công một buổi hoà giải thông qua trung gian (kể cả hoà giải ngoài tố tụng hay trong tố tụng), thông thường người ta phải tiến hành thủ tục gồm các bước sau:

Giai đoạn chuẩn bị:

Các bên tranh chấp trao đổi thông tin, chỉ định người hoà giải nếu điều này không được qui định trong hợp đồng giữa hai bên.

Giai đoạn nghe trình bày:

+ Người trung gian hoà giải giải thích cho các bên có tranh chấp thủ tục hoà giải và các qui định chủ yếu các bên phải tuân theo trong quá trình hoà giải như tôn trọng quyền trình bày của bên tranh chấp, giữa không khí hợp tác, hoà hảo giữa các bên.

+ Các bên được trình bày ý kiến của mình, cũng như nghe ý kiến của phía bên kia. Được đề xuất phương án giải quyết tranh chấp.

+ Người trung gian hoà giải phân tích tình hình, làm rõ tình tiết của vụ tranh chấp. Người trung gian có thể gặp gỡ riêng từng bên nhằm thuyết phục cũng như khuyến nghị cho các bên phương án giải quyết tranh chấp để các bên lựa chọn.

Giai đoạn ra văn bản giải quyết.

Khi các bên tranh chấp với sự giúp đỡ của người trung gian thoả thuận được với nhau phương án giải quyết tranh chấp thì phải cùng nhau lập thành văn bản ghi rõ nội dung hoà giải và có đầy đủ chữ ký của các bên. Văn bản này có giá trị quan trọng trong việc giám sát quá trình thực hiện phương án hoà giải của các bên tranh chấp.

Trọng tài

Với đặc thù của các tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán, các quốc gia có những qui định cụ thể về thủ tục trọng tài cũng như cơ quan trọng tài giải quyết các tranh chấp này, Tổ chức trọng tài giải quyết các tranh chấp trên thường là Trọng tài chuyên ngành.

Tại Malaixia, Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Kuala Lumpur qui định trong thời gian 30 ngày gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Sở giao dịch chứng khoán, các bên có tranh chấp không được đưa đơn kiện đến các cơ quan trọng tài bên ngoài hay toà án để giải quyết tranh chấp, chỉ sau khi Sở giao dịch chứng khoán từ chối giải quyết tranh chấp các bên mới được tự do khởi kiện tại Tổ chức trọng tài bên ngoài hoặc Toà án.

Ngoài ra, khi các bên đã có thoả thuận giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài thì pháp luật của nhiều quốc gia qui định rằng các bên đã từ bỏ hình thức giải quyết tranh chấp thông qua toà án.

Về cơ bản thủ tục giải quyết tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán bằng hình thức trọng tài được áp dụng tương đối thống nhất ở nhiều quốc gia. Tại Hoa Kỳ, các hoạt động phân xử của Trọng tài được tiến

hành phải tuân thủ “Qui tắc thống nhất về trọng tài” được soạn thảo bởi Hội nghị ngành Chứng khoán về trọng tài. Theo bản Qui tắc này, chỉ các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động trên thị trường chứng khoán mới được đưa ra giải quyết tại cơ quan trọng tài của các tổ chức tự quản. Bản qui tắc có những nội dung chủ yếu sau:

+ Về sự tham gia tố tụng của luật sư:

Các bên có quyền được đại diện bởi một luật sư và luật sư được tham gia bất cứ giai đoạn nào của quá trình giải quyết tranh chấp. Bên nào có luật sư làm đại diện sẽ phải thông báo cho cơ quan giải quyết tranh chấp tên và địa chỉ của người luật sư đó trong đơn khiếu nại hoặc một thông báo bằng văn bản. Sau khi có thông báo như vậy, các thông tin liên quan đến việc giải quyết sẽ được chuyển đến luật sư.

Tổ chức trọng tài, cơ quan bảo trợ của tổ chức trọng tài này không được giới thiệu hoặc cung cấp luật sư trong quá trình giải quyết và các nhân viên của các tổ chức nói trên cũng không được tư vấn về luật pháp cho các bên tranh chấp.

+ Thủ tục giải quyết tranh chấp:

Để bắt đầu việc giải quyết tranh chấp, bên khiếu nại phải thực hiện những việc sau:

Gửi đơn khiếu nại:

Bên khiếu nại phải gửi đến tổ chức trọng tài đơn khiếu nại tường trình về nội dung khiếu nại. Trong đơn này phải nêu rõ các chi tiết của vụ tranh chấp cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại cụ thể (ví dụ như thiệt hại tính ra bằng tiền, lãi suất). Ngoài ra, bên khiếu nại cũng phải gửi kèm theo các tài liệu, chứng từ làm bằng chứng cho các yêu cầu trong đơn khiếu nại. Người khiếu nại ngoài việc gửi các tài liệu trên cho tổ chức trọng tài còn

phải gửi tài liệu này cho tổ chức tự quản là cơ quan bảo trợ cho tổ chức trọng tài giải quyết tranh chấp cũng như cho bên bị khiếu nại.

Trao đổi các tài liệu liên quan đến vụ tranh chấp:

Sau khi đơn khiếu nại được tổ chức trọng tài tiếp nhận, các bên có tranh chấp có trách nhiệm trực tiếp cung cấp cho nhau các tài liệu liên quan đến tranh chấp, ngoài ra, các bên còn có trách nhiệm cung cấp đồng thời các tài liệu trên đến tổ chức tự quản bảo trợ cho trọng tài. Việc gửi các tài liệu cho bên kia cũng như tổ chức tự quản phải được thực hiện cùng ngày và cùng một phương thức (fax hay đường bưu điện).

Ký bản thoả thuận đề nghị giải quyết bằng hình thức trọng tài:

Bên khiếu nại sẽ phải ký vào Bản thoả thuận đề nghị giải quyết tranh chấp do Tổ chức tự quản bảo trợ hoạt động của Trọng tài cung cấp (có công chứng) trong đó cam kết thi hành đúng phán quyết của Trọng tài, bên khiếu nại cũng phải cam kết tuân theo các quyết định của Trọng tài liên quan đến bất kỳ sự khiếu nại (phản tố) nào của bên bị khiếu nại. Khi bản thoả thuận này đã được ký, các thủ tục và tiến trình giải quyết của trọng tài sẽ trở nên có hiệu lực và các bên bắt buộc phải thi hành. Nói chung, các bên không thể rút lại đơn kiện nếu không có sự đồng ý của bên kia cũng như sự đồng ý của Trọng tài giải quyết tranh chấp.

Các vấn đề liên quan sau khi gửi đơn khiếu nại tại trọng tài:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết sẽ thông báo cho bên bị kiện. Trong vòng 20 ngày theo lịch trong trường hợp đó là một vụ tranh chấp nhỏ và 20 ngày làm việc trong tất cả các vụ tranh chấp khác, bên bị kiện có trách nhiệm đưa ra ý kiến và trả lời các vấn đề mà trọng tài yêu cầu về vấn đề bị kiện. Thời hạn này có thể được tổ chức trọng tài ra hạn tùy theo tình hình cụ thể của vụ kiện. Bên bị khiếu nại có thể đưa ra ý kiến của mình liên quan đến việc bị khiếu kiện hoặc có thể

đưa ra một khiếu nại chống lại bên thứ ba nhằm buộc bên thứ ba phải chịu trách nhiệm về những vấn đề bị khiếu kiện. Bên bị khiếu nại cũng phải gửi cho tổ chức trọng tài bản thoả thuận đề nghị giải quyết tranh chấp với nội dung tương tự như bản thoả thuận của bên khiếu nại.

Sau khi nhận được được sự phản hồi về việc khiếu nại của bên bị khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày theo lịch trong trường hợp vụ kiện nhỏ và 10 ngày làm việc trong các trường hợp khác, bên khiếu nại phải đưa ra ý kiến của mình về việc giải trình của bên bị khiếu nại.

Sau khi các bên đã chuẩn bị đầy đủ thủ tục cho việc giải quyết tranh chấp, tùy theo tính chất, mức độ của vụ tranh chấp mà Tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết sẽ quyết định áp dụng thủ tục giải quyết theo trình tự rút gọn hay theo luật định.

Thủ tục giải quyết theo trình tự rút gọn:

Nếu giá trị của vụ tranh chấp bằng hoặc nhỏ hơn 10.000 USD thì vụ tranh chấp này sẽ được giải quyết theo trình tự rút gọn. Tức là, vụ tranh chấp sẽ được giải quyết chỉ cần dựa trên cơ sở nghiên cứu tình tiết của cụ việc, lời biện minh của các bên tranh chấp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp hãn hữu vụ tranh chấp có giá trị nhỏ vẫn được giải quyết dưới hình thức phân xử khi một bên tranh chấp có yêu cầu hoặc theo quyết định của trọng tài viên.

Thủ tục giải quyết các vụ tranh chấp theo trình tự bình thường:

Tổ chức trọng tài sẽ ấn định ngày đưa vụ tranh chấp ra xét xử. Các bên sẽ được thông báo bằng văn bản về ngày và địa điểm điểm giải quyết tranh chấp ít nhất là trước 8 ngày làm việc. Khi một trong các bên tranh chấp vắng mặt tại buổi giải quyết, các trọng tài viên vẫn có thể tiến hành giải quyết tranh chấp mà không cần phải hoãn lại.

Nhìn chung, buổi giải quyết tranh chấp sẽ được tiến hành như sau:

Các trọng tài viên và các nhân chứng phải tuyên thệ về trách nhiệm của mình,

Các bên được phép nêu tóm tắt những vấn đề liên quan đến vụ tranh chấp và sự thực mà các bên dự định chứng minh. Tuy nhiên, các bên cũng có quyền từ chối phải nêu ra vấn đề này.

Bên khiếu nại sẽ trình bày sự việc với các trọng tài viên và đưa ra các bằng chứng để chứng minh cho đơn kiện của mình.

Bên bị khiếu nại sẽ trình bày về trường hợp của họ tương tự như bên khiếu nại.

Các bên làm chứng phải tuyên thệ về tính trung thực và phải chịu sự kiểm tra chéo cũng như bị thẩm vấn bởi các trọng tài viên.

Các bên được phát biểu lần cuối để trình bày một cách tổng hợp về các bằng chứng, lời khai của mình. Tuy nhiên các bên chỉ được đề cập đến các bằng chứng đã có và không được sử dụng bài phát biểu này như một cơ hội để đưa ra các bằng chứng mới. Các bên cũng được quyền từ chối phát biểu lần cuối.

Các trọng tài viên sẽ phải đưa ra ý kiến và ký vào quyết định giải quyết tranh chấp. Quyết định này chỉ được dựa trên các tài liệu và chứng cứ liên quan do các bên tranh chấp cung cấp, các trọng tài viên không được đưa ra một quyết định khác căn cứ vào chứng cứ mới tìm thấy sau khi quyết định xét xử được công bố. Các trọng tài viên không phải đưa ra ý kiến hoặc các lý do cho quyết định của mình. Đến đây buổi giải quyết tranh chấp sẽ kết thúc. Các trọng tài viên phải đưa ra quyết định giải quyết tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc tính từ khi hồ sơ giải quyết vụ việc được đóng lại.

2.1.3 Các biện pháp đảm bảo thực hiện phán quyết giải quyết tranh chấp

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

Khi xảy ra các tranh chấp, mối quan tâm lớn nhất của các bên có tranh chấp chính là tính khả thi của các quyết định giải quyết tranh chấp hay nói cách khác là liệu các bên tranh chấp có còn khả năng về tài chính để thực hiện các quyết định giải quyết đó hay không, ngoài ra một mối quan tâm quan trọng khác là liệu các bên có tiêu huỷ tài liệu, tài sản (chứng cứ) liên quan đến vụ tranh chấp nhằm cản trở cơ quan giải quyết tranh chấp có thể ra một quyết định chính xác hay không. Như vậy, sự tồn tại của các biện pháp khẩn cấp tạm thời với mục đích đảm bảo việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp hay giữ các bằng chứng liên quan đến việc giải quyết tranh chấp là sự cần thiết đối với bất kỳ một vụ giải quyết tranh chấp nào.

Trong các hình thức giải quyết tranh chấp đã nêu trên, chỉ với hình thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài hoặc Tòa án, các bên có tranh chấp mới được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ra các quyết định thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời với mục đích đảm bảo thực hiện các quyết định giải quyết tranh chấp. Thông thường, Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của các quốc gia trên thế giới đều có quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, thẩm quyền của Tổ chức trọng tài trong việc ra các quyết định khẩn cấp tạm thời tại mỗi quốc gia có khác nhau:

Tại Nhật Bản, pháp luật không cho phép trọng tài viên áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng trọng tài, nhưng các bên có tranh chấp có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm hỗ trợ các trọng tài viên trong việc giải quyết tranh chấp.

Tại Pháp, Ủy ban về các hoạt động của thị trường Chứng khoán (COB) với tư cách là một cơ quan giải quyết các tranh chấp trên thị trường chứng khoán được quyền yêu cầu Chánh án Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng Paris áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết tranh chấp như kê biên, phong tỏa tài sản hoặc cấm tạm thời thực hiện một hành vi.

Thi hành các quyết định giải quyết tranh chấp của Trọng tài.

Phần lớn pháp luật của các quốc gia trên thế giới đều qui định Tòa án có thẩm quyền công nhận và cho thi hành các quyết định giải quyết tranh chấp của Tổ chức trọng tài, việc xem xét lại tính giá trị pháp lý của các quyết định do Trọng tài ban hành là rất hiếm hoi như đã được dẫn chứng tại các phần trên. Trong trường hợp một bên có tranh chấp cố tình không thực hiện các quyết định của Trọng tài thì bên kia có quyền trực tiếp yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định của Trọng tài.

Tóm lại, qua việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán, chúng ta thấy việc giải quyết tranh chấp bằng hình thức trung gian hoà giải và trọng tài có rất nhiều ưu điểm, phù hợp với tính chất của các tranh chấp trên thị trường chứng khoán, đáp ứng được yêu cầu giải quyết nhanh gọn, chính xác các tranh chấp của người đầu tư và các tổ chức tham gia vào hoạt động kinh doanh trên thị trường chứng khoán. Vì vậy cần được nghiên cứu và vận dụng một cách hợp lý vào Việt Nam, một quốc gia mà thị trường chứng khoán mới chỉ bắt đầu hình thành, chưa có nhiều kinh nghiệm trong quá trình hoạt động của mình.

2.2 Nội dung, thực trạng của pháp luật về giải quyết tranh chấp trên TTCK Việt Nam

2.2.1 Cơ sở pháp lí của việc giải quyết tranh chấp

2.2.1.1 Các qui định chung của pháp luật về giải quyết tranh chấp

Pháp luật về giải quyết tranh chấp của Việt Nam trước năm 1956 chưa có sự phân biệt tranh chấp kinh tế với các loại tranh chấp tài sản khác. Ngày 10/4/1956 Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời số 735-TTg về hợp đồng kinh doanh. Bản điều lệ này không gọi là hợp đồng kinh tế mà gọi là hợp đồng kinh doanh.

Điều 1 qui định "Hợp đồng kinh doanh là một bản qui định mối quan hệ giữa hai hay nhiều đơn vị kinh doanh tự nguyện cam kết với nhau thực hiện một số nhiệm vụ nhất định, nhằm mục đích phát triển kinh doanh công thương nghiệp góp phần thực hiện kế hoạch Nhà nước"

Việc giải quyết tranh chấp được qui định tại điều 20 của bản Điều lệ như sau: Nếu là tranh chấp giữa tư doanh với nhau, giữa tư doanh với quốc doanh hay hợp tác xã thì đưa ra cơ quan đăng ký hay thị thực hợp đồng giải quyết. Nếu xét thấy cần đề nghị truy tố trước toà án nhân dân, cơ quan đăng ký sẽ đứng ra khởi tố trước toà án nhân dân sở tại. Nếu có tranh chấp giữa các tổ chức hợp tác xã hay tổ chức quốc doanh với nhau thì đưa lên cơ quan cấp trên hoặc hội nghị liên tịch các cơ quan cấp trên giải quyết.

Cơ quan đăng ký theo qui định ở đây là cơ quan công thương tỉnh, thành phố hay Ủy ban hành chính huyện (được uỷ nhiệm) và cơ quan có thẩm quyền thị thực là Ủy ban hành chính xã.

Như vậy theo qui định của Điều lệ này thì các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế đầu tiên ở Việt Nam gồm: Cơ quan công thương tỉnh, thành phố; Ủy ban hành chính huyện; Ủy ban hành chính

xã; cơ quan cấp trên của tổ chức hợp tác xã, cơ quan cấp trên của tổ chức quốc doanh và Tòa án nhân dân. Các tranh chấp hợp đồng kinh doanh cơ bản do cơ quan hành pháp tiến hành giải quyết. Tòa án chỉ giải quyết các tranh chấp theo sự khởi tố của các cơ quan đăng ký.

Giai đoạn tiếp theo, nền kinh tế của nước ta hoạt động chủ yếu theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế Nhà nước và tập thể cơ bản là dựa trên chỉ tiêu pháp lệnh được Nhà nước giao (không tính đến lỗ, lãi) cơ chế này đã tạo tiền đề cho sự ra đời của một cơ quan giải quyết tranh chấp kinh tế thuộc cơ quan hành pháp là Trọng tài kinh tế. Trọng tài kinh tế có trách nhiệm theo dõi và giúp đỡ các đơn vị quốc doanh thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Hợp đồng kinh tế thời kỳ này không hoàn toàn thể hiện ý chí của hai bên mà chỉ là một phương tiện, một công cụ để thực hiện kế hoạch Nhà nước. Giải quyết tranh chấp kinh tế của Trọng tài có mục đích hàng đầu là bảo vệ lợi ích Nhà nước và bảo vệ việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Tổ chức Trọng tài kinh tế Nhà nước được thành lập theo Nghị định 201-TTg ngày 14/01/1960, sau đó Nhà nước đã ban hành một số văn bản tiếp theo như: Nghị định số 94-CP ngày 10/6/1965; Nghị định 75-CP ngày 14/4/1975; Nghị định số 24- HĐBT ngày 10/8/1984; Pháp lệnh Trọng tài kinh tế ngày 10/01/1990. Thực tế qua hơn 30 năm hoạt động tổ chức này đã phát huy được vai trò của nó trong việc kiểm tra, giám sát và giải quyết các tranh chấp góp phần vào việc thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao.

Nền kinh tế tập trung không tạo tiền đề cho hoạt động của tổ chức Trọng tài phi Chính phủ, nhưng trong lĩnh vực ngoại thương thì các điều kiện này vẫn hình thành. Thời kỳ này các tranh chấp kinh tế quốc tế chủ yếu là xảy ra giữa Việt Nam với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa cũ và trong quan hệ với các nước khác mặc dù tỷ trọng buôn bán không lớn

những vấn đề có nhiều tranh chấp phát sinh đòi hỏi phải có các tổ chức trọng tài phi Chính phủ để giải quyết. Xuất phát từ thực tế đó, ngày 30/4/1963 Hội đồng Chính phủ đã có Nghị định số 59-CP về thành lập "Hội đồng trọng tài ngoại thương" và Nghị định số 153-CP ngày 5/10/1964 về thành lập "Hội đồng trọng tài hàng hải". Sau một thời gian hoạt động, ngày 28/4/1993 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 204-TTg về việc thành lập "Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam" trên cơ sở sáp nhập hai tổ chức trọng tài trên. Ngày 16/2/1996, Thủ tướng Chính phủ lại có quyết định 114-TTg về việc mở rộng thẩm quyền của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, theo quyết định này thì "Cho phép Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam được mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh doanh trong nước, nếu các bên đương sự thoả thuận đưa ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam giải quyết"

Khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung quan liêu bao cấp đã bị xoá bỏ vai trò của Trọng tài kinh tế Nhà nước không còn phù hợp trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, Trọng tài kinh tế Nhà nước đã chấm dứt hoạt động vào ngày 01/7/1994 theo Nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp thứ tư quốc hội khoá IX năm 1993.

Đồng thời với việc chấm dứt hoạt động của Trọng tài kinh tế Nhà nước thì ngày 2/12/1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Toà án nhân dân đã giao thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh tế cho Toà án (được áp dụng từ ngày 1/7/1994) và ngày 5/9/1994 Chính phủ đã ban hành hành Nghị định 116-CP về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế với tính chất là tổ chức Xã hội - nghề nghiệp. Nghị định này là cơ sở pháp lí cho sự ra đời và hoạt động của các tổ chức Trọng tài kinh tế Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp kinh

tế bằng con đường Toà án, ngày 16/3/1994 Uỷ ban thường vụ quốc hội cũng đã ban hành Pháp Lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, tuy nhiên trong thực tế, hoạt động của toà án về lĩnh vực này còn rất hạn hẹp và chưa phát huy hiệu quả.

Tóm lại, pháp luật về giải quyết tranh chấp của Việt Nam hiện nay chủ yếu chỉ đề cập đến vai trò của tổ chức Trọng tài và nó đã đáp ứng phần nào nhu cầu thực tế trong hoạt động của nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của những tổ chức này chưa cao, nhất là trong điều kiện của nền kinh tế thị trường vai trò của tổ chức này chưa thể hiện rõ nét (một phần do phán quyết của trọng tài chưa có tính bắt buộc phải thi hành). Việc giải quyết thông qua Toà án, tuy pháp luật đã có cơ chế thực hiện nhưng thực sự chưa phát huy tác dụng, một phần do tâm lý và thói quen của các tổ chức, cá nhân ngại tham gia hoạt động tố tụng. Ngoài các hình thức giải quyết nêu trên đã được pháp luật qui định thì các hình thức hoà giải và thương lượng cũng rất phổ biến và được áp dụng khá nhiều tại Việt Nam và ở góc độ nào đó nó cũng đã phát huy hiệu quả khá tích cực. Tuy nhiên, hoạt động này hoàn toàn mang tính tự phát và thực tế cũng chưa có văn bản pháp luật nào điều chỉnh ngoài một số qui định về hoà giải trong lĩnh vực dân sự.

2.2.1.2 Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán

Pháp luật nói chung về giải quyết tranh chấp áp dụng cho hoạt động chứng khoán

Trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, các quan hệ phát sinh rất đa dạng. Các quan hệ đó có thể xảy ra giữa người đầu tư với công ti chứng khoán; người đầu tư với nhau; công ti chứng khoán với công ti phát hành; các công ti với tổ chức cá nhân nước ngoài.v.v. Do đó, nếu xảy ra tranh chấp thì việc phân loại các tranh chấp để giải quyết là vấn đề cần xem xét. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán, trước hết, phải được hiểu đó là những văn bản qui định chung về giải quyết

tranh chấp. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, pháp luật về lĩnh vực này chưa hoàn thiện.

Về tổ chức Trọng tài hiện nay song song tồn tại hai tổ chức. Thứ nhất là Trọng tài kinh tế được hình thành theo Nghị định 116/CP năm 1994. Theo nghị định này thì Trọng tài kinh tế là một tổ chức xã hội nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết:

- Tranh chấp về hợp đồng kinh tế
- Các tranh chấp giữa công ti với các thành viên của công ti
- Các tranh chấp giữa thành viên của công ti với nhau
- Các tranh chấp liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ti
- Các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu.

Thứ hai là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Trung tâm trọng tài này là tổ chức phi Chính phủ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp sau:

Tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế như các hợp đồng mua bán ngoại thương, các hợp đồng đầu tư, du lịch, vận tải và bảo hiểm quốc tế, chuyển giao công nghệ, tín dụng và thanh toán quốc tế.v.v

Tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh doanh trong nước nếu các bên đương sự thoả thuận đưa ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam giải quyết.

Như vậy, các tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán nếu giải quyết bằng con đường trọng tài, mặc nhiên phải tuân thủ những qui định chung về Trọng tài. Tuy nhiên, hiện nay những qui định này chưa rõ ràng. Tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán có thể là tranh chấp về hợp đồng kinh tế (nếu theo qui định của Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế, những Hợp đồng được ký giữa pháp nhân với pháp nhân hoặc pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh là hợp đồng kinh tế) cũng có thể là tranh

chấp về hợp đồng dân sự vậy thẩm quyền giải quyết của Trọng tài như thế nào? Pháp luật thì qui định Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu nhưng nếu đó là các tranh chấp dân sự thì Trọng tài có giải quyết không?

Mặt khác, các tranh chấp có yếu tố nước ngoài cần phân định loại tranh chấp đó là tranh chấp về hợp đồng tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia đầu tư chứng khoán với các hợp đồng liên doanh của tổ chức nước ngoài với các tổ chức Việt Nam để kinh doanh chứng khoán. Hiện nay, pháp luật chưa qui định cụ thể về thẩm quyền giải quyết các loại tranh chấp này. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nếu các tranh chấp liên quan đến các hợp đồng liên doanh hai bên thoả thuận giải quyết tại Trọng tài Việt Nam thì sẽ do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam giải quyết, còn các tranh chấp liên quan đến người đầu tư nước ngoài mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam nếu giải quyết bằng con đường Trọng tài sẽ do các tổ chức Trọng tài được thành lập theo Nghị định 116/CP giải quyết.

Về thẩm quyền giải quyết của Toà án thì theo Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Toà án có thẩm quyền giải quyết các vụ án kinh tế sau đây:

- Các tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa pháp nhân với pháp nhân, giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh;
- Các tranh chấp giữa công ti với các thành viên của công ti, giữa các thành viên của công ti với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể công ti;
- Các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu trái phiếu;
- Các tranh chấp khác theo qui định của pháp luật.

Như vậy, theo qui định này để xác định một tranh chấp thuộc thẩm quyền của toà dân sự hay toà kinh tế, trước hết phải xác định tư cách của

các chủ thể tham gia quan hệ tranh chấp, thực tế trong hoạt động chứng khoán như đã phân tích ở phần trên các chủ thể tham gia vào lĩnh vực này rất đa dạng.

Ví dụ, trong một tranh chấp giữa người đầu tư và công ti kinh doanh chứng khoán về hoạt động giao dịch chứng khoán thì cần phân biệt các loại quan hệ sau:

- Quan hệ giữa người đầu tư là công dân Việt Nam với Công ti chứng khoán;
- Quan hệ giữa người đầu tư là công dân nước ngoài với Công ti chứng khoán;
- Quan hệ giữa tổ chức kinh tế của Việt Nam với Công ti chứng khoán;
- Quan hệ giữa tổ chức kinh tế của nước ngoài với Công ti chứng khoán.

Từ thực tế này có thể phân loại các tranh chấp để giải quyết. Với các tranh chấp giữa tổ chức kinh tế của Việt Nam với công ti chứng khoán thì đây là tranh chấp về hợp đồng kinh tế, tranh chấp này có thể do Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế giải quyết; với các tranh chấp giữa tổ chức kinh tế của nước ngoài với công ti chứng khoán thì tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là do hai bên thoả thuận; với tranh chấp giữa cá nhân người đầu tư trong và ngoài nước với công ti chứng khoán thì việc phân định Toà án nào có thẩm quyền giải quyết chưa qui định rõ ràng và thực tế chưa xác định được cụ thể đây là tranh chấp dân sự hay tranh chấp kinh tế.

Pháp luật qui định về giải quyết tranh chấp trong hoạt động chứng khoán

Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán hiện nay của Việt Nam hầu như chưa có văn bản nào ghi nhận ngoài qui định tại điều 79, Nghị định 48 là:

“Các tranh chấp phát sinh trong hoạt động phát hành, kinh doanh và giao dịch chứng khoán trước hết phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng và hoà giải. Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước có thể đứng ra làm trung gian hoà giải các tranh chấp phát sinh. Trường hợp hoà giải không thành, các bên có thể đưa tranh chấp ra cơ quan Trọng tài kinh tế hoặc Toà án để xét xử theo qui định của pháp luật.

Các bên tranh chấp liên quan tới bên nước ngoài, nếu các bên không thoả thuận được hoặc không được giải quyết theo qui định trong Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia, thì tranh chấp được giải quyết theo pháp luật Việt Nam”

Ngoài qui định về giải quyết tranh chấp của Nghị định 48/1998/NĐ-CP là Nghị định khung qui định về hoạt động chứng khoán thì hiện nay chưa có văn bản pháp qui nào hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, chứng khoán và thị trường chứng khoán là một lĩnh vực mới sự hiểu biết của công chúng đầu tư chưa nhiều, quá trình hoạt động chắc chắn sẽ có nhiều tranh chấp xảy ra. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu của thị trường Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành hai văn bản (không phải là văn bản pháp qui) để hướng dẫn thi hành đó là:

Qui định về tổ chức ban hoà giải tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Qui trình nghiệp vụ hoà giải tranh chấp tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Theo qui định về tổ chức Ban hoà giải thì Ban này được thành lập theo quyết định của Giám đốc Trung tâm có chức năng hoà giải các tranh chấp phát sinh trong hoạt động giao dịch chứng khoán trên cơ sở đề nghị của các bên có tranh chấp.

Ban hoà giải gồm các thành viên như:

- + Giám đốc hoặc Phó giám đốc trung tâm là Trưởng Ban;
- + Đại diện phòng Giám sát thị trường là thành viên thường trực;
- + Đại diện các phòng chức năng của Trung tâm có liên quan liên quan;
- + Đại diện của các công ti chứng khoán thành viên;
- + Các thành viên khác theo đề nghị của Trưởng ban hoà giải.

Như vậy, theo qui định về thành phần của Ban hoà giải cho thấy không phải Ban hoà giải của Trung tâm sẽ giải quyết tất cả các tranh chấp mà chỉ giới hạn giải quyết các tranh chấp trong hoạt động giao dịch có liên quan đến công ti chứng khoán. Tuy nhiên, hiểu như thế nào là tranh chấp trong hoạt động giao dịch cần có hướng dẫn cụ thể thêm. Thực tế có những tranh chấp phát sinh như: tranh chấp về hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán hay tranh chấp về hợp đồng cầm cố có phải thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm giao dịch không? Theo ý kiến của chúng tôi, tất cả những tranh chấp giữa người đầu tư với công ti chứng khoán trực tiếp hay gián tiếp đều liên quan đến hoạt động giao dịch, vì vậy, những tranh chấp này vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung Tâm, do đó, qui định cần phải làm rõ phạm vi, đối tượng giải quyết tranh chấp của Trung tâm giao dịch.

Ban hoà giải hoạt động theo các nguyên tắc như: 1) Tôn trọng sự tự nguyện của các bên, không bắt buộc áp đặt các bên tranh chấp phải tiến hành hoà giải. 2) Khách quan công minh có lý có tình; giữ bí mật thông tin của các bên tranh chấp; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan; không xâm phạm lợi ích Nhà nước lợi ích công cộng. 3) Kịp thời chủ động kiên trì nhằm ngăn chặn vi phạm pháp luật, hạn chế những hậu quả xấu có thể xảy ra và đạt được kết quả hoà giải. Những nguyên tắc này cơ bản phù hợp với nguyên tắc hoà giải nói chung.

Để thực hiện tốt công tác hoà giải, văn bản đã qui định quyền và nghĩa vụ của Ban hoà giải trong giải quyết tranh chấp, qui định việc lập biên bản ghi nhận diễn biến phiên hoà giải, biên bản công nhận hoà giải thành hoặc không thành, qui định việc cung cấp các biên bản hoà giải khi có yêu cầu của cơ quan chức năng, việc lưu trữ hồ sơ vụ việc.

2.2.2 Thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp

Tuỳ theo từng hình thức giải quyết tranh chấp mà thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức trung gian được qui định khác nhau.

2.2.2.1 Hình thức thương lượng

Thương lượng trong hoạt động chứng khoán về cơ bản cũng giống như hình thức giải quyết thương lượng nói chung trong tranh chấp kinh tế, đó là hoàn toàn không phụ thuộc vào bất kỳ qui định nào của pháp luật tố tụng và cũng không có bất kỳ một cơ quan trung gian nào đứng ra giải quyết mà hoàn toàn chỉ phụ thuộc vào các bên. Việc thương lượng không thể tiến hành theo bất kỳ một mô hình nào, nó phụ thuộc vào khả năng, kỹ năng đàm phán của các bên, phụ thuộc vào tính chất của tranh chấp và cam kết trong hợp đồng mà hai bên đã thoả thuận để cùng nhau đưa ra một giải pháp có tính thoả hiệp để giải quyết bất đồng. Vì vậy, hình thức này tuy được áp dụng nhiều trong thực tiễn nhưng không có văn bản pháp luật nào

qui định về thương lượng và thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp bằng thương lượng cũng không được đặt ra.

Trong hoạt động chứng khoán, việc thương lượng đã được áp dụng và có hiệu quả nhất định, ví dụ:

Việc đặt lệnh sai của công ti chứng khoán cho khách hàng như nhầm lệnh mua thành bán hoặc ngược lại hay đặt lệnh mua bán mà không kiểm tra tài khoản ký quỹ của khách hàng dẫn đến tình trạng không đủ tiền, chứng khoán để thanh toán hay đặt lệnh sai tài khoản, sai số tiền, sai số lượng chứng khoán.v.v.Vì vậy, trong những trường hợp này, các bên thường đàm phán thương lượng để giải quyết thiệt hại phát sinh.

Tuy nhiên, hình thức thương lượng không phải lúc nào cũng đạt hiệu quả. Thực tế cho thấy trong lĩnh vực chứng khoán có những hoạt động khi xảy ra tranh chấp các bên rất khó có thể tự thương lượng để đi đến một thoả thuận mà phải cần một tổ chức trung gian có thẩm quyền và có chuyên môn nghiệp vụ để tham gia giải quyết.

Ngay trong ví dụ nêu trên nếu việc công ti chứng khoán nhầm lệnh mua thành bán mà khách hàng không có loại chứng khoán đó trong tài khoản và công ti chứng khoán không có nghiệp vụ tự doanh, không có chứng khoán dự phòng thì việc giải quyết bằng thương lượng khó có thể đạt được hiệu quả.

Hay trong hợp đồng về tư vấn đầu tư chứng khoán, khác với các hoạt động tư vấn khác thường đem lại một lợi ích nhất định cho người có nhu cầu, lĩnh vực tư vấn đầu tư chứng khoán có thể xảy ra trường hợp tổ chức tư vấn gây thiệt hại cho người được tư vấn, vậy nếu tranh chấp xảy ra thì giải quyết như thế nào? Hiện nay, pháp luật cũng chưa qui định cụ thể về lĩnh vực này. Do đó, việc tự các bên thương lượng để đưa ra giải pháp giải quyết tranh chấp khó đạt được hiệu quả.

2.2.2.2 Hình thức hoà giải

Hoà giải trong giải quyết tranh chấp về chứng khoán có thể được coi là một trong những hình thức giải quyết được ưa chuộng vì hình thức này bắt buộc phải có sự tham gia của bên thứ ba làm trung gian hoà giải. Hoà giải có thể là hình thức giải quyết không chính thức do các bên lựa chọn, cũng có thể là hình thức giải quyết tranh chấp chính thức trong thủ tục tố tụng (Trọng tài, Toà án). Hoạt động hoà giải được ghi nhận từ lâu nhưng trong thực tế chưa có sự nghiên cứu nó một cách có hệ thống, chưa có các qui định cụ thể về lĩnh vực này. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng con đường hoà giải trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán chính là quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trung gian. Theo pháp luật về chứng khoán thì các tổ chức trung gian có thẩm quyền hoà giải hiện nay là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và Hiệp hội chứng khoán. Tuy nhiên, pháp luật phân định về thẩm quyền hoà giải trong lĩnh vực này hiện nay chưa cụ thể. Vì vậy, việc phân định thẩm quyền hoà giải có thể theo hướng:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ làm trung gian hoà giải các tranh chấp có liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động có tính chất khác nhau như tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh phát hành, hợp đồng tư vấn phát hành được ký kết giữa công ty chứng khoán với công ty phát hành.v.v.

Trung tâm giao dịch chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán có thể làm trung gian hoà giải các tranh chấp tại Trung tâm hoặc tại Sở có liên quan đến giao dịch chứng khoán như những tranh chấp giữa khách hàng và công ty chứng khoán về việc mở tài khoản giao dịch về tư vấn đầu tư.v.v.

Hiệp hội chứng khoán có thể làm trung gian hoà giải các tranh chấp giữa các công ty thành viên của hiệp hội hoặc giữa công ty thành viên với các tổ chức cá nhân khác.v.v.

Theo Qui trình nghiệp vụ hoà giải tranh chấp tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thì quá trình hoà giải Trung tâm có các quyền và nghĩa vụ như: tiếp nhận đơn yêu cầu của các bên có tranh chấp; trả lại đơn nếu không đúng nội dung theo yêu cầu, không đúng thẩm quyền giải quyết hoặc vụ việc đã hoặc đang được tiến hành giải quyết tại các cơ quan có thẩm quyền khác; yêu cầu các bên cung cấp tài liệu có liên quan đến vụ việc; triệu tập từng bên để tiếp nhận ý kiến hoặc yêu cầu giải thích bằng văn bản những nội dung liên quan đến tranh chấp; ra quyết định đình chỉ hoà giải khi nguyên đơn rút đơn đề nghị hoà giải, khi các bên được triệu tập lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, khi bị đơn không chấp nhận hoà giải tại Trung tâm.

Ban hoà giải cũng có các nghĩa vụ như: tổ chức tốt phiên hoà giải; lập biên bản ghi diễn biến của phiên hoà giải; lập biên bản công nhận hoà giải thành hoặc hoà giải không thành và gửi cho các bên liên quan trong vòng 15 ngày; khuyến khích các bên liên quan thực hiện những thoả thuận được ghi trong biên bản hoà giải thành.

2.2.2.3 Hình thức Trọng tài

Trọng tài là một trong các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động chứng khoán mà Nghị định 48/1998/NĐ-CP đã quy định. Thẩm quyền trong giải quyết tranh chấp về chứng khoán thông qua tổ chức Trọng tài chưa được pháp luật về chứng khoán quy định cụ thể. Tuy nhiên, thẩm quyền về lĩnh vực này trước hết được hiểu đó là thẩm quyền chung được quy định trong các văn bản pháp luật về Trọng tài.

Nghị định 116/CP đã quy định Trọng tài kinh tế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; các tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau, liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty; các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu.

Theo Quyết định 114/TTg về việc mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam thì ngoài việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế thì Trung tâm này còn được mở rộng thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh doanh trong nước, nếu các bên đồng ý thỏa thuận đưa ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam giải quyết.

Như vậy, theo qui định của pháp luật hiện hành đã song song tồn tại hai loại hình tổ chức Trọng tài hoạt động với hai khuôn khổ pháp lý khác nhau. Bên cạnh vấn đề về tổ chức thì vướng mắc nhất hiện nay là liên quan đến thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Nếu theo qui định tại Quyết định 114/TTg cho thấy Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam có thẩm quyền rất rộng lớn hơn rất nhiều so với bất cứ một Trung tâm Trọng tài nào được thành lập theo Nghị định 116/CP.

Mặt khác, những qui định về thẩm quyền giải quyết nêu trên cũng còn nhiều vướng mắc. Nghị định 116/CP qui định thẩm quyền giải quyết tranh chấp nhưng như thế nào là tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu trái phiếu. Trong thực tế, hoạt động chứng khoán có thể liên quan đến rất nhiều chủ thể có thể là cá nhân người đầu tư, có thể là các tổ chức có liên quan khác và như vậy các hợp đồng trong lĩnh vực này có thể là hợp đồng kinh tế nhưng cũng có thể là hợp đồng dân sự và như vậy Trọng tài kinh tế có giải quyết cả những tranh chấp về hợp đồng dân sự không? hiện nay pháp luật chưa qui định rõ. Theo Quyết định 114/TTg thì Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế phát sinh từ quan hệ kinh doanh trong nước. Khái niệm này rất rộng và gần như bao trùm mọi loại tranh chấp liên quan đến kinh doanh bất kể đó là trong hay ngoài hợp đồng và cũng như Nghị định 116/CP khái niệm này chưa làm rõ thế nào là quan hệ kinh doanh, liệu những quan hệ kinh tế hay

quan hệ dân sự trong hoạt động chứng khoán có phải là quan hệ kinh doanh hay không pháp luật chưa qui định.

Ngoài ra, vấn đề tranh chấp ngoài hợp đồng nhất là vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng xảy ra trong hoạt động kinh doanh có thuộc thẩm quyền của Trung tâm Trọng tài quốc tế hay không? Pháp luật chưa qui định rõ.

Trong hoạt động chứng khoán tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng có thể xảy ra như: vấn đề thực hiện hợp đồng dịch vụ của Công ti chứng khoán với người đầu tư. Trong quá trình nhận lệnh nhân viên của công ti chứng khoán có thể nhận sai lệnh hoặc nhầm lệnh mua thành lệnh bán gây thiệt hại cho người đầu tư khi đó ngoài trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng của công ti chứng khoán cho người đầu tư thì còn phát sinh trách nhiệm ngoài hợp đồng của nhân viên công ty chứng khoán với công ti chứng khoán. Vậy nếu có những tranh chấp này thì Trung tâm trọng tài quốc tế có thẩm quyền giải quyết không?

Ngoài những bất cập về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của các tổ chức Trọng tài nêu trên, thì trong quá trình giải quyết tranh chấp tổ chức Trọng tài có quyền và nghĩa vụ sau:

Tiếp nhận đơn và văn bản thoả thuận yêu cầu tổ chức trọng tài giải quyết tranh chấp; chỉ định Trọng tài viên giải quyết vụ việc khi cần thiết; yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ và có thể trưng cầu giám định; lập biên bản ghi diễn biến của phiên họp; ra quyết định giải quyết.

Tổ chức Trọng tài có nghĩa vụ tôn trọng sự thật khách quan, vô tư và đúng pháp luật; Trọng tài viên phải khước từ giải quyết vụ việc nếu có căn cứ cho thấy Trọng tài viên không thể vô tư trong việc giải quyết tranh chấp; xác nhận sự thoả thuận bằng thương lượng nếu hai bên đã nhất trí với kết quả thương lượng.

2.2.2.4 Hình thức Tòa án

Việc giải quyết tranh chấp chứng khoán bằng con đường tòa án cũng là một trong những cách thức giải quyết tranh chấp mà các bên có quyền lựa chọn. Theo "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án Nhân dân" ngày 2 tháng 12 năm 1993 thì từ ngày 1/7/1994 Tòa án nhân dân được giao thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế và thành lập Tòa kinh tế và Tòa dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp về tài sản. Tòa kinh tế được tổ chức ở Tòa án nhân dân tối cao và tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết các vụ án kinh tế sau:

- Các tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa pháp nhân với pháp nhân, giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh;

Các tranh chấp giữa công ti với các thành viên của công ti, giữa các thành viên của công ti với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể công ti;

- Các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu;

- Các tranh chấp kinh tế khác theo qui định của pháp luật

Như vậy về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa kinh tế cơ bản tương tự như thẩm quyền của Trọng tài được qui định tại Nghị định 116/CP, do đó, vấn đề lại đặt ra là những tranh chấp nào của tòa kinh tế, những tranh chấp nào của tòa dân sự ?

Ví dụ, tranh chấp về hợp đồng mở tài khoản giữa khách hàng với công ti chứng khoán. Nếu khách hàng là cá nhân người đầu tư tham gia ký hợp đồng với công ti chứng khoán thì đây không phải là hợp đồng kinh tế (theo qui định của Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế) mà là hợp đồng dân sự. Vậy thực tế tranh chấp này xảy ra nếu hai bên yêu cầu tòa án giải quyết thì

Toà nào sẽ giải quyết, theo qui định nêu trên thì Toà kinh tế cũng có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu?

Mặt khác, Pháp lệnh còn qui định Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp hợp đồng kinh tế mà giá trị tranh chấp dưới 50 triệu đồng, trừ trường hợp có nhân tố nước ngoài. Như vậy, Toà án huyện chỉ có thẩm quyền rất hạn hẹp mà lại dựa vào tiêu chí chủ yếu là giá trị tranh chấp. Trong khi đó, toà án nhân dân cấp huyện lại có thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự liên quan đến tài sản có giá trị nhiều tỷ đồng. Với lĩnh vực chứng khoán thì việc qui định thẩm quyền giải quyết của toà án cấp huyện lại càng bất cập vì toà án cấp huyện không có toà kinh tế, không có đủ thẩm phán kinh tế nhất là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việc giải quyết tranh chấp nói chung và trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng phải đảm bảo nhanh chóng, đơn giản và đúng pháp luật vì vậy thẩm quyền của toà án trong giải quyết tranh chấp cơ bản phải dựa trên các nguyên tắc đó là:

- Đảm bảo quyền tự định đoạt của các đương sự đây là một trong những nguyên tắc cơ bản đảm bảo quyền tự do kinh doanh tự do ký kết hợp đồng theo qui định của pháp luật. Khi xảy ra tranh chấp Toà án chỉ giải quyết nếu các đương sự yêu cầu. Quyền này còn thể hiện ở quyền tự hoà giải trước toà, quyền rút đơn kiện, quyền thay đổi nội dung vụ kiện. Toà án chỉ giải quyết tranh chấp trên cơ sở có đơn khởi kiện của các bên và chỉ đưa ra phán quyết Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán nếu các bên không thể hoà giải thương lượng được,

- Nghĩa vụ chứng minh là thuộc về đương sự, đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình. Toà án

không tiến hành điều tra mà chỉ xác minh thu thập chứng cứ. Ngay cả trong trường hợp quyền lợi bị vi phạm mà đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết thì Toà án không có trách nhiệm giải quyết.

- Quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự là bình đẳng, quyền này thể hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Khi các đơn vị, cá nhân tham gia tố tụng kinh tế thì không có sự phân biệt đó là doanh nghiệp Nhà nước, tự nhân hay hợp tác xã, các bên đều có quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Toà án xét xử công khai nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên và giáo dục việc tuân theo pháp luật, trừ trường hợp cần giữ bí mật Nhà nước hoặc giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ.

- Trách nhiệm hoà giải của Toà án, theo nguyên tắc này khi các bên không tự hoà giải được thì yêu cầu cơ quan Nhà nước can thiệp, nhưng khi yêu cầu cơ quan Nhà nước can thiệp thì các đương sự vẫn có thể tiến hành hoà giải theo sự hướng dẫn và công nhận của Toà án. Chỉ khi hoà giải không thành toà án mới đưa ra xét xử.

Tóm lại, một trong những bất cập lớn nhất hiện nay là vấn đề vướng mắc về thẩm quyền xét xử. Thực tế hoạt động chứng khoán hầu như chưa có các tranh chấp phải yêu cầu toà án giải quyết. Tuy nhiên, như phần trên đã phân tích, các tranh chấp trong lĩnh vực này rất nhiều, rất đa dạng, có loại là tranh chấp dân sự, có loại là kinh tế, nhưng ngay trong các qui định của pháp luật về thẩm quyền cũng qui định khác nhau, chồng chéo. Các khái niệm về thuật ngữ kinh tế, kinh doanh... đều không rõ ràng, vì vậy, nếu có tranh chấp xảy ra chắc chắn sẽ vướng mắc nhiều về thẩm quyền giải quyết và điều này cũng liên quan nhiều đến thủ tục tố tụng (giữa Toà kinh tế và Toà dân sự). Ngoài ra, việc giải quyết thông qua toà án hiện nay cũng còn những yếu tố khác như tâm lý các bên tranh chấp không muốn khởi

kiện ra toà vì sợ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ngại sự phiền hà và sợ án phí cao... Vì vậy, hiệu quả hoạt động của Toà kinh tế chưa cao. Theo kết quả điều tra sơ bộ, các doanh nghiệp tại Hà nội đề nghị lựa chọn các khả năng (không khống chế lựa chọn một khả năng) cho thấy:

72,5% muốn tự hoà giải

65,8% nên hoà giải qua trọng tài

33,3% cho rằng nên kiện ra toà.

2.2.3 Qui trình giải quyết tranh chấp

Tùy theo hình thức giải quyết tranh chấp mà các bên liên quan lựa chọn, qui trình giải quyết tranh chấp có sự khác nhau. Như phân trên đã phân tích, hình thức thương lượng thể hiện sự tự do thoả thuận, tự do hợp đồng và tự do định đoạt của các bên, hoạt động này hoàn toàn mang tính tự phát, theo truyền thống và đã được áp dụng rất nhiều trong thực tế cuộc sống nhưng không có văn bản pháp luật nào qui định về thương lượng. Do vậy, hình thức này không có qui trình cụ thể. Ở đây, chúng ta chỉ nghiên cứu qui trình giải quyết tranh chấp trong hoạt động hoà giải, trọng tài và toà án.

2.2.3.1 Qui trình giải quyết tranh chấp bằng hoà giải

Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện nay chưa qui định cụ thể về vấn đề này. Vì vậy, qui trình giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực này, trước hết, phải dựa trên những nguyên tắc chung nhất về hoạt động hoà giải. Ngoài ra, tham khảo thêm văn bản hướng dẫn của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thì qui trình hoà giải có thể được thực hiện theo các bước sau:

- Tiếp nhận đơn đề nghị hoà giải: giai đoạn này đòi hỏi đơn vị tiếp nhận phải phân loại đơn, xem nội dung tranh chấp được trình bày trong đơn, quá trình thương lượng giữa các bên và các yêu cầu đề nghị hoà giải,

gửi ban sao đơn đề nghị cho bên bị đơn. Như vậy, theo qui định này, trước khi đề nghị Trung tâm hoà giải, các bên phải thương lượng trước.

- Chuẩn bị hoà giải: Giai đoạn này cơ quan trung gian có trách nhiệm kiểm tra, nguyện vọng của các bên về yêu cầu hoà giải, đề nghị các bên cung cấp tài liệu và chứng cứ có liên quan; ra quyết định đình chỉ hoà giải nếu nguyên đơn rút đơn, bị đơn không chấp nhận đơn vị trung gian, vắng mặt không có lý do chính đáng... và ấn định thời gian mở phiên hoà giải.

- Tiến hành hoà giải: giai đoạn này qui định đối tượng tham gia, các trường hợp uỷ quyền, diễn biến phiên hoà giải, biên bản hoà giải (ghi rõ các nội dung như thành viên tham gia, ý kiến các bên, thoả thuận đạt được).

- Kết thúc hoà giải: Ban hoà giải phải lập biên bản hoà giải thành hoặc hoà giải không thành. Trường hợp hoà giải thành, ban hoà giải có trách nhiệm khuyến nghị các bên thực hiện những thoả thuận đã đạt được.

Qui trình nêu trên tuy là văn bản hướng dẫn nhưng bước đầu đã đưa ra được trình tự thực hiện trong quá trình hoà giải. Tuy nhiên, một trong những vấn đề cần làm rõ thêm khi thực hiện các bước hoà giải là xác định rõ thẩm quyền giải quyết hoà giải của từng tổ chức trung gian để tránh chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi cho các bên có tranh chấp khi yêu cầu hoà giải. Ngoài ra, cần làm rõ thêm quá trình thương lượng có phải là giai đoạn bắt buộc trước khi hoà giải hay không? Theo chúng tôi, việc thương lượng trước khi hoà giải là hợp lý, chỉ sau khi việc tự thương lượng giữa các bên không có hiệu quả mới đặt ra yêu cầu một cơ quan trung gian có thẩm quyền để hoà giải.

2.2.3.2 Qui trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Qui trình giải quyết tranh chấp thông qua tổ chức trọng tài được hình thành ngay từ khi tổ chức Trọng tài kinh tế Nhà nước ra đời. Thực tế hiện nay qui trình này được thể hiện trong văn bản có hiệu lực pháp lí cao nhất là

Nghị định 116/CP về tổ chức hoạt động của Trọng tài kinh tế, theo đó qui trình giải quyết tranh chấp nói chung và lĩnh vực chứng khoán nói riêng cơ bản tuân theo các bước sau:

- Gửi đơn yêu cầu Trung tâm trọng tài giải quyết trong đó phải thể hiện sự thoả thuận các bên về việc yêu cầu Trung tâm trọng tài đó giải quyết; các biện pháp thương lượng, hoà giải mà các bên đã thực hiện nhưng không đạt kết quả; các chứng cứ tài liệu kèm theo ...

- Trung tâm gửi bản sao đơn yêu cầu và danh sách Trọng tài viên cho bị đơn và ấn định thời gian bị đơn phải có văn bản trả lời, kèm theo các tài liệu cần thiết khác.

- Chuẩn bị giải quyết: giai đoạn này qui định việc chọn Trọng tài viên; khước từ Trọng tài viên; nghiên cứu hồ sơ và trưng cầu giám định theo yêu cầu các bên; ấn định thời gian phiên họp nếu các bên không có thoả thuận.

- Phiên họp giải quyết: giai đoạn này qui định thành phần tham gia; cách thức biểu quyết; ghi biên bản phiên họp; ra quyết định giải quyết. Giai đoạn này pháp luật có qui định quá trình giải quyết tranh chấp nếu các bên đạt được thoả thuận bằng thương lượng thì Hội đồng trọng tài hoặc Trọng tài viên chấm dứt giải quyết, các bên có thể yêu cầu Trọng tài xác nhận sự thoả thuận đó bằng văn bản và văn bản này có giá trị như quyết định của trọng tài.

Như vậy, theo qui trình giải quyết tại Trọng tài, bên cạnh việc phải có sự xác nhận của các bên về việc yêu cầu Trung tâm Trọng tài giải quyết thì một trong những thủ tục mà pháp luật đã qui định là phải có nêu các biện pháp thương lượng, hoà giải mà các bên đã thực hiện nhưng không đạt kết quả. Ngoài ra, pháp luật cũng cho phép trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Trọng tài các bên vẫn có thể thương lượng để thoả thuận các biện pháp giải quyết. Theo chúng tôi, việc qui định như vậy rất phù hợp nhất là

trong hoạt động chứng khoán vì hoạt động này có những đặc thù riêng đòi hỏi phải có những cơ quan tổ chức trung gian có kinh nghiệm, có hiểu biết về luật và nghiệp vụ chuyên môn mới có thể giải quyết tranh chấp tốt trong lĩnh vực này.

2.2.3.3 Qui trình giải quyết tranh chấp bằng Toà án

Qui trình giải quyết tranh chấp bằng toà án, trong phạm vi đề tài này chủ yếu chỉ nghiên cứu qui trình giải quyết tranh chấp được qui định trong Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế. Theo qui định này thì qui trình phải thực hiện theo các bước như:

- Khởi kiện, thụ lý vụ án: giai đoạn này qui định người khởi kiện phải yêu cầu toà án giải quyết vụ án trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày phát sinh tranh chấp; đơn kiện ngoài tóm tắt nội dung tranh chấp phải nêu quá trình thương lượng của các bên và kèm theo đơn phải có các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra còn qui định việc trả lại đơn kiện, nộp tiền án phí...

Theo qui định như hiện nay, việc xác định thời điểm khởi kiện là rất quan trọng, nó liên quan đến việc xác định thời điểm chuyển quyền sở hữu. Thực tế trong hoạt động chứng khoán thì điều này cần phải làm rõ thêm.

Thông thường theo qui định của pháp luật về chứng khoán thì chu kỳ thanh toán là T+3, điều này có nghĩa là khi nhà đầu tư muốn mua bán chứng khoán thì sau 4 ngày kể từ ngày lệnh mua hay bán của nhà đầu tư được khớp thì họ mới nhận được tiền hoặc chứng khoán trên tài khoản của mình. Vậy vấn đề đặt ra là thời điểm chuyển quyền sở hữu khi nào thì được xác lập? Điều này có liên quan rất mật thiết đến các tranh chấp. Theo qui định của Luật dân sự thì quyền sở hữu với tài sản được tính từ thời điểm bên mua nhận được tài sản và với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu thì thời điểm đó được tính từ khi hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đó.

Vậy trong hoạt động chứng khoán thời điểm này được tính từ khi nào, từ khi Trung tâm giao dịch và Ngân hàng chỉ định thanh toán xác nhận giao dịch hay từ khi người mua nhận được chứng khoán trên tài khoản của mình. Theo chúng tôi, trong khoảng thời gian T+3, quyền sở hữu chưa thuộc về bên mua (Pháp luật quy định bên mua trong thời gian này chưa được đặt lệnh bán), quyền sở hữu cũng không còn của bên bán (bên bán không được đặt tiếp lệnh bán đối với lượng chứng khoán đã được khớp lệnh trước đó). Vậy nếu rủi ro xảy ra, trách nhiệm thuộc về ai?

Chuẩn bị xét xử: khác với hình thức Trọng tài, các bên không được thảo luận chọn toà án xét xử mà thực hiện theo luật định. Giai đoạn này toà án cũng xác minh thu thập chứng cứ và tiến hành hoà giải. Vậy hoà giải là một trình tự bắt buộc theo thủ tục của toà trừ trường hợp các bên không thể thoả thuận với nhau được thì Toà án lập biên bản hoà giải không thành và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Giai đoạn này còn qui định các trường hợp như đình chỉ vụ án khi nguyên đơn rút đơn kiện, thời hạn khởi kiện đã hết...

Biện pháp khẩn cấp tạm thời: khác với các hình thức hoà giải, Trọng tài, Toà án có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ bằng chứng, bảo đảm việc thi hành án. Các biện pháp đó có thể là:

- + Kê biên tài sản đang tranh chấp, phong toả tài khoản
- + Cấm hoặc buộc đương sự, tổ chức, cá nhân khác thực hiện một số hành vi nhất định
- + Cho thu hoạch và bảo quản sản vật có liên quan đến tranh chấp
- + Cho bán sản phẩm, hàng hoá dễ bị hư hỏng.

Xét xử tại phiên toà: Giai đoạn này qui định thủ tục xét xử tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm, tái thẩm, giám đốc thẩm khi có kháng cáo,

kháng nghị. Khác với toà dân sự, hội đồng xét xử gồm 2 thẩm phán và 1 hội thẩm nhân dân (số lượng thẩm phán chiếm đa số). Điều này phù hợp với thông lệ chung của thế giới (hội đồng xét xử của toà thương mại chủ yếu là các nhà kinh doanh có nhiều hiểu biết và am hiểu về kinh doanh). Kết thúc phiên toà, toà ra bản án hoặc quyết định. Quyết định và bản án phải được sao gửi cho đương sự và Viện kiểm sát, đương sự nếu không kháng cáo phải có nghĩa vụ chấp hành bản án.

2.2.4 Hình thức phán quyết và biện pháp xử lí của cơ quan có thẩm quyền

Hình thức phán quyết và biện pháp xử lí của cơ quan có thẩm quyền chủ yếu được áp dụng trong các quyết định và bản án của Trọng tài, Toà án. Tuy nhiên trong hoạt động hoà giải có vai trò trung gian của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan chủ quản hoặc các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Do đó, việc đưa ra các phán quyết để các bên tự nguyện thi hành cũng cần có cơ chế đảm bảo thực hiện (cơ chế đó có thể được ghi nhận trong các điều lệ hoặc qui định của tổ chức mà các bên là thành viên). Ngoài ra, trong quá trình hoà giải, cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi luật pháp cho phép có thể đưa ra các quyết định giải quyết nếu có vi phạm pháp luật. Thực tế trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo chúng tôi, vai trò của cơ quan trung gian hoà giải rất quan trọng vì đây là lĩnh vực mới rất cần có nhiều chuyên gia có kinh nghiệm để có thể tham gia vào việc giải quyết các tranh chấp về lĩnh vực này.

Theo qui định của pháp luật hiện hành thì các phán quyết hiện này được thực hiện bởi Trọng tài và Toà án.

Trọng tài

Trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, vai trò của Trọng tài kinh tế Nhà nước được thể hiện rất rõ. Hoạt động của tổ chức này đã đóng góp một phần vào

việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao. Vì vậy, việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng và việc đưa ra các phán quyết rất quan trọng. Để đảm bảo thực hiện các phán quyết của Trọng tài, pháp luật đã quy định các biện pháp cưỡng chế như: khấu trừ tài khoản tại ngân hàng, kê biên tài sản bán đấu giá...

Trong nền kinh tế thị trường vai trò của Trọng tài đã thay đổi và do vậy việc đưa ra các phán quyết và cơ chế đảm bảo thực hiện đã khác trước. Thông thường sau phiên họp giải quyết tranh chấp Hội đồng trọng tài hoặc Trọng tài viên phải ra quyết định giải quyết tranh chấp và theo qui định của pháp luật các quyết định này là chung thẩm không một Toà án hay một tổ chức Trọng tài nào có quyền xét xử lại vụ tranh chấp đó về mặt nội dung nữa. Thực tế pháp luật đã quy định tại Điều 5, Nghị định 116/CP đã quy định "Quyết định giải quyết tranh chấp của Trung tâm Trọng tài kinh tế có hiệu lực thi hành không bị kháng cáo" hay Điều 8 của Quyết định 204/TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã quy định "Quyết định của Ủy ban Trọng tài và trọng tài viên ...là quyết định chung thẩm, không thể kháng cáo trước bất kỳ toà án hay tổ chức nào khác". Tuy nhiên, Điều 31 của Nghị định 116/CP lại quy định "Trong trường hợp quyết định của Trọng tài không được một bên tranh chấp thi hành thì bên kia có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền xét xử theo thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế" việc qui định như Điều 31 đã mâu thuẫn với các qui định trên hơn nữa nó còn làm cho trong thực tế các quyết định trọng tài thiếu tính cưỡng chế không được thi hành nghiêm chỉnh dẫn tới hiệu quả hoạt động của Trọng tài không cao nên các bên có tranh chấp nhiều khi không muốn đưa vụ việc ra trọng tài giải quyết. Ngoài ra nếu xem xét vấn đề từ giác độ qui định về tố tụng Toà án và thi hành bản án của Toà án thì pháp luật của ta còn thiếu một bộ phận quan trọng là các qui định về việc xem xét và công nhận quyết định của trọng tài. Việc qui định còn mâu thuẫn và thiếu như trên là một trong những nguyên nhân cho thấy phương

thức giải quyết bằng con đường Trọng tài chưa phải là cách lựa chọn mà nhà kinh doanh ưa thích.

Toà án

Việc giải quyết tranh chấp bằng con đường Toà án đã hình thành một cơ chế giải quyết tranh chấp mới. Bên cạnh việc qui định về trình tự thủ tục giải quyết thì việc cơ quan tài phán tư pháp đưa ra các phán quyết đóng vai trò rất quan trọng vì các phán quyết đó cũng được các cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành và về cơ bản theo như các nguyên tắc, trình tự, thủ tục về thi hành án dân sự. Theo qui định hiện hành thì sau khi xét xử Toà án phải tuyên án và ra các quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tố tụng và để đảm bảo thi hành các phán quyết này Điều 88 của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ngày 16/3/1994 đã qui định "Bản án, quyết định của Toà án về vụ án kinh tế được thi hành theo Pháp lệnh thi hành án dân sự". Tuy nhiên việc thi hành các bản án, quyết định về kinh tế cũng có những nét đặc thù đó là:

+ Xuất phát từ nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự nên các quyết định, bản án của Toà chỉ được đưa ra thi hành khi có đơn yêu cầu của bên được thi hành án.

+ Các bên đương sự không những có quyền hoà giải, thương lượng trước Toà án, trước khi có phán quyết của Toà mà còn có quyền tự thương lượng, thoả thuận về phương thức thi hành bản án, quyết định của Toà.

+ Khi hết thời hạn tự nguyện mà người phải thi hành án vẫn không thi hành thì chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế theo qui định của pháp luật và trong thực tế thi hành án kinh tế chủ yếu áp dụng hai biện pháp sau:

Trừ vào tài sản của người phải thi hành án đang do người khác giữ (chủ yếu là tài khoản của người phải thi hành án đang gửi ở Ngân hàng).

Kê biên và bán đấu giá tài sản.

Từ việc xem xét hình thức phán quyết và biện pháp xử lí của cơ quan Trọng tài và toà án chúng tôi thấy rằng tuy đây là hai tổ chức hoàn toàn độc lập nhưng chúng vẫn có quan hệ với nhau trong một hệ thống thông qua thủ tục tố tụng. Thực tế nhiều nước Toà án thường có thẩm quyền công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài và người ta có thể trực tiếp yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định của Trọng tài. Phần lớn Toà án các nước có thẩm quyền xem lại quyết định trọng tài chỉ trong các trường hợp: Thoả thuận trọng tài bị vô hiệu; quyết định trọng tài vi phạm các qui tắc tố tụng; quyết định trọng tài vi phạm pháp luật. Toà án không được giải quyết các vụ kiện đã có thoả thuận trọng tài. Theo chúng tôi chỉ có qui định như vậy vai trò của tổ chức trọng tài mới được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

CHƯƠNG 3

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

3.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp

Xây dựng và từng bước hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán là một trong những yêu cầu cụ thể của việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật thị trường chứng khoán. Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán phải có những định hướng, căn cứ đúng đắn nhằm vừa khắc phục những tồn tại trước mắt ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường đồng thời đảm bảo tính hoàn thiện lâu dài của vấn đề giải quyết tranh chấp.

Thứ nhất, phải xuất phát từ đặc điểm cụ thể của nền kinh tế thị trường Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng.

Lý luận và thực tiễn đã chỉ ra rằng, thị trường chứng khoán chỉ có thể hình thành và tồn tại được trên cơ sở các hoạt động kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường. Điều này có nghĩa, thực trạng nền kinh tế thị trường và pháp luật điều chỉnh đồng bộ nền kinh tế thị trường có ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường chứng khoán Việt Nam, làm cho các tranh chấp phát sinh cũng đa dạng và phức tạp tương ứng.

Nền kinh tế thị trường Việt Nam được hình thành từ nền sản xuất nhỏ, vì vậy tính trì trệ "tiểu nông" vẫn là một trong những yếu tố chi phối tới các giao dịch kinh tế, trong đó có giao dịch chứng khoán. Mặt khác,

Việt Nam đã trải qua giai đoạn khá dài của nền kinh tế tập trung. Chúng ta đã gạt hái được nhiều thành tựu kinh tế, đặc biệt là chính trị và bảo toàn lãnh thổ từ nền kinh tế này. Tuy nhiên, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường với sự vận động tất yếu của qui luật cạnh tranh thì sức ỳ của nền kinh tế tập trung lại có ảnh hưởng xấu tới các giao dịch kinh tế thị trường, đặc biệt là các giao dịch trên thị trường chứng khoán. Biểu hiện này có thể chỉ ra như tư tưởng huy động vốn theo những con đường truyền thống làm hạn chế ảnh hưởng của thị trường chứng khoán. Hoặc tình trạng thiếu hiểu biết về nội dung, yêu cầu, bản chất các giao dịch trên thị trường chứng khoán làm nảy sinh tranh chấp cũng một phần xuất phát từ tư tưởng "đã kinh doanh, phải thắng lợi", tính một chiều của các hoạt động kinh tế trước đây. Vì vậy, việc xây dựng pháp luật giải quyết tranh chấp chứng khoán cũng phải lường tới những đặc điểm này, có những qui định có thể đặc thù so với pháp luật giải quyết tranh chấp các nước. Thêm nữa, nền kinh tế Việt Nam đang xây dựng là nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng có nghĩa, trong nền kinh tế, yếu tố xã hội được đề cao, quyền lợi của nhân dân phải được đảm bảo và bảo vệ.

Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, ra đời trong hoàn cảnh nền kinh tế thị trường chưa phát triển đến mức độ cần thiết. Điều này thể hiện rất rõ ràng ở yếu tố "tự giác" hình thành thị trường mà không hình thành trên cơ sở tự phát như nhiều thị trường chứng khoán quốc gia khác. Chính vì vậy, thị trường này vừa mang đặc tính chung của thị trường chứng khoán trên thế giới nhưng cũng không nằm ngoài những đặc trưng vốn có của nền kinh tế thị trường Việt Nam.

Thực tế đã chỉ ra rằng, tư tưởng của nhà kinh tế sản xuất nhỏ có ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường chứng khoán. Các doanh nghiệp Việt Nam thành lập chủ yếu trên cơ sở thân quen nên hình thức doanh nghiệp phổ biến là các công ty trách nhiệm hữu hạn mà không phải công ty cổ phần như

các quốc gia khác, vì vậy khả năng huy động vốn của các doanh nghiệp này hạn chế. Không những vậy, ngay đối với công ti cổ phần, mặc dù pháp luật tạo cơ hội to lớn cho doanh nghiệp trong vấn đề huy động vốn nhưng đang được rất ít doanh nghiệp sử dụng. Thêm nữa, xuất phát từ tâm lý một chiều trong kinh tế từ nền kinh tế tập trung bao cấp trước đây, người dân nhiều trường hợp không chấp nhận và hiểu đúng sự vận động của qui luật giá trị trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trên thị trường chứng khoán cũng gây ra những loại tranh chấp riêng có đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Đặc điểm của nền sản xuất nhỏ cũng phản ánh ngay trong các giao dịch tại thị trường. Lượng giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân không lớn, quyết định đầu tư thường không dựa trên kết quả phân tích đầu tư tài chính, các yếu tố tác động mang tính chất quyết định mà dựa trên nhận định chủ quan. Một đặc điểm của các giao dịch tại thị trường tập trung trong giai đoạn hiện nay là tâm lý của người đầu tư thường không xác định và tìm biện pháp loại trừ các rủi ro về giá đối với các giao dịch chứng khoán nên khi có những biến động về giá, nhà đầu tư thường cho rằng rủi ro đó do các nhân tố quản lý nhà nước mang lại.

Với những đặc điểm cụ thể của nền kinh tế thị trường, thị trường chứng khoán Việt Nam đặt ra yêu cầu cho quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp vừa phải đảm bảo tính lâu dài, tính thống nhất trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế nói chung; vừa phải đáp ứng các đặc điểm cụ thể các giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán với tính muôn mầu của nó: thị trường còn nhỏ bé, các đối tượng tham gia giao dịch và có tranh chấp phát sinh có hiểu biết về pháp luật thị trường chứng khoán không giống nhau; mặt khác, trong quá trình giải quyết tranh chấp phải tuân thủ nguyên tắc ưu tiên và bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân.

Thứ hai, phải căn cứ vào đường lối phát triển kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng của Đảng cộng sản Việt Nam.

Đời sống kinh tế phong phú trong suốt thời kỳ đổi mới đã chỉ ra rằng, Đảng ta không chỉ là nhà lãnh đạo thần kỳ trong công cuộc bảo vệ độc lập tổ quốc mà còn là nhà lãnh đạo kinh tế đúng đắn và sáng suốt. Việc xây dựng nền kinh tế thị trường nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng trước hết phải căn cứ vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng.

Ngay trong giai đoạn đầu của quá trình đổi mới, yêu cầu hình thành và phát triển thị trường chứng khoán đã được Đảng ta đề cập và kết quả thị trường chứng khoán chính thức của Việt Nam đã ra đời và vận hành từ 20/7/2000. Xuất phát từ nhu cầu huy động vốn để phát triển kinh tế đến 2020, các kênh huy động vốn phải được sử dụng với hiệu suất tối đa thì tiền đề vật chất cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mới thực hiện được. Để có thể vừa có vốn vừa "giảm mạnh các hình thức bao cấp về vốn, tín dụng"¹ yêu cầu đặt ra là thị trường chứng khoán với tư cách là một bộ phận quan trọng của thị trường vốn phải được đầu tư hợp lý đảm bảo cho các giao dịch chứng khoán được tiến hành bình thường, lượng chu chuyển vốn ngày càng tăng thông qua thị trường. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã chỉ ra phải "triển khai an toàn và từng bước mở rộng phạm vi hoạt động của thị trường chứng khoán". Để đáp ứng yêu cầu đó, các giao dịch, các tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán phải tiến hành trong những khuôn khổ pháp lí nhất định và cũng phải có những cơ chế áp dụng để đảm bảo cho các giao dịch đó. Đây không chỉ là yêu cầu trước mắt của một quốc gia mà còn là yêu cầu chung của giao dịch chứng khoán trên thế giới. Nắm bắt được vấn đề này, Đảng ta cũng nhận định phải "tạo lập khung pháp luật đảm bảo sự quản lí của Nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cá nhân

tiếp cận thị trường, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh"². Chỉ thực hiện những yêu cầu đó mới "bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của thị trường tài chính - thị trường tiền tệ trong toàn bộ nền kinh tế"³.

Thứ ba, căn cứ vào yêu cầu của quá trình hội nhập cũng như tiếp thu những giá trị, thành tựu của pháp luật về giải quyết tranh chấp thị trên thị trường chứng khoán các nước; đồng thời xem xét việc giải quyết tranh chấp trên thị trường trong việc giải quyết tranh chấp kinh tế.

Hội nhập quốc tế là yêu cầu tất yếu của các quốc gia hiện nay. Đối với Việt Nam, đây là chặng đường chúng ta đang bước những bước đi ban đầu trong đó có bước chân của thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán, pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán đặt ra yêu cầu về tính tương thích giữa nguyên tắc, cơ chế giải quyết, cơ quan tài phán, thủ tục giải quyết... pháp luật các nước, với những qui định chung mang tính chất quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Mặt khác, thị trường chứng khoán Việt Nam ra đời thực tế dựa trên nhiều thành tựu khoa học, thực tiễn về thị trường chứng khoán các quốc gia nên cũng không thể không tính tới việc tiếp thu thành tựu đó trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán.

Tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán là những tranh chấp liên quan đến chứng khoán, đến lợi ích của các bên phát sinh từ vấn đề sở hữu chứng khoán, các giao dịch chứng khoán. Những giao dịch đó không nằm ngoài mục đích kiếm lời hoặc mục đích kinh doanh của các chủ thể có

¹ Nguồn: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng cộng sản Việt Nam, tr 322. Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2001.

² Nguồn: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng cộng sản Việt Nam, tr 321. Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2001.

³ Nguồn: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng cộng sản Việt Nam, tr 194. Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2001.

liên quan, đều mang yếu tố “kinh doanh”¹. Vì vậy, nếu xem xét cho dù dưới góc độ rộng hay góc độ hẹp thì tranh chấp này phải là các tranh chấp kinh tế. Nếu khẳng định như vậy cũng có nghĩa, việc hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán không nằm ngoài việc hoàn thiện tranh chấp kinh tế nói chung. Tuy nhiên, các tranh chấp chứng khoán cũng có những đặc thù riêng nên yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện vừa phải đảm bảo cái chung đồng thời cũng giải quyết được cái riêng đó.

3.2 Một số kiến nghị cụ thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề khác nhau. Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi đề nghị một số giải pháp cụ thể sau:

3.2.1 Xây dựng pháp luật đồng bộ về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Trong khuôn khổ đề tài về giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán, kiến nghị này có thể rộng. Tuy nhiên, theo ý kiến chúng tôi, điều tốt nhất mà pháp luật mong muốn đạt được là hệ thống pháp luật ban hành hạn chế được tối đa những vi phạm, tranh chấp có thể xảy ra trong thực tế. Điều đó có nghĩa là, nếu chúng ta có một hệ thống pháp luật với hiệu lực pháp lí cao, vững chắc, qui định cụ thể những vấn đề liên quan đến chứng khoán, đến giao dịch chứng khoán, sở hữu chứng khoán chính là tiền đề đầu tiên loại trừ, hạn chế tranh chấp xảy ra. Trong trường hợp có tranh chấp thực tế phát sinh, đây cũng là căn cứ pháp lí thống nhất để giải quyết nội dung tranh chấp. Thực hiện được những yêu cầu này, cần phải tiến hành những công việc sau:

¹ Nguồn: Khoản 2, Điều 3 Luật Doanh nghiệp.

Thứ nhất, ban hành Luật (Pháp lệnh) về chứng khoán và thị trường chứng khoán với yêu cầu cụ thể là mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật (Pháp lệnh) so với văn bản hiện hành đồng thời qui định cụ thể những vấn đề còn đang bỏ ngỏ hoặc chưa được làm rõ.

Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 đã mang lại nhiều thành tựu cho thị trường chứng khoán Việt Nam, tiêu biểu là sự ra đời và vận hành của thị trường chứng khoán chính thức, đánh dấu bước tiến to lớn trong cơ cấu của nền kinh tế thị trường Việt Nam (đã có một định chế đặc trưng của nền kinh tế thị trường). Tuy nhiên, sau một thời gian áp dụng, văn bản quan trọng này đã bộc lộ nhiều nội dung không còn phù hợp, hoặc không chuyển tải, hoặc không chuyển tải đầy đủ; cần sớm khắc phục. Ở mức độ khái quát, cần phải mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật (Pháp lệnh) so với văn bản hiện hành theo hướng cần phải điều chỉnh cả các hoạt động liên quan đến phát hành chứng khoán riêng lẻ. Việc nới rộng phạm vi điều chỉnh của văn bản sẽ tạo ra qui định thống nhất cho hoạt động phát hành, đồng thời cũng là hình thức giúp doanh nghiệp có nhu cầu gọi vốn lựa chọn hình thức phát hành thích hợp nhất cho mình. Ngay cả trường hợp lựa chọn hình thức phát hành riêng lẻ, nhà phát hành cũng hình dung được công việc của họ nếu chuyển đổi sang hình thức phát hành ra công chúng. Hoặc đối với các đối tượng đủ điều kiện phát hành chứng khoán, cần phải qui định cụ thể. Chẳng hạn như hiện nay, chưa có quan điểm thống nhất về quyền phát hành chứng khoán của công ty trách nhiệm hữu hạn, chưa có qui định về chuyển đổi hình thức doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần, qui định về việc các quỹ đầu tư (chẳng hạn như quỹ hỗ trợ phát triển) được quyền phát hành chứng khoán nợ nên không có cơ sở pháp lí cho việc phát hành và cũng rất dễ dẫn đến tình trạng tranh chấp giữa nhà phát hành với người đầu tư cũng như các đối tượng có liên quan khác. Nếu xét dưới góc độ của pháp luật giải quyết tranh chấp, việc nới rộng phạm vi điều chỉnh

cũng tạo ra cơ sở pháp lí đầy đủ cho việc giải quyết. Mặt khác, xem xét pháp luật liên quan đến chứng khoán một cách toàn diện, chúng ta cũng nhận thấy rằng Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Tổ chức tín dụng là những luật có điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp được hình thành dựa trên hình thức sở hữu khác nhau, trong những lĩnh vực kinh doanh khác nhau đều không đề cập tới nội dung cụ thể về phát hành chứng khoán riêng lẻ, giải quyết tranh chấp liên quan đến phát hành chứng khoán. Đối với Luật doanh nghiệp, được coi là văn bản luật có nhiều ưu việt nhưng cũng chỉ dẫn chiếu sang “qui định pháp luật về chứng khoán”¹ và cũng chỉ đối với phát hành cổ phiếu mà thôi. Vì vậy, theo ý kiến chúng tôi, nếu nới rộng phạm vi điều chỉnh Luật (Pháp lệnh) chứng khoán và thị trường chứng khoán sẽ giải quyết được tồn tại trên.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đơn hành có liên quan đến chứng khoán, giải quyết tranh chấp cho phù hợp với điều kiện mới và thống nhất trong việc áp dụng pháp luật.

Để tránh các tranh chấp có thể xảy ra, trước hết luật nội dung phải phản ánh đúng, đầy đủ và thống nhất các giao dịch kinh tế đang diễn ra trong đời sống kinh tế, tránh tình trạng sử dụng những cơ sở pháp lí khác nhau cho cùng một đối tượng, ra những kết quả khác nhau; văn bản pháp luật không phản ánh đúng yêu cầu của đời sống kinh tế. Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật kinh tế đã tạo những bước tiến dài cho sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, do đời sống kinh tế phong phú nên một số văn bản pháp luật hiện hành cần phải sửa đổi lại cho phù hợp.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, đối tượng được ưu tiên hàng đầu trước đây và cũng là chủ thể có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế trong nước, hiện nay cũng đang trong giai đoạn cần phải sắp xếp lại đáp ứng yêu cầu mới. Qui định trước đây về phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp

¹ Nguồn: Khoản 4, Điều 61 Luật Doanh nghiệp.

nhà nước¹ quá ngặt nghèo so với các doanh nghiệp dân doanh, không tạo ra cơ hội gọi vốn, cơ hội lựa chọn cho doanh nghiệp nhà nước. Mặt khác, trong tình hình mới, doanh nghiệp nhà nước là đối tượng cần được “xấp xếp lại”², phần lớn các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo hình thức công ti trách nhiệm hữu hạn do tổ chức thành lập³, nếu không xử lý tốt, rất dễ xảy ra tranh chấp. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần sửa đổi; nếu xét thấy cần thiết có thể ban hành văn bản luật mới qui định cụ thể về vấn đề này. Theo ý kiến chúng tôi, việc chuyển đổi mô hình doanh nghiệp nhà nước hiện tại như vậy là vấn đề rất lớn, có ảnh hưởng tới rất nhiều các chủ thể, đối tượng khác, không thể chỉ qui định tại văn bản có hiệu lực pháp luật thấp.

Đối với đất đai, loại tài sản đặc biệt của xã hội, việc định giá tài sản cũng có ý nghĩa rất quan trọng, việc xác định các quyền có liên quan cũng có ý nghĩa không kém. Cần phải qui định rõ hơn về quyền năng đối với đất, đặc biệt đối với doanh nghiệp, các loại đất, tiêu chí chung xác định giá trị của đất đai. Nếu không giải quyết được vấn đề này, rất dễ xảy ra tranh chấp liên quan đến định giá tài sản, định giá chứng khoán trong các loại giao dịch khác nhau (chẳng hạn ngay trong giai đoạn định giá chứng khoán giữa nhà phát hành và nhà bảo lãnh phát hành, trường hợp mua lại cổ phiếu của các cổ đông).

Đáp ứng nhu cầu vốn, thu hút đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp từ nước ngoài, thực hiện hội nhập quốc tế; đó là các yêu cầu đặt ra cho chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài của Việt Nam. Tuy nhiên, qui định

¹ Nguồn: Luật Doanh nghiệp nhà nước; Nghị định 120/CP ngày 17.9.1994; Nghị định 59/CP ngày 3.10.1996; Nghị định 27/1999/NĐ-CP ngày 20.4.1999.

² Nguồn: Nghị quyết hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khoá IX) và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

³ Nguồn: Nghị định 63/2001/NĐ-CP ngày 23.9.2001 về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp thành công ti trách nhiệm hữu hạn do tổ chức thành lập.

của pháp luật hiện hành chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu đó. Thực tế thị trường chứng khoán Việt Nam cho thấy, mặc dù phạm vi và qui mô hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam còn rất “khiêm tốn” nhưng đã có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức nước ngoài vào thị trường¹. Nếu không qui định cụ thể, vừa thực hiện trước mắt, vừa mang tính chiến lược lâu dài, phòng ngừa và giải quyết các tranh chấp có thể xảy ra liên quan tới đầu tư nước ngoài, thị trường Việt Nam khó có khả năng thu hút và không loại trừ những diễn biến xấu có khả năng xảy ra. Đối với đối tượng hoạt động kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, việc chuyển đổi hình thức sở hữu, phát hành chứng khoán, nắm giữ chứng khoán cũng cần được qui định cụ thể.

Thứ ba, ban hành một hoặc một số luật đơn hành mới.

Để có được hệ thống pháp luật đồng bộ điều chỉnh hoạt động liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, cần phải có nhiều văn bản pháp luật đơn hành khác nhau. Tùy theo từng quốc gia, những vấn đề liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán có thể được tập trung tại một số văn bản với số lượng khác nhau, hầu như không có quốc gia nào điều chỉnh toàn bộ nội dung liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán tại một văn bản duy nhất. Quốc gia khác có thể ban hành nhiều văn bản khác nhau qui định từng vấn đề cụ thể như pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán của Mỹ², Nhật Bản³. Ngay đối với một số quốc gia trong khu vực như Malaysia cũng qui định tương tự⁴. Việc ban hành nhiều hay ít văn bản tùy theo điều kiện cụ thể nhưng các quốc gia đều có điểm

¹ Nguồn: Đầu tư chứng khoán số 108 ngày 31.12.2001: Tính đến nay đã có 11 nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân) nắm 171.700 cổ phiếu đang giao dịch tại thị trường tập trung.

² Nguồn: Securities Act of 1933; Securities Exchange Act of 1934; Uniform Securities Act; Uniform Code of Arbitration...

³ Nguồn: Securities and Exchange Law (Law No. 25, April 13, 1948; As Amended to June 21, 1985); Law on Foreign Securities Firms (Law No. 5, March 3, 1971; As Amended to June 21, 1985); Securities Investment Trust Law (Law No. 198, June 4, 1951; As Amended to June 21, 1985).

⁴ Nguồn: Companies Act 1965 Amended 1993, 1996; Offshore Companies Act 1990; Malaysian Code on Take-Over and Mergers 1987; Securities Industry Act 1983, Amended 1996, 1997; Securities Commission Act 1993.

chung là phải điều chỉnh được toàn bộ các hoạt động, nội dung liên quan đến thị trường. Đối với Việt Nam, thực tế pháp luật liên quan trực tiếp đến chứng khoán và thị trường chứng khoán không nằm trong một văn bản duy nhất mà được đề cập tại nhiều văn bản khác nhau như Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11.7.1998; Luật Doanh nghiệp; Luật Doanh nghiệp nhà nước; Luật Tổ chức tín dụng; Luật Đầu tư nước ngoài; Nghị định 01/2000/NĐ-CP ngày 3.1.2000... Mặc dù đã có khá nhiều văn bản được ban hành nhưng vẫn chưa đề cập tới nhiều nội dung hoạt động của thị trường như hoạt động uỷ thác, hoạt động của các đối tượng giao dịch tại thị trường phi tập trung... Việc "khuyết" pháp luật như vậy vừa khó khăn cho các đối tượng có nhu cầu tham gia thị trường và càng đặc biệt khó khăn khi xác định căn cứ pháp lí để giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán, nhất là trong giai đoạn hiện nay có nhiều quan điểm cho rằng các nhà đầu tư, doanh nghiệp "được phép thực hiện những hành vi mà pháp luật không cấm". Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần sớm ban hành một số văn bản pháp luật điều chỉnh đồng bộ các hoạt động, các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán cho dù với những hình thức khác nhau.

3.2.2 Xác định rõ thế nào là tranh chấp trên thị trường chứng khoán

Với tiêu chí cơ bản giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán, nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho nhà nghiên cứu và các chuyên gia là phải xác định được đầy đủ "nội hàm" tranh chấp trên thị trường chứng khoán. Việc xác định này có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình giải quyết tranh chấp. Trước hết, xác định tiêu chí nhận diện tranh chấp trên thị trường chứng khoán để phân biệt với các khiếu nại hành chính về chứng khoán. Thứ hai, khi đã xác định là tranh chấp trên thị trường chứng khoán, các chủ thể có liên quan dễ dàng xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và trình tự tố tụng phù hợp.

Trong chương 1, mục 1.1.3 phần (1.1.3.2) Báo cáo này đã chỉ ra các loại tranh chấp cơ bản phát sinh trên thị trường chứng khoán. Đây là cách nhận diện dựa trên cơ sở quan hệ giữa các chủ thể có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là các tranh chấp đó có được coi là "trên" thị trường hay không. Có nhiều cách nhận diện tranh chấp khác nhau, mỗi cơ sở của sự nhận diện đó mang lại những kết quả khác nhau. Hiện nay còn có nhiều quan điểm không thực sự đồng nhất về vấn đề này. Chẳng hạn, TS. Đinh Dũng Sĩ cho rằng "tranh chấp về chứng khoán không chỉ có các tranh chấp về mua bán chứng khoán mà còn có nhiều tranh chấp khác về sở hữu, về phát hành, về quản lý, về giám sát..."¹. Cách nhìn nhận về tranh chấp ở đây theo chúng tôi là "rộng" bởi lẽ bao hàm cả nội dung liên quan đến quản lý nhà nước, kiểm tra giám sát. Nếu coi đó là tranh chấp thì các tranh chấp này không chỉ đơn thuần là tranh chấp kinh tế. Đối với pháp luật nhiều quốc gia, do không có sự phân biệt tranh chấp kinh tế và tranh chấp dân sự nên việc xác định tranh chấp chỉ làm cơ sở lựa chọn hình thức, cơ quan giải quyết tranh chấp trong giai đoạn đầu. Chẳng hạn, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán Thái Lan qui định "trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến việc mua hoặc bán chứng khoán được niêm yết tại Sở giao dịch... có thể nộp đơn lên Sở giao dịch xin hội đồng trọng tài giải quyết"². Qui định này có nghĩa, các tranh chấp được nêu ra chỉ bó hẹp trong phạm vi tranh chấp trên thị trường chứng khoán tập trung mà không bao gồm tranh chấp tại các bộ phận thị trường khác như thị trường OTC, thị trường bán lẻ, các giao dịch liên quan đến chứng khoán trước khi chứng khoán được đưa vào giao dịch.

Theo quan điểm của chúng tôi, để đảm bảo đầy đủ nội dung các tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán; đồng thời loại trừ tranh

¹ Nguồn: TS. Đinh Dũng Sĩ. Thực trạng pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán ở Việt Nam và đổi mới về phương hướng hoàn thiện. Báo cáo tham luận tại Hội thảo "Hoàn thiện các văn bản pháp luật của thị trường chứng khoán Việt Nam" 11..2000.

² Nguồn: Section 201, The Securities and Exchange of Thailand Act, B.E. 2535.

chấp hoặc những lợi ích liên quan đến yếu tố quản lí nhà nước (các khiếu nại hành chính liên quan đến chứng khoán), cần phải qui định tranh chấp trên thị trường bao gồm:

Thứ nhất, tranh chấp xảy ra trong giai đoạn phát hành. Tranh chấp trong giai đoạn này rất đa dạng, có thể liên quan tới các chủ thể tham gia vào phát hành ra công chúng, hoặc liên quan tới việc mua bán chứng khoán của nhà phát hành và các cổ đông hiện hữu, tranh chấp đối với các chứng khoán phát hành riêng lẻ. Thực tế cho thấy rằng, ngay trong giai đoạn này, nếu không qui định cụ thể và không xác định đây là tranh chấp trên thị trường chứng khoán sẽ gây thiệt hại cho nhiều đối tượng, nhất là các cổ đông thiểu số.

Thứ hai, tranh chấp ngoài thị trường tập trung. Do đặc điểm của thị trường chứng khoán Việt Nam, và ngay cả tâm lý của các nhà đầu tư Việt Nam, giao dịch về chứng khoán ngoài thị trường tập trung sẽ tồn tại trong thời gian lâu dài và chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng giá trị chứng khoán được giao dịch. Nếu như các giao dịch tại thị trường tập trung còn có những chuẩn mực nhất định, có sự quản lí nhà nước ở mức độ nhất định thì giao dịch tại thị trường này có độ rủi ro cao, tính tự do thể hiện ở rất nhiều khía cạnh khác nhau. Bằng những phân tích trên chúng tôi muốn chỉ ra nguy cơ tiềm tàng của các tranh chấp liên quan đến chứng khoán tại bộ phận thị trường này. Đời sống pháp lí liên quan đến chứng khoán ở thị trường chứng khoán Việt Nam đã chỉ ra rằng, tranh chấp chứng khoán trên thị trường chứng khoán đầu tiên diễn ra liên quan đến thị trường riêng lẻ mà không phải là thị trường tập trung. Trường hợp của công ti cổ phần Hữu nghị, ngân hàng cổ phần ACB đã cho chúng ta thấy điều đó.

Thứ ba, tranh chấp tại thị trường tập trung. Xuất phát từ nguyên tắc trung gian của thị trường tập trung, các chủ thể thực hiện giao dịch, hưởng các quyền có liên quan đến chứng khoán khác so với các giao dịch thông

thường, làm cho nguy cơ xảy ra tranh chấp trong khoảng thời gian các chủ thể tham gia giao dịch lớn. Thực tế hoạt động của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua cho thấy, nhiều trường hợp, quyền lợi của các bên không đảm bảo, nếu không tự "thu xếp" được, tranh chấp sẽ xảy ra. Những quyền lợi có thể bị ảnh hưởng do quá trình đặt lệnh, đấu lệnh, thời gian thanh toán (T + 3)...

Thứ tư, tranh chấp về quyền và lợi ích của Trung tâm (Sở) giao dịch chứng khoán với các thành viên. Khi tiến hành hoạt động chứng khoán, Trung tâm (Sở) giao dịch có thể gây ra thiệt hại cho các công ti thành viên, hoặc có những hoạt động không đảm bảo lợi ích của hai bên, đó chính là nguy cơ gây ra tranh chấp giữa hai loại chủ thể này. Ở đây cũng cần phải xác định rõ có sự khác biệt giữa tranh chấp về quyền và lợi ích giữa Trung tâm (Sở) với thành viên và các khiếu nại hành chính liên quan tới giao dịch chứng khoán tại thị trường. Trong thời gian trước mắt, Trung tâm giao dịch chứng khoán là đơn vị sự nghiệp có thu; nhiều nội dung hoạt động nhân danh cơ quan quản lí cao nhất về thị trường chứng khoán, việc phân định này còn có những khó khăn nhất định. Trong thời gian tới, khi Trung tâm giao dịch chuyển hình thức sang Sở giao dịch, sự khác biệt này sẽ trở nên rõ ràng hơn.

Như vậy, với phương pháp xác định tiêu chí tranh chấp theo nghĩa rộng, chúng tôi cho rằng chúng ta sẽ có một căn cứ pháp lí thống nhất để giải quyết tranh chấp phát sinh trên thị trường chứng khoán. Đây là một yêu cầu quan trọng của "tính minh bạch", "tính thống nhất" trong quá trình hoàn thiện pháp luật kinh tế Việt Nam đảm bảo xu hướng hội nhập.

3.2.3 Xác định thời điểm phát sinh tranh chấp và thời hiệu khởi kiện tranh chấp trên thị trường chứng khoán

Việc xác định thời điểm phát sinh tranh chấp có ý nghĩa quan trọng, gắn liền với quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong quan hệ cụ thể đó; đồng thời cũng là cơ sở để xác định thời hiệu tố tụng khi các bên đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Do qui định của pháp luật về "thời điểm phát sinh tranh chấp" hiện nay không cụ thể nên có cách hiểu không thống nhất, đặc biệt trong tranh chấp chứng khoán. "Tranh chấp thường bắt nguồn từ những hành vi vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật. Nhưng không phải bất kỳ sự vi phạm nào cũng dẫn đến tranh chấp. Có những trường hợp không có sự vi phạm nhưng vẫn phát sinh tranh chấp"¹. Vì vậy, nhiều trường hợp có sự nhầm lẫn giữa "ngày phát sinh tranh chấp" và ngày "phát hiện ra sự vi phạm". Thông tư liên ngành 04/TTLN ngày 7.01. 1995 "Hướng dẫn thi hành một số qui định của Pháp lệnh giải quyết các vụ án kinh tế" thì "Đối với tranh chấp liên quan đến việc mua, bán cổ phiếu, trái phiếu thì ngày phát sinh là ngày đương sự phát hiện có sự vi phạm trong việc mua, bán cổ phiếu, trái phiếu dẫn đến tranh chấp". Qui định này dường như chỉ đúng và có tính khả thi đối với các tranh chấp mang tính giản đơn và phổ biến tại thị trường chứng khoán riêng lẻ và tranh chấp phát sinh do có sự vi phạm. Tranh chấp tại thị trường tập trung ngày càng phức tạp, nhiều trường hợp khó có thể chỉ ra rõ ràng chủ thể nào có hành vi vi phạm trong tổng các chủ thể tham gia vào giao dịch. Mặt khác, không phải tranh chấp nào cũng xuất phát từ sự vi phạm của bên đối tác, đồng thời còn nhiều tranh chấp khác phát sinh liên quan đến chứng khoán mà không đơn thuần là quan hệ mua bán.

¹ Nguồn: TS. Trần Đình Hảo. Hoà giải/ Thương lượng - Lựa chọn biện pháp giải quyết tranh chấp trong kinh doanh. Tham luận tại hội thảo "Trao đổi kinh nghiệm giải quyết các tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp" 10.1999.

Với những phân tích trên, chúng tôi cho rằng thời điểm xác định có tranh chấp là thời điểm các bên có liên quan đề nghị với bên kia thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm đảm bảo quyền lợi của mình.

Về thời hiệu khởi kiện như đã phân tích, trong trường hợp tranh chấp được khởi kiện tại toà án, các bên được khởi kiện trong thời gian 6 tháng kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Quy định như vậy là quá ngắn và quá cứng nhắc. Quy định này gây khó khăn cho việc giải quyết các vụ án phức tạp này. Mặt khác, các tranh chấp tại trung tâm giao dịch chứng khoán hiện nay bắt buộc "trước hết phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng và hoà giải"¹. Như vậy, trong trường hợp hoà giải không thành hoặc các bên đã mặc nhiên mất đi khoảng thời gian tương đối dài trong tổng số thời hiệu khởi kiện. Theo đúng qui trình nghiệp vụ hoà giải hiện nay tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, thời gian này là 42 ngày². Theo ý kiến chúng tôi, để đảm bảo quyền lợi của bên có lợi ích bị thiệt hại, pháp luật cần nới rộng thời hiệu khởi kiện (có thể là 2 năm). Luật Thương mại hiện hành cũng đã đặt ra thời hiệu này³ cho các tranh chấp thương mại do tính phức tạp vốn có của nó. Nếu so sánh các tranh chấp trên thị trường với tranh chấp thương mại hiện nay⁴, tranh chấp chứng khoán phức tạp không kém. Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện cho các bên thực hiện tốt quyền tự hoà giải và sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp khác, pháp luật cũng cần qui định những khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện.

¹ Nguồn: Điều 79, Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11.7.1998.

² Nguồn: Qui trình nghiệp vụ hoà giải tranh chấp tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 43/2000/QĐ-TTGD3 ngày 14.6.2000.

³ Nguồn: Điều 242 Luật Thương mại.

⁴ Nguồn: Tranh chấp thương mại được đề cập ở phần này chỉ bó hẹp trong phạm vi 14 hành vi thương mại ghi nhận tại Điều 45 Luật Thương mại mà không phân tích trong phạm vi rộng như Luật thương mại các nước.

3.2.4 Xác định rõ thời điểm hình thành, chấm dứt quyền sở hữu chứng khoán và các quyền có liên quan đến chứng khoán

Quyền sở hữu chứng khoán nói chung, quyền sở hữu tài sản nói riêng quyết định tính hợp pháp hay không của các chủ thể liên quan. Về nguyên tắc, quyền sở hữu xác lập kể từ thời điểm nhận tài sản¹. Quyền sở hữu đối với tài sản chấm dứt kể từ thời điểm phát sinh quyền sở hữu của người được chuyển giao². Tuy nhiên, đối với giao dịch chứng khoán phức tạp hơn rất nhiều. Đối với giao dịch tại thị trường riêng lẻ, kể cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, việc hình thành hoặc chấm dứt quyền sở hữu được tính từ thời điểm chứng khoán được chuyển giao cho bên mua (hoặc ghi có vào tài khoản chứng khoán của người đầu tư nếu đó là chứng khoán ghi sổ). Đối với giao dịch tại thị trường tập trung, hiện nay chưa có qui định cụ thể nào xác định thời điểm hình thành quyền sở hữu đối với chứng khoán cũng như chấm dứt quyền sở hữu đối với chứng khoán. Mà theo ý kiến chúng tôi, đây là vấn đề cực kỳ phức tạp. Thêm nữa, giao dịch chứng khoán tại thị trường tập trung được thực hiện qua trung gian (công ty chứng khoán), chu kỳ thanh toán chứng khoán (T+3) làm cho việc xác định quyền sở hữu phức tạp hơn rất nhiều. Trong khoảng thời gian thanh toán (T+3) đã coi quyền sở hữu chứng khoán thuộc về bên mua được khớp lệnh hay chưa? Mặc dù pháp luật không qui định cụ thể nhưng chúng tôi cho rằng quyền sở hữu chưa thuộc về bên mua, bởi lẽ pháp luật đã qui định rõ trong khoảng thời gian đó, bên mua chưa được sử dụng số chứng khoán này để đặt cho các lệnh bán tiếp theo. Nếu thực hiện là hành vi trái pháp luật¹. Quyền sở hữu cũng không còn của bên bán, trong khoản thời gian này bên bán không được phép đặt tiếp lệnh bán đối với lượng chứng khoán đã được khớp lệnh trước đó. Vậy nếu rủi ro xảy ra cho chứng khoán trong thời gian này sẽ thuộc về

¹ Nguồn: Điều 242, Bộ luật Dân sự.

² Nguồn: Điều 256, Bộ luật Dân sự.

ai, quyền hưởng bồi thường (nếu có) sẽ thuộc về ai? Những vấn đề này chưa sảy ra tại thị trường chứng khoán Việt Nam, không phải do pháp luật và nghiệp vụ, chuyên môn của các đối tượng tham gia vào thị trường "quá hoàn hảo" mà do các giao dịch thực tế trên thị trường còn quá mỏng. Chúng tôi cho rằng, với điều kiện của công nghệ hiện nay, đối với các giao dịch tại thị trường tập trung, cần rút ngắn đến mức tối đa thời gian của một chu kỳ thanh toán (T + 0). Ý kiến này của chúng tôi hoàn toàn dựa trên khả năng của thị trường hiện nay; mặt khác, cũng hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế theo hướng "xây dựng nền kinh tế tri thức" như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra. Đồng thời với việc rút ngắn chu kỳ thanh toán chứng khoán, pháp luật cũng cần qui định rõ thời điểm xác định quyền sở hữu chứng khoán của một chủ thể. Cần qui định rõ thời điểm xác định quyền sở hữu chứng khoán đối với hoạt động phát hành, giao dịch tại thị trường OTC, thị trường riêng lẻ. Cũng cần qui định thời điểm xác định quyền sở hữu đối với chứng khoán được giao dịch tại thị trường tập trung. Làm tốt những yêu cầu này, việc xác lập quyền và nghĩa vụ của người sở hữu chứng khoán được chính xác, hạn chế tối đa nguy cơ dẫn đến tranh chấp về sở hữu chứng khoán.

3.2.5 Mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp về chứng khoán

Chúng ta đã thống nhất, tranh chấp về chứng khoán dù ở đâu cũng bao gồm những nội dung cơ bản như nhau. Chính vì vậy, việc thống nhất về phương thức giải quyết tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, trình tự tố tụng là yêu cầu của "tính thống nhất" trong pháp luật nói chung và pháp luật về thị trường chứng khoán nói riêng. Theo qui định hiện hành, mặc dù đều là tranh chấp về chứng khoán, nhưng các phương thức giải quyết tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và trình tự tố tụng là không thống nhất. Đối với tranh chấp tại thị trường tập trung, thương lượng và hoà giải là phương

¹ Nguồn: Điều 5, khoản 1 mục e Nghị định 22/2000/NĐ-CP ngày 10.7.2000 về xử phạt vi phạm hành

thức đầu tiên và mang tính chất bắt buộc¹. Giai đoạn này không được tính vào thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh tế theo phương thức trọng tài hoặc toà án vì "Trường hợp hoà giải không thành, các bên có thể đưa tranh chấp ra cơ quan trọng tài kinh tế hoặc toà án để xét xử theo qui định của pháp luật", là hình thức hoà giải ngoài tổ tụng. Mặt khác, khả năng giải quyết các tranh chấp thông qua hoà giải của Ban hoà giải tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cũng chỉ bó hẹp là "các tranh chấp phát sinh trong hoạt động giao dịch chứng khoán"² mà không bao trùm "các tranh chấp phát sinh trong hoạt động phát hành, kinh doanh và giao dịch chứng khoán"¹. Ngoài các tranh chấp đó, các tranh chấp khác có thể tiến hành như trình tự giải quyết các tranh chấp kinh tế thông thường, các bên có thể lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải hoặc tiến hành giải quyết ngay tại tổ chức trọng tài hoặc toà án. Tại cơ quan trọng tài, toà án các bên thực hiện hoà giải như bước đi ban đầu, mang tính bắt buộc của giải quyết tranh chấp. Điểm khác ở đây là, *hoà giải tại toà án hay trọng tài lại là hình thức hoà giải trong tổ tụng*, được tính vào thời gian. Với những phân tích này, chúng tôi muốn chỉ ra sự không thống nhất của pháp luật đối với những sự việc có bản chất giống nhau. Vì vậy, cần phải thống nhất trình tự giải quyết tranh chấp với xu hướng qui định tất cả các tranh chấp trên thị trường chứng khoán (với nghĩa rộng, được phân tích tại phần 3.2.2.) trước hết được giải quyết bằng thương lượng, hoà giải. Kiến nghị này không chỉ xuất phát từ yêu cầu thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật (trong đó có pháp luật giải quyết tranh chấp chứng khoán) mà còn dựa vào kinh nghiệm giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán nhiều nước trên thế giới như Hàn Quốc, Malaysia, Trung Quốc, Nhật Bản... Đồng thời với việc qui định thống nhất việc giải quyết tranh chấp,

chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

¹ Nguồn: Điều 79, khoản 1 Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11.7.1998.

² Nguồn: Điều 2 Quy định về tổ chức Ban hoà giải tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 39/2000/QĐ-TTGD3 ngày 12.6.2000.

cũng cần phải mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp chứng khoán. Các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp được thực hiện đối với các giao dịch phát sinh trên thị trường chứng khoán, không phân biệt tranh chấp đó phát sinh ở bộ phận thị trường nào, trong giai đoạn nào của hoạt động liên quan đến chứng khoán. Có qui định như vậy, quyền bình đẳng và tự do trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, cơ quan giải quyết tranh chấp mới được đảm bảo. Tiến sĩ Phạm Duy Nghĩa cho rằng "tranh chấp kinh doanh bao gồm tranh chấp liên quan đến chứng khoán (phát hành hay cả giao dịch trên thị trường thứ cấp"¹ nên cần phải thực hiện việc giải quyết tranh chấp cho các chủ thể với những cơ hội như nhau.

3.2.6 Ban hành, sửa đổi văn bản pháp luật theo xu hướng qui định rõ trình tự giải quyết tranh chấp tại thị trường, trong đó nhấn mạnh vai trò của hoà giải và vai trò của cán bộ pháp luật, phòng chức năng trong lĩnh vực pháp luật.

Bất kỳ nhà kinh doanh nào, trong lĩnh vực nào đều thừa nhận tính ưu việt của việc giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hoà giải. Thực tế, hầu hết các trường hợp có tranh chấp, các bên đều tiến hành hoà giải, thương lượng; nếu không đạt kết quả mới nhờ đến cơ quan tài phán. Tuy nhiên, như đã phân tích, không chỉ trong lĩnh vực tranh chấp chứng khoán mà các lĩnh vực kinh tế khác, pháp luật qui định về vấn đề hoà giải còn rất chung chung, mang nặng tính hình thức. Mặc dù chỉ bó hẹp trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động giao dịch chứng khoán, nhưng hiện nay chúng ta vẫn chưa qui định chi tiết việc giải quyết tranh chấp chứng khoán tại một văn bản pháp lý nào (ngoài Điều 79 Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11.7.1998). Việc Trung tâm giao dịch chứng khoán ban hành quyết định thành lập Ban hoà giải, Qui trình nghiệp vụ hoà giải

¹ Nguồn: Điều 79 khoản 1 Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11.7.1998.

tranh chấp² không có nghĩa chúng ta đã có văn bản pháp luật qui định vấn đề này, bởi lẽ Trung tâm giao dịch chứng khoán là "đơn vị sự nghiệp có thu"¹ mà không phải là cơ quan quản lý nhà nước, không có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật. Vì vậy, cần sớm phải ban hành văn bản pháp luật về thương lượng, hoà giải để tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành các tổ chức có liên quan, các hoạt động phù hợp. Tranh chấp trên thị trường chứng khoán thường phức tạp nên văn bản ban hành có thể điều chỉnh lĩnh vực riêng biệt (chứng khoán) nhưng không thể nằm ngoài xu hướng hoàn thiện mô hình các tổ chức, các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế. Điều này được lý giải bởi bản chất các tranh chấp chứng khoán chính là tranh chấp kinh tế (nếu chúng ta còn tiếp tục phân chia tranh chấp thành tranh chấp dân sự và tranh chấp kinh tế).

Một vấn đề đặt ra đối với quá trình giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán nói riêng và hoạt động kinh tế nói riêng là việc áp dụng pháp luật để đưa ra những phán xét nhất định. Luật áp dụng ở đây không chỉ đơn thuần là pháp luật chứng khoán (mang tính chất chuyên ngành) mà còn liên quan đến đến rất nhiều văn bản pháp luật, ngành luật khác. Chẳng hạn, đối với những tranh chấp về quyền sở hữu chứng khoán và các quyền có liên quan, luật áp dụng không chỉ đơn thuần pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động chứng khoán mà còn dựa trên nhiều văn bản pháp luật khác, có thể chỉ ra văn bản mang tính đại diện như Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp. Các chủ thể có liên quan không chỉ dựa trên "luật nội dung" mà còn phải tuân thủ "luật tố tụng" như Pháp lệnh giải quyết các vụ án kinh tế, pháp luật về trọng tài. Nhiều thuật ngữ pháp lý nếu không được hiểu đúng và áp dụng đúng đắn, quyền lợi của các bên có liên quan không được đảm

¹ Nguồn: TS. Phạm Duy Nghĩa: Các vấn đề trao đổi liên quan đến giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Việt Nam. Tham luận tại hội thảo giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp do viện KAS, LERES và Khoa Luật - Đại học Quốc gia tổ chức 10.1999.

² Nguồn: Quyết định 39/2000/QĐ-TTGD3 ngày 12.6.2000; Quyết định 43/2000/QĐ-TTGD3 ngày 14.6.2000.

bảo, quan trọng hơn, nguyên tắc pháp chế bị vi phạm, tính tôn nghiêm của pháp luật không được bảo toàn. Thực tế hoạt động chứng khoán, quản lý nhà nước về chứng khoán ở thị trường chứng khoán Việt Nam đã chỉ ra rằng sự hiểu biết pháp luật và áp dụng pháp luật một cách tổng thể của các chuyên gia chứng khoán chưa đủ để giải quyết mọi vấn đề pháp lý phát sinh (nếu có). Với những phân tích này, chúng tôi muốn chỉ ra vai trò của các cán bộ pháp luật, cơ quan tư vấn pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán. Những đối tượng này là các chuyên gia pháp luật, có khả năng áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp nhuần nhuyễn nhất. Họ đồng thời cũng là các chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán (trong sự so sánh với các chuyên gia pháp lý thuộc các chuyên ngành khác). Vì vậy, trong quá trình giải quyết tranh chấp chứng khoán, cụ thể là, trong thành phần của Ban hoà giải bắt buộc phải có chuyên gia pháp lý (tham gia với tư cách thành viên). Chuyên gia pháp lý này có thể đang công tác tại Trung tâm (Sở) giao dịch hoặc là chuyên gia pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán (thành viên của phòng chính sách pháp luật) hoặc có thể là chuyên gia pháp lý độc lập. Mỗi trường hợp đều có những lợi thế riêng. Chẳng hạn như, nếu là cán bộ của Trung tâm (Sở) giao dịch, họ là đối tượng "cọ sát" trực tiếp với hoạt động chứng khoán; nắm bắt nhanh nhất các diễn biến của thị trường, nguyên nhân phát sinh tranh chấp vì vậy quyết định, hoặc hướng dẫn... phản ánh được "tính thực tế". Nếu chuyên gia pháp lý là cán bộ của Ủy ban Chứng khoán, những đối tượng này chính là những người tham gia vào quá trình tư vấn, soạn thảo các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán nên họ hiểu hơn ai hết nội dung trong mỗi văn bản. Việc phán quyết, hướng dẫn, giúp đỡ sẽ phản ánh đúng tinh thần của văn bản pháp luật. Không chỉ như vậy, việc tham gia với tư cách thành viên của Ban hoà giải (nếu được chấp

¹ Nguồn: Điều 1 Quyết định 127/1998/QĐ-TTg ngày 11.7.1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm giao dịch chứng khoán.

nhận) không chỉ mang lại lợi ích cho các bên có tranh chấp mà còn mang lại lợi ích cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sự tham gia của họ đồng nghĩa với việc các đối tượng này nắm được những vấn đề cơ bản phát sinh trên thị trường nhanh nhất, chính xác nhất, từ đó Ủy ban Chứng khoán có được những biện pháp quản lý phù hợp. Tuy nhiên, để chuyên gia pháp lý Ủy ban chứng khoán nhà nước thực sự phát huy được khả năng của mình, đảm bảo chất lượng tư vấn, yêu cầu đặt ra cho đối tượng này là phải thường xuyên được đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao tri thức và cập nhật hệ thống pháp luật. Ủy ban chứng khoán chính là chủ thể có khả năng tích cực nhất đảm bảo thực hiện những lợi ích chính đáng này. Sự tham gia của các chuyên gia pháp lý độc lập cũng có ưu điểm. Chuyên gia độc lập sẽ đánh giá sự việc mang tính khách quan hơn. Mặt khác, các chuyên gia độc lập muốn tham gia vào Ban hoà giải thường phải có những điều kiện nhất định. Chính những điều kiện đó đã phản ánh tính khoa học (trong việc áp dụng pháp luật) và tính thực tế (đánh giá sự việc cụ thể trong quan hệ thị trường mà không bị yếu tố quản lý hoặc yếu tố lý thuyết chi phối).

Một vấn đề khác cũng được đặt ra là cơ cấu thành viên của ban hoà giải. Cơ cấu của ban hoà giải hiện hành chưa cụ thể, không phản ánh hết ý chí của các chủ thể có liên quan: thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán, đại diện của công ty chứng khoán thành viên, các thành viên khác theo đề nghị của Trưởng Ban hoà giải¹. Cơ cấu này chỉ đặt ra đối với tranh chấp tại thị trường tập trung mà không phản ánh được tranh chấp ngoài thị trường tập trung. Có thể thấy rằng mặc dù Quyết định 39/2000/QĐ-TTGD3 ngày 12.6.2000 không phải là văn bản pháp luật nhưng đã thể hiện một cách khá rõ ràng ý đồ của Trung tâm giao dịch Chứng khoán. Để khắc phục những hạn chế này, cần phải qui định cụ thể cơ cấu thành viên, điều kiện trở thành thành viên của Ban hoà giải.

3.2.7 Tăng cường sự tham gia của toà án vào quá trình giải quyết tranh chấp bằng hoà giải, trọng tài

Trong thời gian qua, việc giải quyết tranh chấp bằng các con đường phi toà án gặp rất nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân do sự tham gia của toà án vào các phương thức giải quyết này còn rất hạn chế. Hạn chế nhất hiện nay của thương lượng, hoà giải là phương án hoà giải không thực hiện được nếu các bên không thiện chí thực hiện vì không có biện pháp cưỡng chế thi hành. Ngay đối với các phương án hoà giải thực hiện trên cơ sở hoà giải bắt buộc cũng không cưỡng chế thi hành được vì chỉ là bắt buộc phải sử dụng hoà giải như phương pháp đầu tiên chứ không có nghĩa quyết định hoà giải là bắt buộc. Chính vì vậy, đối với chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ nêu trong phán quyết, họ có thể chấp nhận phương án hoà giải nhưng trì hoãn thực hiện nghĩa vụ hoặc không thực hiện nghĩa vụ. Kết quả là tranh chấp không thực hiện được bằng con đường hoà giải, nguy cơ hết thời hiệu khởi kiện là tiềm tàng. Với những phân tích trên, chúng tôi cho rằng pháp luật cần qui định toà án có trách nhiệm từ chối thụ lý vụ việc phát sinh từ các tranh chấp bắt buộc phải hoà giải; đồng thời thời gian hoà giải ngoài toà án không tính vào thời hiệu khởi kiện. Một điểm cần xem xét thêm, đó là trường hợp đã có phương án hoà giải thành, nếu vụ việc tiếp tục được giải quyết tại toà án thì hội đồng xét xử phải coi phương án hoà giải như là một tài liệu quan trọng để đưa ra phán quyết cuối cùng. Chỉ có qui định như vậy, việc hoà giải trước tố tụng mới có ý nghĩa, các hoạt động hoà giải mới được phát huy, uy tín của ban hoà giải mới được giữ vững. Để thực hiện được điều đó, yêu cầu cần phải đạt được là uy tín của thành viên Ban hoà giải (điều kiện thành viên), cơ cấu thành phần ban hoà giải phải đáp ứng được nhu cầu thị trường. Thực tế quá trình giải quyết tranh chấp chứng

¹ Nguồn: Điều 6 Quy định về tổ chức Ban hoà giải tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo quyết định 39/2000/QĐ-ITGD3 ngày 12.6.2000 của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

khoán ở Hàn Quốc có thể là kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong vấn đề này. Tuy nhiên, để các phán quyết (của trọng tài, của ban hoà giải, của toà án) có giá trị cao, phản ánh đúng nguyện vọng của các bên, yêu cầu đối với thành viên xét xử, trọng tài viên, thành viên ban hoà giải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vì vậy, theo ý kiến chúng tôi, thành viên của hội đồng xét xử, trọng tài viên phải là những (hoặc ít nhất có một thành viên) am hiểu về pháp luật chuyên ngành chứng khoán, hiểu biết về hoạt động chứng khoán. Không loại trừ trường hợp chúng ta có thẩm phán, trọng tài viên chuyên về lĩnh vực này. Hoặc một mô hình giải quyết tranh chấp trên thị trường bằng con đường tố tụng có thể nêu ra để tham khảo: có thể thành lập Hội đồng xét xử đặc biệt trong đó thành viên của hội đồng ít nhất có thẩm phán (trọng tài) chuyên về lĩnh vực chứng khoán, có chuyên gia chứng khoán (có thể là chuyên gia độc lập). Hội đồng xét xử với cơ cấu thành viên như vậy có khả năng đưa ra những phán quyết có giá trị.

3.2.8 Vấn đề về giải quyết tranh chấp chứng khoán có yếu tố nước ngoài

Việc giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài luôn phức tạp. Việc hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp chứng khoán có yếu tố nước ngoài không nằm ngoài tranh chấp kinh tế. Trong giai đoạn trước mắt, cần xem xét, hoàn thiện lại một số qui định của luật nội dung (như qui định về tỷ lệ nắm giữ chứng khoán). Trong tương lai lâu dài, chúng ta không thể không tính tới tranh chấp có thể phát sinh liên quan đến chứng khoán niêm yết chéo tại thị trường tập trung nước ta. Liên quan đến vấn đề này, thực chất là nội dung có phạm vi rất rộng, bao hàm cả vấn đề xác định thế nào là "có yếu tố nước ngoài tham gia", thế nào được coi là doanh nghiệp Việt Nam, vấn đề sở hữu chứng khoán của các tổ chức và cá nhân nước ngoài. Vì vậy, chúng tôi đặt yêu cầu cụ thể về vấn đề giải quyết tranh chấp chứng

khoán có yếu tố nước ngoài tham gia trong khuôn khổ của một đề tài khoa học khác.

Kết luận: Pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã được xem xét và nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện và biện chứng. Pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán hiện nay đã có những quy định, làm cơ sở pháp lý giải quyết một số tranh chấp chứng khoán trong thực tế. Tuy nhiên, xét một cách khách quan, pháp luật giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán Việt Nam mới chỉ dừng lại ở những quy định chung chung, quy định ban đầu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong thực tế. Đề tài khoa học này đưa ra một số giải pháp cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp nói chung và trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2001.
2. TS. Đinh Dũng Sĩ: Thực trạng pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán ở Việt Nam và đòi hỏi về phương hướng hoàn thiện. Báo cáo tham luận tại hội thảo "Hoàn thiện các văn bản pháp luật của thị trường chứng khoán Việt Nam" 11.2000.
3. TS. Trần Đình Hảo: Hoà giải/Thương lượng - Lựa chọn biện pháp giải quyết tranh chấp trong kinh doanh. Tham luận tại Hội thảo " Trao đổi kinh nghiệm giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp" 10.1999.
4. TS. Trần Duy Nghĩa: Các vấn đề trao đổi liên quan đến giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Việt Nam. Tham luận tại hội thảo "Giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp" do Viện KAS, LERES và Khoa Luật - Đại học quốc gia tổ chức 10.1999.
5. Giáo trình: Kỹ năng giải quyết các vụ án kinh tế. Trường đào tạo các chức danh tư pháp. Nhà xuất bản Công an nhân dân 2001.
6. Asia - Pacific Securities Markets. Matthew Harrison 1991. Longman.
7. Luật Doanh nghiệp 1999. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia 2000.
8. Luật Doanh nghiệp nhà nước 1993.
9. Bộ luật Dân sự.
10. Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế.
11. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá IX) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

12. Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11.7.1998 về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
13. Nghị định số 116/CP ngày 5/9/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế.
14. Nghị định 120/CP ngày 17.9.1994 ban hành Quy chế tạm thời về phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp nhà nước.
15. Nghị định 59/CP ngày 3.10.1996 ban hành Quy chế hoạt động tài chính của doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh.
16. Nghị định 27/1999/NĐ-CP ngày 20.4.1999 sửa đổi một số điều của nghị định 59/CP ngày 3.10.1996.
17. Nghị định 63/2001/NĐ-CP ngày 23/9/2001 về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn do tổ chức thành lập.
18. Quyết định số 204/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/04/1993 về tổ chức Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt nam.
19. Securities Act of 1933 of American.
20. Securities Exchange Act of 1934 of American.
21. Uniform Securities Act of American.
22. Uniform Code of Arbitration of American.
23. Securities and Exchange Law of Japan.
24. Malaysian Securities Industries Act.
25. The Securities and Exchange of Thailand Act.
26. Current Laws of The Republic of Korea: enforcement Decree of The Securities and Exchange Act.

27. Uncitral Arbitration Rules.

28. Uncitral Model Law on International Commercial Arbitration.

29. Rules of Arbitration.